Luận Đại Trí Độ

Tập IV

Cuốn 66 - 70

(Mahàprajnàparamitàsatra)

Tác giả: **Nàgàrjuna (Long Thọ)**
Dịch Phạn ra Hán: **Cưu Ma La Thập**
Việt Dịch HT.Thiện Siêu

Viện Nghiên Cứu Phật Học Việt Nam
Ấn hành 1997

---o0o---

Nguồn

http://www.quangduc.com

Luận Đại Trí Độ

Tập IV

Cuốn 66 - 70

(Mahàprajnàparamitàsatra)

Tác giả: **Nàgàrjuna (Long Thọ)**
Dịch Phạn ra Hán: **Cưu Ma La Thập**
Việt Dịch HT.Thiện Siêu

Cuốn 66 3

GIẢI THÍCH: PHẨM VĂN TRÌ THỨ 45. 3

Cuốn 67 19

Cuốn 68 36

GIẢI THÍCH: PHẨM MA SỰ THỨ 46. 36

GIẢI THÍCH: PHẨM HAI BÊN KHÔNG HÒA HỢP THỨ 47. 48

Cuốn 69 53

GIẢI THÍCH: PHẨM PHẬT MẪU THỨ 48. 64

Cuốn 70 74

GIẢI THÍCH: PHẨM VẤN TƯỚNG THỨ 49 82

Cuốn 66

GIẢI THÍCH: PHẨM VĂN TRÌ THỨ 45.

(Kinh Ma ha Bát nhã ghi: Phẩm Kinh Nhỉ Văn Trì)

(Kinh Đại Bát Nhã ghi: Phần 2, Phẩm Đông Bắc Phương thứ 43)

KINH: Bấy giờ Thích đề hoàn nhân nghĩ rằng: Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân, tai được nghe Bát nhã ba la mật, là người đời trước đã làm công đức đối với chư Phật, và đã theo cùng thiện tri thức; huống gì thọ trì, thân cận, đọc tụng, nhớ nghĩ đúng, tu hành đúng như lời nói, nên biết thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy đã từng thân cận chư Phật nhiều; hoặc được nghe thọ trì, nhớ nghĩ đúng, tu đúng như nói, có thể hỏi có thể đáp, nên biết thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy, vì đời trước đã cúng dường thân cận chư Phật nhiều, nên nghe Bát nhã ba la mật sâu thẳm mà không kinh, không hãi, không sợ, nên biết thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy, trong vô lượng ức kiếp đã tu Thí ba la mật, Giới ba la mật, Nhẫn ba la mật, Tấn ba la mật, Thiền ba la mật, Bát nhã ba la mật.

Bấy giờ Xá lợi phất bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Nếu có thiện nam tử thiện nữ nhân, nghe Bát nhã ba la mật sâu thẳm ấy, không kinh, không hãi, không sợ, nghe rồi thọ trì, thân cận tu hành đúng như nói, nên biết thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy, như Bồ tát ma ha tát không thối chuyển, vì sao? Bạch đức Thế Tôn, vì Bát nhã ba la mật ấy rất sâu, nếu đời trước tu Thí ba la mật, Giới ba la mật, Nhẫn ba la mật, Tấn ba la mật, Thiền ba la mật, Bát nhã ba la mật, không lâu, thời không thể tin hiểu Bát nhã ba la mật sâu thẳm.

Bạch đức Thế Tôn, nếu có thiện nam tử thiện nữ nhân, hủy báng Bát nhã ba la mật sâu thẳm, nên biết người ấy đời trước cũng hủy báng Bát nhã ba la mật sâu thẳm, vì sao? Vì thiện nam tử thiện nữ nhân ấy, khi nghe nói Bát nhã ba la mật sâu thẳm, không tin không vui, tâm không thanh tịnh, nên biết thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy đời trước không hỏi không nạn Phật và đệ tử nên như thế nào tu Thí ba la mật, Giới ba la mật, Nhẫn ba la mật, Tấn ba la mật, Thiền ba la mật, Bát nhã ba la mật; nên tu như thế nào nội không cho đến nên tu như thế nào vô pháp hữu pháp không; nên tu như thế nào bốn niệm xứ, cho đến nên tu như thế nào tám Thánh đạo phần; nên tu như thế nào Phật mười lực, cho đến nên tu như thế nào mười tám pháp không chung?

Thíc đề hoàn nhân nói với Xá lợi phất: Bát nhã ba la mật sâu thẳm ấy, nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân tu Thí ba la mật, Giới ba la mật, Nhẫn ba la mật, Tấn

ba la mật, Thiền ba la mật, Bát nhã ba la mật không lâu, không tu nội không cho đến vô pháp hữu pháp không; không tu bốn niệm xứ, bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc, không tu bốn niệm xứ cho đến tám Thánh đạo phần; không tu Phật mười lực cho đến mười tám pháp không chung. người như vậy không tin không hiểu Bát nhã ba la mật, có gì đáng quái lạ! Đại đức Xá lợi phất, tôi kính lễ Bát nhã ba la mật, đảnh lễ Bát nhã ba la mật là đảnh lễ nhất thiết trí.

Phật bảo Thích đề hoàn nhân: Như vậy, như vậy, Kiều thi ca, kính lễ Bát nhã ba la mật là kính lễ nhất thiết trí, vì sao? Kiều thi ca, vì nhất thiết trí của chư Phật đều từ Bát nhã ba la mật xuất sanh. Nhất thiết trí là Bát nhã ba la mật. Vì thế, Kiều thi ca! Thiện nam tử, thiện nữ nhân muốn trụ ở nhất thiết trí, nên trú ở Bát nhã ba la mật. Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân muốn trú ở đạo chủng trí nên tập hành Bát nhã ba la mật. Muốn dứt tất cả kiết sử và tập khí, nên tập hành Bát nhã ba la mật.

Thiện nam tử, thiện nữ nhân muốn chuyển pháp luân, nên tập hành Bát nhã ba la mật. Thiện nam tử thiện nữ nhân, muốn được quả Tu đà hoàn, quả Tư dà hàm, quả A na hàm, quả A la hán, nên tập hành Bát nhã ba la mật. Muốn được Bích chi Phật đạo, nên tập hành Bát nhã ba la mật, muốn giáo hóa chúng sanh làm cho được quả Tu đà hoàn, quả Tư đà hàm, quả A na hàm, quả A la hán, Bích chi Phật đạo, nên tập hành Bát nhã ba la mật. Nếu thiện nam tử thiện nữ nhân muốn giáo hóa chúng sanh làm cho được Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, hoặc muốn thống nhiếp Tỳ kheo tăng, nên tập hành Bát nhã ba la mật.

LUẬN: Thích đề hoàn nhân là vua các trời, trí lợi căn thắng hơn, vì tin Phật pháp, lại tăng ích gấp bội, như lửa gặp gió, lại càng cháy bừng. Nghe Tu bồ đề dùng các nhân duyên khen ngợi Bát nhã ba la mật, Phật lấy lẽ sâu xa tán thành lời khen ngợi ấy. Đế thích phát tâm hy hữu nghĩ rằng: Nếu thiện nam tử thiện nữ nhân, tai được nghe kinh Bát nhã, là người ở đời trước đã cúng dường nhiều chư Phật, làm công đức lớn, nên đời nay gặp được thầy tốt, thiện tri thức đồng học, nhân đời trước cúng dường Phật, duyên đời nay gặp thiện tri thức, nên nghe Bát nhã ba la mật thì tin được, huống gì còn đọc tụng, suy nghĩ, nhớ nghĩ đúng, tu tập thiền định, trù lượng phân biệt nghĩa lý ý thú, hay thành tựu sự việc. nên biết người ấy, từ nơi chư Phật và đệ tử quá khứ, nghe nghĩa lý Bát nhã ba la mật liền tín thọ, không hãi, không sợ, vì sao? Vì người ấy từng trong vô lượng vô số kiếp tu các công đức sáu Ba la mật v.v... cho nên tuy chưa đến địa vị bất thối chuyển, mà đối với thâm pháp chẳng nghi chẳng hối, thí như lông nhỏ khô mới mọc trên ngón tay cái, theo gió thổi qua lại đông tây, còn lông ướt dây thừng cứng thời không lay động. Bồ tát mới phát tâm cũng như thế, tu đức chẳng lâu,

làm phước cạn mỏng, nghe theo lời người khác, không thể tín thọ Bát nhã ba la mật; nếu tu phước đức lâu, không nghe theo lời người khác, thời có thể tín thọ Bát nhã ba la mật sâu thẳm, không kinh, không sợ.

Trong khi Đế thích tư duy niệm tưởng Bát nhã ba la mật có vô lượng công đức, Xá lợi phất biết tâm niệm của Đế thích nên bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn, Thiện nam tử thiện nữ nhân, tuy chưa vào Bồ tát vị, mà có thể tín thọ Bát nhã ba la mật sâu thẳm, không kinh, không sợ, làm đúng như lời nói, ấy là người có phước đức, trí tuệ, tín lực lớn, nên biết như địa vị bất thối chuyển không khác.

Trong đây Phật tự nói nhân duyên: Bát nhã ba la mật rất sâu, không có tướng có thể thủ, có thể tin, có thể thọ, nếu tín thọ được, đó là hy hữu, như người trồng cây giữa không, là việc rất khó.

Tất cả phàm phu khi được pháp thù thắng thời bỏ việc củ, như được cái vui thiền định liền bỏ cái vui ngũ dục. Cho đến nương chỗ Hữu đảnh bỏ công đức ở chỗ Vô sở hữu, không thể không có nơi nương tựa mà có việc bỏ được, như con sâu đo tìm cành, đặt chân trước mới tiến bước chân sau, tận cùng mút cành, không còn chỗ nương tựa, mới trở lui chỗ cũ. Bồ tát ấy chưa đắc đạo, đối với Bát nhã ba la mật không có chỗ nương tựa, mà có thể tu phước đức, bỏ năm dục, việc ấy hy hữu! Trong đây nói về nhân duyên là người ấy đời trước đã tín thọ, tu lâu sáu Ba la mật, nhóm nhiều các phước đức. Trái với tín thọ, là hủy báng Bát nhã. Như người có phước đức sâu dày, là do tích tập lâu ngày, người không tin mà hủy báng cũng do tập quen lâu ngày.

Hỏi: Nếu đời trước chê bai bủy báng, thì đáng đọa địa ngục, cớ gì lại được nghe Bát nhã?

Đáp: Có người nói, người ấy tội đọa địa ngục đã hết, trở lại hủy báng, chứ không nói về thân kế tiếp sau.

Có người nói: Gây nghiệp tích chứa sâu nặng, thời mới đưa đến quả báo, còn người này đời trước, tuy chẳng tin, mà tích chứa nghiệp chưa dày, thời chưa chịu quả báo; nhờ phước đức dư thừa được sanh trong loài người, tiếp tục lại không tin.

* Lại nữa, có người nói, tội ngũ nghịch, thân kế tiếp mới chắc chắn thọ báo, còn tội khác thì không như vậy, hoặc thân kế tiếp, hoặc thân lâu sau nữa.

Khi ấy Đế thích nói với Xá lợi phất: Bát nhã ba la mật ấy rốt ráo không, không có gì của chính nó, nên rất sâu. Bồ tát không tu công đức lâu, thời tâm nhiễm trước

kiên cố, sức tin nhỏ yếu, nên chẳng tin Bát nhã ba la mật cho đến nhất thiết trí, đâu đủ cho quái lạ.

Đế thích suy nghĩ trù lượng rằng: Tin Bát nhã ba la mật, phước đức vô lượng, chẳng tin mắc tội rất nặng, người thâm ái Bát nhã ba la mật nên phát ra lời rằng: Tôi sẽ kính lễ Bát nhã, vì sao? Vì kính lễ Bát nhã ba la mật, là kính lễ nhất thiết trí, kính lễ nhất thiết trí là kính lễ ba đời mười phương Phật.

Khi ấy, Phật nhận lời kia, và nói nhân duyên tán thán Ba la mật, là tất cả trí tuệ của chư Phật đều từ trong Bát nhã xuất sanh, thế nên nói: Nếu có Bồ tát muốn trụ trong nhất thiết trí cho đến thống nhiếp Tỳ kheo tăng, thời nên tập hành Bát nhã ba la mật.

KINH: Thích đề hoàn nhân bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn, khi Bồ tát ma ha tát muốn tu hành Bát nhã ba la mật, thế nào là trú Bát nhã ba la mật, Thiền ba la mật, Tấn ba la mật, Nhẫn ba la mật, Giới ba la mật, Thí ba la mật? Thế nào là trú nội không cho đến vô pháp hữu pháp không? Thế nào là trú bốn thiền, bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc, năm thần thông? Thế nào là trú bốn niệm xứ cho đến tám Thánh đạo phần? Thế nào là trú Phật mười lực cho đến tám pháp không chung?

Bạch đức Thế Tôn, Bồ tát ma ha tát làm sao tu hành Bát nhã ba la mật cho đến Thí ba la mật, nội không cho đến mười tám pháp không chung?

Phật dạy: Thích đề hoàn nhân: Lành thay, lành thay, Kiều thi ca, người vui hỏi được việc ấy, đều là do thần lực Phật. Kiều thi ca, Bồ tát ma ha tát khi tu hành Bát nhã ba la mật, nếu không trụ sắc là tu hành Bát nhã ba la mật, nếu không trụ thọ, tưởng, hành, thức là tu hành Bát nhã ba la mật, không trụ mắt, tai, mũi, thân, ý, sắc, tiếng, mùi, vị, xúc, pháp, nhãn giới, cho đến ý thức giới, cũng như vậy.

Kiều thi ca, nếu Bồ tát ma ha tát không trú Bát nhã ba la mật là tập hành Bát nhã ba la mật, không trú Thiền ba la mật là tập hành Bát nhã ba la mật, không trú Tấn ba la mật là tập hành Bát nhã ba la mật, không trú Nhẫn ba la mật là tập hành Bát nhã ba la mật, không trú Giới ba la mật là tập hành Bát nhã ba la mật, không trú Thí ba la mật là tập hành Bát nhã ba la mật.

Như vậy, Kiều thi ca, ấy gọi là Bồ tát ma ha tát không trú Bát nhã ba la mật là tập hành Bát nhã ba la mật.

Kiều thi ca, không trú nội không là tập hành nội không cho đến không trú vô pháp hũu pháp không là tập hành vô pháp hữu pháp không, không trú bốn thiền là tập hành bốn thiền, không trú bốn tâm vô lượng là tập hành bốn tâm vô lượng, không trú bốn định vô sắc là tập hành bốn định vô sắc, không trú năm thần thông là tập hành năm thần thông, không trú bốn niệm xứ là tập hành bốn niệm xứ, cho đến không trú tám Thánh đạo phần là tập hành tám Thánh đạo phần, không trú Phật mười lực là tập hành Phật mười lực, cho đến không trú mười tám pháp không chung là tập hành mười tám pháp không chung, vì sao? Kiều thi ca, vì Bồ tát đối với sắc không có được chỗ khả trú, khả tập, cho đến mười tám pháp không chung, không có được chỗ khả trú khả tập nơi mười tám pháp không chung.

* Lại nữa, Kiều thi ca, Bồ tát ma ha tát không tập hành sắc, nếu không tập hành sắc, ấy gọi là tập hành sắc; thọ, tưởng, hành, thức cho đến mười tám pháp không chung, cũng như vậy, vì sao? Vì Bồ tát ma ha tát ấy quán sắc quá khứ chẳng thể có được, hiện tại chẳng thể có được, vị lai chẳng thể có được; cho đến mười tám pháp không chung cũng như vậy.

Xá lợi phất bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn, Bát nhã ba la mật ấy rất sâu.

Phật dạy: Sắc chơn như rất sâu nên Bát nhã ba la mật rất sâu; thọ, tưởng, hành, thức chơn như rất sâu, cho đến mười tám pháp không chung cũng như vậy.

Xá lợi phất thưa: Bạch đức Thế Tôn, Bát nhã ba la mật ấy khó có thể trắc lượng.

Phật dạy: Sắc khó có thể trắc lượng nên Bát nhã ba la mật khó có thể trắc lượng; thọ, tưởng, hành, thức cho đến mười tám pháp không chung khó có thể trắc lượng, nên Bát nhã ba la mật khó có thể trắc lượng.

Bạch đức Thế Tôn, Bát nhã ba la mật ấy vô lượng.

Phật dạy: Vì sắc vô lượng nên Bát nhã ba la mật ấy vô lượng, vì thọ, tưởng, hành, thức vô lượng cho đến mười tám pháp không chung vô lượng nên Bát nhã ba la mật vô lượng.

Phật bảo Xá lợi phất: Nếu Bồ tát ma ha tát khi tu hành Bát nhã ba la mật, không tập hành sắc rất sâu là tập hành Bát nhã ba la mật; không tập hành thọ, tưởng, hành, thức cho đến mười tám pháp không chung rất sâu là tập hành Bát nhã ba la mật, vì sao? Vì sắc tướng (Kinh Đại Bát Nhã ghi: Sắc tánh - N.D) rất sâu là chẳng phải sắc; thọ, tưởng, hành, thức cho đến mười tám pháp không chung,

tướng rất sâu là chẳng phải mười tám pháp không chung, như vậy không tập hành, là tập hành Bát nhã ba la mật.

Xá lợi phất, nếu Bồ tát ma ha tát khi tập hành Bát nhã ba la mật; không tập hành sắc khó trắc lượng là tập hành Bát nhã ba la mật; không tập hành thọ, tưởng, hành, thức cho đến không tập hành mười tám pháp không chung khó trắc lượng là tập hành Bát nhã ba la mật, vì sao? Vì sắc tướng khó trắc lượng là chẳng phải sắc; thọ, tưởng, hành, thức cho đến mười tám pháp không chung tướng khó trắc lượng là chẳng phải mười tám pháp không chung.

Xá lợi phát, nếu Bồ tát ma ha tát khi tập hành Bát nhã ba la mật, không tập hành sắc vô lượng là tập hành Bát nhã ba la mật, không tập hành thọ, tưởng, hành, thức cho đến mười tám pháp không chung vô lượng là tập hành Bát nhã ba la mật, vì sao? Vì sắc tướng vô lượng là chẳng phải sắc; thọ, tưởng, hành, thức cho đến mười tám pháp không chung vô lượng là chẳng phải mười tám pháp không chung.

Xá lợi phất bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn, Bát nhã ba la mật ấy rất sâu khó thấy khó hiểu, không thể nghĩ lường, không nên nói ỏ trước Bồ tát mới phát tâm, vì sao? Vì Bồ tát mới phát tâm, nghe Bát nhã ba la mât rất sâu ấy, hoặc sẽ kinh sợ, tâm sanh nghi hối, chẳng tin chẳng hành, Bát nhã ba la mật rất sâu ấy, nên nói ở trước Bồ tát ma ha tát ở địa vị bất thối. Bồ tát này nghe Bát nhã ba la mật rất sâu ấy, không kinh, không sợ, tâm không nghi hối, thời tin tu được.

Thích đề hoàn nhân hỏi Xá lợi phất: Nếu ở trước Bồ tát ma ha tát mới phát tâm nói Bát nhã ba la mật rất sâu ấy, có những lỗi gì?

Xá lợi phất đáp Thích đề hoàn nhân: Kiều thi ca! Nếu ở trước Bồ tát mới phát tâm, nói Bát nhã ba la mật rất sâu ấy, hoặc có lẽ sẽ kinh sợ, chê bai, không tin. Nếu Bồ tát mới phát tâm nghe Bát nhã ba la mạt rất sâu, hủy báng không tin, gieo ba nghiệp ác đạo, do nghiệp ấy, rất lâu khó được Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

LUẬN: Bấy giờ, Đế thích theo Phật nghe tán thán Bát nhã ba la mật đầy đủ, nên nay hỏi Phật: Bồ tát làm thế nào trú Bát nhã ba la mật, Thiền ba la mật cho đến mười tám pháp không chung.

Phật tán thán: Lành thay! Lành thay! Vì Thích đề hoàn nhân là vua trong chư thiên, nói chắc chắn đáng tin. hỏi việc ấy, dứt nghi cho đại chúng, thông suốt vô ngại, được lợi ích lớn, nên nói: "Lành thay! Lành thay!".

* Lại nữa, Phật cho rằng Đế thích có thể bỏ được năm dục thượng diệu, cung điện bảy báu, có thể hỏi việc làm của Phật hiền thánh, thế nên nói; " Lành thay!" Do thần lực Phật nên ông có thể hỏi được việc ấy. Trong đây còn có chư thiên thượng diệu, xem Phật có thần đức vô lượng, mà nay Đế thích ở giữa đại chúng hỏi được việc Phật, ấy là do oai thần của Phật. Như trong kinh Trì Tâm nói: Khi ánh sáng Phật nhập vào thân thời có thể hỏi việc Phật.

Phật đáp: Kiều thi ca, nếu Bồ tát không trú sắc v.v... ấy là tập hành Bát nhã ba la mật. Bồ tát ấy thấy sắc có các tội lỗi vô thường, khổ v.v... nên không trú sắc, nếu không trú ắc tức là có thể tập hành Bát nhã ba la mật.

Người phàm phu hể thấy sắc thì đắm sắc, khởi phiền não điên đảo, mất đạo Bát nhã ba la mật ấy. Vì vậy nên không trú, mới có thể tập hành Bát nhã ba la mật. Đối với năm uẩn, mười hai nhập, mười tám giới cũng như vậy.

Hỏi: Cớ gì mỗi mỗi tự tập hành không trú sáu Ba la mật?

Đáp: Sáu Ba la mật v.v... đều là pháp lành, pháp tu. Vì vậy nên nói mỗi mỗi tập hành không trú sáu Ba la mật v.v... Không trú năm uẩn, mười hai nhập, mười tám giới, là tập hành Bát nhã ba la mật. Nếu đối với các pháp ấy không trú trước, thời dứt ái trước, vì dứt ái trước nên tập hành thanh tịnh đối với các pháp sắc v.v...

Trong đây nói nhân duyên không trú trước: Là vì không có được chỗ trú của sắc pháp v.v..., không có được chỗ tập hành của sắc pháp v.v...

* Lại nữa, Phật cho việc ấy khó hiểu khó tin nên lại nói nhân duyên: Không tập hành sắc là Bồ tát thấy tội lỗi của sắc cho nên không trú sắc, không trú nên không tập.

Tập sắc gọi là chấp thủ tướng sắc hoặc thường hoặc vô thường v.v...

* Lại nữa, Bồ tát thường tu thiện pháp, chứa nhóm, tập luyện, thuần hậu chánh ngữ, chánh nghiệp v.v... nên gọi là tập sắc. nay Bồ tát muốn tập hành Bát nhã nên tán hoại sắc ấy, không tập, vì sao? Vì sắc quá khứ đã diệt, sắc vị lai chưa có, nên không thể tập. Còn sắc hiện tại sanh ra liền diệt không ngưng trụ; nếu nó ngưng trụ được một niệm còn không tập, huống gì niệm niệm diệt. Thế nên trong đây nói lý do việc không tập sắc, là vì sắc ba đời chẳng thể có được. (Tích tập, học đi, học lại, làm đi làm lại mãi gọi là tập - N.D). Cho đến mười tám pháp không chung cũng như vậy.

Nếu quán các pháp được như vậy, tán hoại chẳng thủ tướng, ấy gọi là tập sắc v.v..., tập thật tướng của các pháp sắc v.v...

Bấy giờ, Xá lợi phất theo Phật được nghe nghĩa ấy rất hoan hỷ, thâm nhập không trí, bạch Phật rằng: Bát nhã ba la mật rất sâu. Phật nhận lời tán thán đó. Vì các pháp "Sắc như" v.v... nên rất sâu.

Phật dạy: Không chỉ mắt thấy sâu, mà lấy Bát nhã ba la mật phân biệt sắc vào như thật nên rất sâu. Như nước mưa từng giọt, không gọi rất sâu, hợp các dòng vào biển lớn mới gọi là rất sâu. Sắc v.v... cũng như vậy, mắt trời, mắt thịt thấy cạn mà chẳng sâu, nếu lấy mắt tuệ xem, thời sâu không thể lường, rất sâu nên khó thể trắc lượng, chỉ có chư Phật mới thấy tận đáy nó. Rất sâu không thể trắc lượng nên gọi là vô lượng. Không có trí tuệ nhận biết được thật tướng của sắc v.v... vì có tội lỗi trù lượng sắc hoặc thường hoặc vô thường.

Khi ấy Xá lợi phất và các thính giả, nghĩ rằng: Bát nhã ba la mật không thể trắc lượng, không có lượng, Bồ tát sẽ tập hành làm sao? Phật biết ý nghĩ ấy, nên bảo Xá lợi phất rằng: Bồ tát ma ha tát nếu tập hành sắc v.v... rất sâu, thời là mất Bát nhã ba la mật; nếu không tập hành sắc rất sâu ấy là được Bát nhã ba la mật. Kẻ phàm phu độn căn nên nói rất sâu, nếu người có nhất tâm, phước đức, lợi căn, là chẳng phải rất sâu, thí như nước sâu cạn không nhất định, đối với tiểu nhi là sâu, đối người lớn là cạn cho đến như biển lớn, đối người là sâu, đối với vua A tu la La hầu là cạn. Như vậy, đối với phàm phu, người mới phát tâm, người giải đãi là rất sâu, còn đối với bậc bất thối chứa đức lâu ngày thời cạn. Chư Phật như vua A tu la La hầu, đối hết thảy pháp không có sâu, vì được giải thoát vô ngại. Vì thế nên biết vì chúng sanh, vì thời tiết, căn lợi độn, mới tu, tu lâu, giải đãi, tinh tấn nên phân biệt nói sâu cạn. Kông thể trắc lượng, không có lượng, cũng như vậy.

Trong đây Phật tự nói nhân duyên: Sắc v.v... tướng rất sâu là chẳng phải sắc, vì sao? Vì tâm sợ hãi, thối thất, nghi hối, nên cho sắc là rất sâu, sắc tướng thời không có sâu, như trước nói.

Xá lợi phất bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Bát nhã ba la mật ấy rất sâu, tướng rất sâu khó thấy khó hiểu.

Hỏi: Trên kia nói Bồ tát không tập hành rất sâu, là tập hành Bát nhã ba la mật, sao nay Xá lợi phất lại nói rất sâu?

Đáp: Chẳng phải Xá lợi phất định tâm nói rất sâu, nắm được ý thú Phật, vì người khác nên nói rất sâu, thế nên trong đây nói: Bạch đức Thế Tôn, không nên ở trước Bồ tát mới phát tâm nói Bát nhã ba la mật; Bồ tát tân học nghe trí tuệ rất sâu ấy thời tâm họ thối mất, nên nói ở trước Bồ tát bất thối, vì Bồ tát bất thối có trí tuệ sâu nên tin chứ không thối mất, thí như chỗ nước sâu không nên bảo tiểu nhi lội qua, chỉ nên bảo người lớn lội qua.

Đế thích hỏi Xá lợi phất: Nếu nói cho Bồ tát mới phát tâm, có những lỗi gì?

Xá lợi phất đáp: người mới phát tâm thời không tin, tâm thối mất, tâm thối mất nên sanh nghi hối, hãi sợ: "Nếu thọ học pháp nhất thiết không, sao ta sẽ phải rơi vào đoạn diệt? Nếu không thọ học, thế thì lời Phật dạy, sao ta có thể không thọ học?" Thế nên sợ hãi, sanh nghi hối. Nếu tâm định thời sanh ác tà kiến hủy báng. Quả báo hủy báng như thế nào, như đã nói trong phẩm địa ngục. Trong đây kinh lược nói gieo nghiệp nhân về ba ác đạo thì rất lâu khó được vô thượng đạo.

KINH: Thích đề hoàn nhân hỏi Xá lợi phất: Có chăng Bồ tát ma ha tát chưa được thọ ký, mà nghe Bát nhã ba la mật sâu thẳm, không kinh, không sợ ư?

Xá lợi phất đáp: Như vậy, Kiều thi ca, nếu có Bồ tát ma ha tát nghe Bát nhã ba la mật rất sâu không kinh, không sợ, nên biết Bồ tát ấy, không bao lâu, sẽ gặp không quá một hai đức Phật, là được thọ ký Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Phật bảo Xá lợi phất: Như vậy, như vậy! Bồ tát ma ha tát ấy phát tâm tu sáu Ba la mật lâu ngày, cúng dường nhiều đức Phật, nghe Bát nhã ba la mật sâu xa ấy không kinh, không sợ, nghe liền thọ trì, tu hành như lời Bát nhã ba la mật nói.

Bấy giờ, Xá lợi phất bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn, con muốn nói thí dụ: Như thiện nam tử, thiện nữ nhân cầu Bồ tát đạo mà ở trong lúc mộng tu hành Bát nhã ba la mật, vào thiền định, siêng tinh tấn, đầy đủ nhẫn nhục, thủ hộ giới, hành bố thí, tu hành nọâi không, ngoại không, cho đến ngồi đạo tràng; nên biết thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy còn gần Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, huống gì Bồ tát ma ha tát muốn được Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, mà trong lúc tĩnh thức tu hành Bát nhã ba la mật, vào thiền định, siêng tinh tấn, đầy đủ nhẫn nhục, thủ hộ giới, hành bố thí, lại không chóng thành Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, ngồi đạo tràng.

Bạch đức Thế Tôn, thiện nam tử, thiện nữ nhân, thiện căn thành tựu, được nghe Bát nhã ba la mật, thọ trì cho đến tu hành đúng như nói; nên biết Bồ tát ma ha

tát ấy, phát tâm trồng căn lành đã lâu, cúng dường nhiều đức Phật, theo cùng thiện tri thức, người ấy có thể thọ trì Bát nhã ba la mật cho đến nhớ nghĩ đúng. Nên biết người ấy gần được thọ ký Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Nên biết thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy như Bồ tát ma ha tát ở địa vị bất thối, không động chuyển đối với Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề; có thể được Bát nhã ba la mật sâu thẳm. Được rồi thọ trì, đọc tụng, cho đến nhớ nghĩ đúng.

Bạch đức Thế Tôn, thí như người muốn đi qua một trăm do tuần, hoặc hai trăm, ba trăm, bố trăm do tuần, trải qua đồng vắng đường hiểm, đầu tiên trông thấy các tướng người chăn trâu, cương giới, vườn rừng, thấy các tướng như vậy nên biết sắp đến thành ấp làng xóm. Người ấy thấy tướng kia liền nghĩ rằng: Như tướng ta thấy đó, nên biết thành ấp làng xóm không còn xa, tâm được yên vui, không sợ nạn giặc, trùng dữ, đói khát. Bạch đức Thế Tôn, Bồ tát ma ha tát cũng như vậy, nếu được Bát nhã ba la mật sâu thẳm này, thọ trì, đọc tụng, cho đến nhớ nghĩ đúng, nên biết đã gần được thọ ký Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề không lâu. Nên biết Bồ tát ma ha tát ấy, không phải sợ đọa vào địa vị Thanh văn, Bích chi Phật. Các tướng thấy trước ấy, đó là Bát nhã ba la mật rất sâu, được nghe, được thấy, được thọ trì, cho nên nhớ nghĩ đúng.

Phật bảo Xá lợi phất: Như vậy, như vậy, ông muốn vui nói nữa, cứ nói.

Bạch đức Thế tôn, thí như người muốn thấy biết biển lớn, phát tâm đi đến, chẳng thấy tướng cây, chẳng thấy tướng núi, người ấy tuy chưa thấy biển lớn, song biết biển lớn không còn xa, vì sao? Vì biển lớn ở chỗ bằng phẳng không có tướng cây tướng núi. Như vậy, bạch đức Thế Tôn, Bồ tát ma ha tát nếu nghe Bát nhã ba la mật sâu thẳm, thọ trì cho đến nhớ nghĩ đúng, tuy chưa ở trước Phật được thọ ký kiếp số hoặc trăm kiếp, ngàn kiếp, vạn kiếp, trăm ngàn ức kiếp thành vô thượng đạo, song Bồ tát đã tự biết gần được thọ ký Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, vì sao? Vì con được nghe Bát nhã ba la mật sâu thẳm, thọ trì, đọc tụng, cho đến nhớ nghĩ đúng.

Bạch đức Thế Tôn, thí như đầu xuân, các lá cũ trên cây đã rụng, nên biết cây ấy sắp có lá hoa quả mới, trổ ra không lâu, vì sao? Vì thấy tướng khởi đầu của cây ấy, nên biết không lâu lá hoa quả sẽ trổ ra. Khi ấy người cõi Diêm phù đề thấy tướng khởi đầu của cây, đều rất hoan hỷ.

Bạch đức Thế Tôn, Bồ tát ma ha tát được nghe Bát nhã ba la mật sâu thẳm, thọ trì, đọc tụng, cho đến nhớ nghĩ đúng, tu hành đúng như nói, nên biết Bồ tát ấy, căn lành thành thục, cúng dường nhiều đức Phật. Bồ tát ấy nên nghĩ rằng: Thiện

căn đời trước đuổi tới Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, do nhân duyên ấy nên được thấy được nghe Bát nhã ba la mật sâu thẳm, thọ trì, đọc tụng, cho đến nhớ nghĩ đúng, tu hành đúng như nói. Trong đây các thiên tử từng thấy Phật, vui mừng nhảy nhót nghĩ rằng: Trước đây các Bồ tát ma ha tát cũng có thấy các tướng trước khi được thọ ký như vậy, nay Bồ tát ma ha tát này cũng sẽ được thọ ký Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề không lâu.

Bạch đức Thế Tôn, thí như người mẹ mang thai, thân thể nặng nề khổ sở, đi bước không tiện, đứng ngồi không yên, ngủ ăn giảm ít, không ưa nói năng, chán việc đã quen, chịu đủ thống khổ. Có người mẹ khác thấy tướng hiện ra trước ấy, biết người kia gần sanh. Bồ tát ma ha tát cũng như vậy, trồng căn lành cúng dường nhiều đức Phật, tu lâu sáu Ba la mật, theo cùng thiện tri thức, căn lành thành tựu, được nghe Bát nhã ba la mật sâu thẳm, thọ trì, đọc tụng, cho đến nhớ nghĩ đúng, tu hành đúng như nói. Các người cũng biết Bồ tát ma ha tát ấy gần được thọ ký Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề không lâu.

Phật bảo Xá lợi phất: Lành thay, lành thay! Ông vui nói được, đều nhờ lực Phật.

Khi ấy Tu bồ đề bạch Phật rằng: Hy hữu, bạch đức Thế Tôn, các đấng Như Lai, Ứng cúng, Chánh biến tri, khéo phú chúc việc các Bồ tát ma ha tát.

Phật bảo Tu bồ đề: Các Bồ tát ma ha tát phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, an ổn nhiều chúng sanh, làm cho vô lượng chúng sanh được vui, vì thương xót đem an vui lợi ích cho chư thiên nhân loại. Các Bồ tát ấy khi tu Bồ tát đạo, lấy bốn việc thu nhiếp vô lượng trăm ngàn chúng sanh, đó là bố thí, aí ngữ, lợi hành, đồng sự, cũng lấy mười thiện đạo thành tựu chúng sanh, tự tu Sơ thiền cũng dạy người khác tu Sơ thiền, cho đến tự tu định Phi hữu tưởng Phi vô tưởng xứ, cũng dạy người tu định Phi hữu tưởng, Phi vô tưởng xứ. Tự tu Thí ba la mật cũng dạy người tu Thí ba la mật, tự tu Giới ba la mật cũng dạy người tu Giới ba la mật, tự tu Nhẫn ba la mật cũng dạy người tu Nhẫn ba la mật, tự tu Tấn ba la mật cũng dạy người tu Tấn ba la mật, tự tu Thiền ba la mật cũng dạy người tu Thiền ba la mật, tự tu Bát nhã ba la mật cũng dạy người tu Bát nhã ba la mật.

Bồ tát ấy được Bát nhã ba la mật dùng sức phương tiện dạy chúng sanh khiến được quả Tu đà hoàn, mà tự mình không chứng; dạy chúng sanh khiến được Tư đà hàm, quả A na hàm, quả A la hán, mà tự mình không chứng; dạy chúng sanh khiến được Bích chi Phật đạo, mà tự mình không chứng trong đó; tự mình tu sáu Ba la mật, cũng dạy vô lượng trăm ngàn vạn các Bồ tát, khiến tu sáu Ba la mật; tự mình trú địa vị bất thối, cũng dạy người trú địa vị bất thối; tự mình nghiêm tịnh

cõi Phật, cũng dạy người nghiêm tịnh cõi Phật; tự thành tựu tuệ giác cho chúng sanh cũng dạy người thành tựu tuệ giác cho chúng sanh; tự mình được Bồ tát thần thông cũng dạy người khiến được Bồ tát thần thông; tự mình nghiêm tịnh môn Đà la ni cũng dạy người nghiêm tịnh môn Đà la ni; tự đầy đủ biện tài vui nói cũng dạy người đầy đủ biện tài vui nói; tự nhiếp thọ sắc thân thành tựu, cũng dạy người khiến nhiếp thọ sắc thân thành tựu; tự thành tựu 32 tướng cũng dạy người thành tựu 32 tướng; tự thành tựu đồng chơn địa cũng dạy người thành tựu đồng chơn địa; tự thành tự Phật mười lực cũng dạy người khiến tự thành tựu Phật mười lực; tự tu bốn điều không sợ cũng dạy người tu bốn điều không sợ; tự tu mười tám pháp không chung cũng dạy người tu mười tám pháp không chung; tự tu đại từ đại bi cũng dạy người tu đại từ đại bi; tự được trí nhất thiết chủng cũng dạy người khiến được trí nhất thiết chủng; tự lìa hết thảy phiền não và tập khí cũng dạy người lìa hết thảy phiền não và tập khí; tự chuyển pháp luân cũng dạy người chuyển pháp luân.

LUẬN: Khi ấy Đế thích hỏi Xá lợi phất: Có chăng có vị Bồ tát chưa được thọ ký mà nghe Bát nhã sâu thẳm ấy, không kinh không sợ?

Xá lợi phất đáp: Không có người không được thọ ký nghe Bát nhã mà có thể tin, nếu người có thể tin, nên biết người ấy sắp được thọ ký, chẳng qua gặp một đức Phật hai đức Phật liền được thọ ký.

Phật hứa khả lời Xá lợi phất nói.

Xá lợi phất nghe Phật hứa khả lời mình nói, tâm rất hoan hỷ, lại muốn việc ấy được rõ ràng hơn nên nói thí dụ rằng: Tâm trong mộng bị sức ngủ che lấp, chẳng phải chơn tâm làm: nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân ở trong mộng phát tâm tu sáu Ba la mật, cho đến ngồi đạo tràng, nên biết người ấy phước đức nhỏ nhẹ, còn gần được thọ ký Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, huống gì Bồ tát ma ha tát trong khi thức, thật phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, tu sáu Ba la mật mà không gần được thọ ký.

Bạch đức Thế Tôn, nếu người qua lại trong sáu đường sanh tử, hoặc thời được nghe Bát nhã ba la mật, thọ trì, đọc tụng, nhớ nghĩ đúng, biết chắc người ấy không lâu sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, như cá nuốt lưỡi câu, tuy còn bơi lội trong ao, nên biết nó ra ngoài ao không lâu. Hành giả cũng như vậy, tin vui sâu vào Bát nhã ba la mật, không còn ở lâu trong sanh tử. Trong đây Xá lợi phất tự nói thí dụ: Nếu người muốn đi qua đường hiểm. Đường hiểm tức là thế

gian. Trăm do tuần tức là cõi Dục. Hai trăm do tuần là cõi Sắc. Ba trăm do tuần là cõi Vô sắc. Bốn trăm do tuần là Thanh văn, Bích chi Phật đạo.

* Lại nữa, bốn trăm do tuần là cõi Dục; ba trăm do tuần là cõi Sắc; hai trăm do tuần là cõi Vô sắc; một trăm do tuần là Thanh văn, Bích chi Phật.

Muốn ra là người tín thọ tu hành Bát nhã ba la mật.

Trước thấy tướng các pháp là thấy đại Bồ tát bỏ cái dục lạc thế gian, thâm tâm vui Bát nhã ba la mật.

Thấy cương giới, là phân biệt các pháp đây là pháp Thanh văn, đây là pháp Bích chi Phật, đây là pháp Đại thừa; như vậy lợi ích nhỏ là Thanh văn, lợi ích lớn là Bồ tát. Cõi ma là sanh tử, cõi Phật là Bát nhã ba la mật, nơi cam lộ vị bất tử.

Thấy vườn rừng là chỗ các cái vui thiền định, trí tuệ theo Phật đạo; vô lượng tướng thiện pháp như vậy.

Thấy xóm làng là nhu thuận pháp nhẫn; ấy là vô sanh pháp nhẫn; thành là Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Được an ổn là Bồ tát nghe pháp ấy tư duy trù lượng, tu hành, ta được pháp ấy tâm an ổn, sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Giặc là 62 tà kiến chấp ngã v.v...

Trùng dữ là các phiền não tham ái, sân nhuế v.v...

Không sợ giặc là người không tìm được thuận tiện để phá.

Không sợ trùng dữ là phi nhân không tìm được thuận tiện để phá.

Không sợ đói là không sợ không thể được chọn trí tuệ thánh nhân.

Không sợ khát là không sợ không thể được vị pháp lạc của thiền định, giải thoát v.v...

Trong đây tự nói nhân duyên: Bồ tát ma ha tát thấy được tướng đầu tiên, biết không bao lâu sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, không sợ đoạ vào đường ác, đói khát chết, không sợ đọa vào Thanh văn, Bích chi Phật địa.

Phật chấp nhận ví dụ ấy, lấy thô dụ tế, lấy thế gian dụ xuất thế gian. Còn ba thí dụ kia cũng nên phân biệt nói như trên.

Nước biển lớn là dụ Vô thượng đạo, đất bằng phẳng không có cây núi, đó là dụ quyển kinh Bát nhã ba la mật.

Trái cây là dụ Vô thượng đạo, hoa cây là dụ địa vị bất thối.

Đầu xuân lá cũ rụng lại sanh lá mới là dụ các phiền não tà kiến, nghi v.v... dứt; có thể được kinh quyển Bát nhã ba la mật.

Người mẹ là dụ hành giả; thân trong bào thai là dụ Vô thượng đạo.

Tướng sắp sinh là dụ Bồ tát tu tập Bát nhã ba la mật lâu ngày.

Chán điều đã tập quen la dụ sợ cái vui dâm dục của thế gian, không còn ưa đắm.

Phật khen lời nói kia lành thay!

Khi ấy Tu bồ đề nghe Xá lợi phất nói được Phật nhận, khen lành thay, biết ý Phật kính niệm sâu xa Bồ tát ấy, cho nên bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn, rất là hy hữu, khéo phó chúc việc Bồ tát.

Việc Bồ tát là "không" đạo, phước đức đạo, cũng như Phật nói có tổng tướng biệt tướng. Đ? ký thác cho A nan, Di lặc v.v... sau khi Phật vào Vô dư Niết bàn, khéo tự phụng hành, dạy bảo chỉ bày, lợi ích chúng sanh, không để cho sai lầm.

Phật nói nhân duyên khéo phó chúc, là các Bồ tát phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

An ổn nhiều chúng sanh, là trong chúng sanh có vô lượng vô biên vô số, trừ Phật không ai tính biết được.

Người theo Phật, được lợi ích là không thể đếm biết, gọi là nhiều.

An ổn là đối với chúng sanh chấp thường thì dạy vô thường, người đắùm vui thì dạy về khổ, người chấp thật thì dạy về không, người chấp ngã thì dạy về vô ngã, như vậy gọi là an ổn.

Người phàm phu nghe vậy, đương thời tuy không vui mừng, nhưng lâu dài dứt các phiền não, được cái vui an ổn. Như uống thuốc đắng, đương thời tuy khổ, về sau trừ được bệnh.

Vô lượng chúng sanh được vui, là Bồ tát cầu Bát nhã ba la mật khi chưa được thành tựu, vẫn lấy cái vui đời này đời sau làm lợi ích chúng sanh. Như trong kinh

Bồ tát Bản sanh nói: Nếu được Bát nhã ba la mật, đã diệt các phiền não, cũng lấy cái vui thế gian, vui xuất thế gian làm lợi ích chúng sanh. nếu khi được vô thượng đạo, thời chỉ lấy cái vui xuất thế gian làm lợi ích chúng sanh.

An vui lợi ích là chỉ lấy lòng thương xót; an vui lợi ích là lợi ích nhiều cho hàng thiên nhân. Trong các đạo khác vì lợi ích ít nên không nói.

Việc lợi ích là bốn nhiếp pháp. lấy tài thí, pháp thí nhiếp thủ chúng sanh.

Ái ngữ có hai: 1. Ái ngữ theo ý. 2. Là người tùy ý người ưa pháp gì nói cho pháp ấy. Bồ tát chưa đắc đạo, vì thương xót chúng sanh, tự phá kiêu mạn, tùy ý thuyết pháp. Nếu đã đắc đạo, thì tùy theo pháp có thể độ mà nói. Đối với người giàu tâm cao ngạo, thì khen việc bố thí, rằng người ấy có thể được tài vật, danh tiếng, phước đức, còn nếu khen việc trì giới, chê bai phá giới, thì tâm họ không vui. như vậy tùy theo pháp thích hợp với họ mà nói.

Lợi hành cũng có hai: Một vì lợi đời nay lợi đời sau, mà nói phương pháp nuôi sống, khuyến tu việc lợi. Hai là người không tin dạy khiến tin, phá giới dạy khiến giữ giới, ít hiểu dạy khiến nghe nhiều, người không ưa bố thí dạy khiến bố thí. Người ngu si dạy trí tuệ. Như vậy, lấy thiện pháp làm lợi ích chúng sanh.

Đồng sự là Bồ tát giáo hóa chúng sanh, khiến tu thiện pháp, đồng hành với họ; Bồ tát thiện tâm, chúng sanh ác tâm, hóa được ác tâm của họ khiến đồng với thiện tâm của mình.

Bồ tát lấy bốn pháp nhiếp thủ chúng sanh khiến an trú trong mười thiện đạo. Đây là nói rộng nghĩa bốn nhiếp.

Trong hai thứ thí, pháp thí là tùy theo chỗ người ưa thích mà thuyết pháp, đó là đệ nhất trong các ái ngữ. Chúng sanh tham tiếc mạng sống, dạy khiến tu mười thiện đạo, thời được sống lâu.

Trong lợi hành thì trong tất cả cái lợi bảo vật, pháp lợi là hơn cả. Ấy là lợi hành. Trong đồng sự. Đồng hành thiện pháp là hơn cả. Bồ tát làm mười thiện cũng dạy người làm. Có người nói: Sau hết tự làm mười điều thiện, đồng nghĩa với nhiếp sự thứ tư. Thế nên nói tự làm mười thiện cũng dạy người làm; tự tu Sơ thiền cũng dạy người tu.

Sơ thiền v.v... đồng lìa dục, đồng trì giới, nên gọi là nhiếp nhau. Vì nhiếp nhau nên dần dần lấy pháp Tam thừa mà độ, cho đến tu Phi hữu tưởng, Phi vô tưởng xứ, cũng như vậy.

Tự tu sáu Ba la mật cũng dạy người tu, nhân nơi Bát nhã nên cũng khiến chúng sanh được khí phần của Bát nhã; nghiõa là được Tu đà hoàn v.v...

Vì lực phương tiện, nên tự mình không chứng; Vì người ấy có lực phước đức và trí tuệ tăng ích nên dạy vô lượng vô số Bồ tát, khiến an trú sáu Ba la mật. Tự mình trú địa vị bất thối, cũng dạy người khác trú, cho đến tự chuyển pháp luân cũng dạy người khác chuyển pháp luân. Thế nên, ta lấy tâm từ bi, khéo phó chúc việc Bồ tát không vì tham ái, chấp đắm.

(Hết cuốn 66 theo bản Hán)

--o0o --

Cuốn 67

KINH: Tu bồ đề bạch Phật rằng: Hy hữu, bạch đức Thế Tôn. Các Bồ tát ma ha tát thành tựu đại công đức đó là vì hết thảy chúng sanh mà tu hành Bát nhã ba la mật, muốn được Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề: Bạch đức Thế Tôn, làm sao các Bồ tát ma ha tát tu hành đầy đủ Bát nhã ba la mật?

Phật bảo Tu bồ đề: Nếu Bồ tát ma ha tát khi tu Bát nhã ba la mật chẳng thấy tướng sắc tăng chẳng thấy tướng sắc giảm, chẳng thấy tướng thọ, tưởng, hành, thức tăng; cũng chẳng thấy tướng giảm, cho đến đối với trí nhất thiết chủng cũng chẳng thấy tướng tăng, chẳng thấy tướng giảm, Bồ tát ma ha tát khi ấy đầy đủ Bát nhã ba la mật.

* Lại nữa, Tu bồ đề, Bồ tát ma ha tát khi tu hành Bát nhã ba la mật chẳng thấy ấy là pháp, ấy là phi pháp, chẳng thấy ấy là pháp quá khứ, là pháp vị lai, pháp hiện tại, chẳng thấy đó là pháp thiện, pháp bất thiện, pháp hữu ký, pháp vô ký, chẳng thấy đó là pháp hữu vi, pháp vô vi; chẳng thấy cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc; chẳng thấy Thí ba la mật, Giớùi ba la mật, Nhẫn ba la mật, Tấn ba la mật, Thiền ba la mật, Bát nhã ba la mật, cho đến chẳng thấy trí nhất thiết chủng. Như vậy, Bồ tát ma ha tát đầy đủ tu hành Bát nhã ba la mật, vì sao? Vì các pháp vô tướng, các pháp không, hư dối, không kiên cố, không có kẻ biết, không có kẻ sống lâu.

Tu bồ đề thưa: Bạch đức Thế Tôn, điều Thế Tôn nói chẳng thể nghĩ bàn.

Phật bảo Tu bồ đề: Sắc chẳng thể nghĩ bàn nên điều nói ra chẳng thể nghĩ bàn; Vì thọ, tưởng, hành, thức chẳng thể nghĩ bàn nên điều nói ra chẳng thể nghĩ bàn; Vì sáu ba la mật chẳng thể nghĩ bàn, nên điều nói ra chẳng thể nghĩ bàn, cho đến vì trí nhất thiết chủng chẳng thể nghĩ bàn, nên điều nói ra chảng thể nghĩ bàn. Tu bồ đề, nếu Bồ tát ma ha tát khi tu hành Bát nhã ba la mật, biết sắc là chẳng thể nghĩ bàn; thọ, tưởng, hành, thức chẳng thể nghĩ bàn, cho đến trí nhất thiết chủng là chẳng thể nghĩ bàn, thời Bồ tát không thể đầy đủ tu hành Bát nhã ba la mật.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn, Bát nhã ba la mật sâu thẳm ấy ai sẽ tin hiểu?

Phật dạy: Nếu có Bồ tát mà tu lâu sáu ba la mật, trồng căn lành, thân cận cúng dường nhiều đức Phật, theo cùng thiện tri thức thời Bồ tát ấy có thể tin hiểu Bát nhã ba la mật sâu thẳm.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Bồ tát ma ha tát tu lâu sáu ba la mật trồng căn lành, thân cận cúng dường nhiều đức Phật, theo cùng thiện tri thức như thế nào?

Phật dạy: nếu Bồ tát ma ha tát không phân biệt sắc, không phân biệt sắc tướng, không phân biệt sắc tánh, không phân biệt thọ, tưởng, hành, thức; không phân biệt thọ, tưởng, hành, thức tướng; không phân biệt thọ, tưởng, hành, thức tánh. Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, sắc, tiếng, mùi, vị, xúc, pháp, nhãn giới cho đến ý thức giới cũng như vậy. Không phân biệt cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc; không phân biệt tướng, tánh ba cõi. Không phân biệt Thí ba la mật cho đến Bát nhã ba la mật; nội không cho đến vô pháp hữu pháp không, bốn niệm xứ cho đến tám Thánh đạo phần, Phật mười lực, cho đến mười tám pháp không chung; không phân biệt tướng tánh mười tám pháp không chung; không phân biệt tướng tánh đạo chủng trí; không phân biệt trí nhất thiết chủng, không phân biệt tướng trí nhất thiết chủng, không phân biệt tánh trí nhất thiết chủng; vì sao? Tu bồ đề, vì sắc chẳng thể nghĩ bàn, cho đến trí nhất thiết chủng chẳng thể nghĩ bàn. Như vậy, Tu bồ đề! Ấy là Bồ tát ma ha tát tu lâu Bát nhã ba la mật, trồng căn lành thân cận cúng dường nhiều đức Phật, theo cùng thiện tri thức.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn, sắc rất sâu nên Bát nhã ba la mật rất sâu; thọ, tưởng, hành, thức rất sâu, cho đến trí nhất thiết chủng rất sâu, nên Bát nhã ba la mật rất sâu.

Bạch đức Thế Tôn, Bát nhã ba la mật ấy, là nơi tích tụ trân bảo, vì có trân bảo quả Tu đà hoàn, có trân bảo quả Tư đà hàm, quả A na hàm, quả A la hán, đạo Bích chi Phật, Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề; có trân bảo bốn thiền, bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc, năm thần thông, bốn niệm xứ cho đến tám Thánh đạo phần, Phật mười lực, bốn điều không sợ, bốn trí vô ngại, đại từ đại bi, mười tám pháp không chung, nhất thiết trí, nhất thiết chủng trí.

Bạch đức Thế Tôn, Bát nhã ba la mật ấy là nơi tích tụ thanh tịnh, vì sắc thanh tịnh nên Bát nhã ba la mật tích tụ thanh tịnh, vì thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh cho đến trí nhất thiết chủng thanh tịnh nên Bát nhã ba la mật tích tụ thanh tịnh.

LUẬN: Bồ tát ấy thành tựu đại công đức là như trước nói tự mình tu cũng dạy người khác tu.

* Lại nữa, nhiều công đức là đối với chúng sanh chẳng phải bà con lại không có tham lợi, song chỉ vì chúng sanh mà cần khổ tu Bát nhã ba la mật, chứng được

Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Bồ tát ma ha tát ấy có ân lớn, nên gọi là đại công đức.

Tướng trạng tu Bát nhã ba la mật, như trong phần trước, mỗi mỗi nói rõ. Nay hỏi tướng trạng tu Bát nhã đầy đủ, Phật dạy: Tướng trạng tu Bát nhã đầy đủ cũng như vậy, vì sao? Nếu Bồ tát không thấy các pháp sắc v.v... tăng, giảm. Như vậy gọi là đầy đủ. Bồ tát ấy tuy được mười địa, ngồi đạo tràng, bấy giờ tu Bát nhã ba la mật đầy đủ, như mộng, như huyễn, chẳng tăng, chẳng giảm, vì rốt ráo "không" cho nên nói.

* Lại nữa, nếu Bồ tát đối với hết thảy pháp,không phân biệt là pháp, là phi pháp, đều là pháp, như nước biển lớn, trăm sông muôn dòng, đều hợp cùng một vị, bấy giờ tu Bát nhã ba la mật đầy đủ.

* Lại nữa, nếu Bồ tát trông vào pháp không, chẳng thấy pháp có ba đời, thiện bất thiện v.v... chẳng thấy sáu ba la mật, cho đến trí nhất thiết chủng, là bấy giờ tu Bát nhã ba la mật đầy đủ, vì sao? Vì các pháp thật tướng là vô tướng, nếu phân biệt các pháp, thì đó là tướng tà kiến, dùng mười tám 'không' nên gọi là các pháp không. Các pháp do nhân duyên hòa hợp sanh cho là có, vì các duyên xa lìa thời tán hoại, nên hư dối. Trong hết thảy pháp hữu vi, vì vô thường không thật, nên gọi là chẳng kiên cố.

Không có kẻ thọ khổ vui là vì chúng sanh không; không có kẻ biết, là không biết khổ vui; Không có kẻ sống lâu, sống tức là mạng căn. Có người nói mạng căn ấy có ngã tướng, thế nên sống lâu là ngã. Đối với chúng sanh "không", dùng mỗi mỗi nhân duyên phá, thế nên không có kẻ hành pháp, không có kẻ thọ pháp. nếu quán các pháp không, chúng sanh không, pháp không, như vậy, thời đầy đủ tu Bát nhã ba la mật.

Bấy giờ, Tu bồ đề đối với Bát nhã không có được chỗ nương dựa, như chìm biển lớn, thế nên bạch Phật: Bát nhã sâu thẳm ấy chẳng thể nghĩ bàn, chẳng thể nghĩ bàn cũng chẳng thể nghĩ bàn, vậy ai sẽ tin hiểu được? Nếu chỉ chẳng thể nghĩ bàn còn không thể tin được, huống gì chẳng thể nghĩ bàn lại chẳng thể nghĩ bàn?

Phật dạy: Nếu Bồ tát tu sáu ba la mật lâu, trồng thiện căn lâu, cúng dường thân cận chư Phật lâu, theo cùng thiện tri thức lâu, nhờ nhân duyên ấy nên lòng tin bền chắc, có thể tín thọ Bát nhã ba la mật sâu thẳm.

Trong các phẩm khác nói: Có người mới phát tâm cũng có thể tin Bát nhã ba la mật sâu thẳm. Nay Phật nói người phát tâm lâu nên có thể tin, vì vậy Tu bồ đề hỏi thế nào là phát tâm lâu?

Phật dạy: Nếu Bồ tát biết tướng Bát nhã ba la mật rõ ràng, không phân biệt tất cả pháp, nghĩa là không phân biệt sắc bốn đại, hoặc sắc do bốn đại tạo ra.

Không phân biệt sắc tướng là không phân biệt sắc là có thể thấy, tiếng là có thể nghe. Sắc ấy hoặc tốt hoặc xấu, hoặc dài hoặc ngắn, hoặc thường hoặc vô thường, hoặc khổ hoặc vui v.v...; Không phân biệt sắc tánh là không thấy sắc pháp thường; tức là không thấy đất có tánh cứng v.v...

* Lại nữa, thật tánh của sắc gọi là pháp tánh. Vì rốt ráo không. Bồ tát không phân biệt pháp tánh, vì pháp tánh là bất hoại. Cho đến trí nhất thiết chủng cũng như vậy.

Hỏi: Tướng đất là cứng, cớ sao nói tánh?

Đáp: Tướng ấy tích tập thành tánh. Thí như người giận dữ, ngày ngày tập quen mãi thời thành tánh dữ. Hoặc tánh và tướng khác nhau, như thấy khói biết lửa, khói là tướng lửa, chứ chẳng phải lửa. Hoặc tướng và tánh chẳng khác nhau, như nóng là tướng lửa, cũng là tánh lửa. Trong đây Phật nói nhân duyên: Các pháp sắc v.v... chẳng thể nghĩ bàn, chẳng thể nghĩ bàn tức là rốt ráo không, thật tướng các pháp thường thanh tịnh. Tu bồ đề, tuy Bồ tát trải ngày tháng năm không lâu, song tu được như vậy, nên gọi là tu lâu.

Tu bồ đề nghe Bát nhã ba la mật còn được lợi ích sâu xa, nên bạch Phật rằng: Bát nhã ba la mật rất sâu vì sắc v.v... rất sâu. Tướng sắc v.v... rất sâu như trước đã nói.

Bạch đức Thế Tôn, Bát nhã ba la mật là nơi tích tụ trân bảo; tích tụ trân bảo đó là quả Tu đà hoàn, vì hay diệt trừ ba ác độc, ba kiết, cho đến chứng được Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, hay diệt trừ tất cả phiền não và tập khí, hay đầy đủ tất cả ước nguyện. Các quả vị ấy nương các thiền cho đến trí nhất thiết chủng, nhân và quả hợp lại, nói gọi là trân bảo tích tụ.

Bát nhã ba la mật ấy là nơi tích tụ thanh tịnh, vì các pháp sắc v.v... thanh tịnh. Đối với sắc pháp v.v... chánh hạnh không tà, gọi là thanh tịnh, không có các tội lỗi, cho đến chẳng chấp trước rốt ráo không, cũng chẳng chấp trước, chẳng thể nghĩ bàn, nên gọi là thanh tịnh tích tụ.

KINH: Tu bồ đề thưa: Bạch đức Thế Tôn, rất quái lạ! Khi nói Bát nhã ba la mật thì thường có chướng nạn.

Phật dạy: Như vậy! Như vậy! Tu bồ đề! Bát nhã ba la mật sâu thẳm ấy thường có chướng nạn. Vì lẽ ấy thiện nam tử thiện nữ nhân nếu khi muốn chép Bát nhã ba la mật, hãy nên chép mau; nếu khi đọc tụng, tư duy, thuyết giảng, nhớ nghĩ, tu hành cũng nên tu hành mau, vì sao? Vì không muốn để cho các nạn khởi lên trong khi chép, đọc tụng, tư duy, thuyết giảng, nhớ nghĩ đúng, tu hành Bát nhã ba la mật sâu thẳm ấy.

Thiện nam tử thiện nữ nhân, nếu một tháng chép thành hãy nên siêng chép, hoặc hai tháng, ba tháng, bốn tháng, năm tháng, sáu tháng, bảy tháng; Hoặc một năm mới chép thành cũng nên siêng chép. Nếu đọc tụng, tư duy, thuyết giảng, nhớ nghĩ đúng, tu hành, hoặc một tháng được thành tựu, cho đến một năm được thành tựu, hãy nên siêng năng thành tựu, vì sao? Vì đối với trân bảo ấy có nhiều chướng nạn khởi lên.

Tu bồ đề thưa: Bạch đức Thế Tôn! Đối với Bát nhã ba la mật thậm thâm ấy, ác ma ưa làm chướng nạn không để cho chép, không để cho đọc tụng, suy nghĩ thuyết giảng, nhớ nghĩ đúng, tu hành.

Phật bảo Tu bồ đề, ác ma tuy muốn làm chướng nạn Bát nhã ba la mật thậm thâm ấy, không để cho chép, đọc tụng, suy nghĩ, thuyết giảng, nhớ nghĩ đúng, tu hành; cũng không thể phá hoại Bồ tát ma ha tát chép Bát nhã ba la mật cho đến tu hành.

Bấy giờ Xá lợi phất bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! do lực của ai nên ác ma không thể làm chướng nạn Bồ tát ma ha tát chép Bát nhã ba la mật thậm thâm cho đến tu hành?

Phật dạy: Do lực của Phật nên ác ma không thể chướng nạn Bồ tát ma ha tát chép Bát nhã ba la mật thậm thâm cho đến tu hành. Xá lợi phất cũng là do lực của chư Phật hiện tại trong mười phương thế giới, ủng hộ niệm tưởng Bồ tát ấy nên làm cho ác ma không thể lưu nạn Bồ tát ma ha tát, khiến không chép thành được Bát nhã ba la mật cho đến tu hành, vì sao? Vì trong mười phương thế giới, vô lượng vô biên vô số chư Phật hiện tại ủng hộ niệm tưởng Bồ tát ấy chép Bát nhã ba la mật thậm thâm cho đến tu hành. Pháp nhĩ như vậy, không thể làm chướng nạn.

Xá lợi phất, thiện nam tử thiện nữ nhân, nên nghĩ rằng: Ta chép được Bát nhã ba la mật thậm thâm ấy cho đến tu hành, đều là nhờ lực của mười phương chư Phật.

Xá lợi phất thưa: Bạch đức Thế Tôn, nếu có thiện nam tử thiện nữ nhân chép Bát nhã ba la mật thậm thâm ấy, cho đến tu hành, đều là nhờ lực của Phật.Nên biết người ấy được chư Phật ủng hộ.

Phật dạy: Như vậy, như vậy! Xá lợi phất nên biết nếu có thiện nam tử thiện nữ nhân chép được Bát nhã ba la mật thậm thâm ấy cho đến tu hành đều là nhờ lực của Phật, nên biết cũng là được chư Phật ủng hộ.

Xá lợi phất thưa: Bạch đức Thế Tôn, vô lượng vô biên vô số chư Phật hiện tại trong mười phương, đều biết đều lấy Phật nhãn thấy thiện nam tử thiện nữ nhân ấy, khi chép Bát nhã ba la mật thậm thâm cho đến tu hành.

Phật dạy: Như vậy, như vậy! Vô lượng vô biên vô số chư Phật hiện tại trong mười phương đều biết, đều lấy Phật nhãn thấy khi thiện nam tử thiện nữ nhân ấy chép Bát nhã ba la mật thậm thâm cho đến tu hành.

Xá lợi phất, trong đây thiện nam tử, thiện nữ nhân cầu Bồ tát đạo, nếu chép Bát nhã ba la mật thậm thâm và thọ trì, đọc tụng, nhớ nghĩ đúng, tu hành đúng như nói, nên biết người ấy đã gần Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề không lâu.

Xá lợi phất, thiện nam tử thiện nữ nhân chép Bát nhã ba la mật thậm thâm ấy và thọ trì, đọc tụng cho đến nghĩ đúng, người ấy đối với Bát nhã ba la mật, tin hiểu nhiều, cũng cúng dường cung kính,tôn trọng tán thán Bát nhã ba la mật, và cúng dường hương hoa, anh lạc cho đến phan lọng.

Xá lợi phất, chư Phật đều biết, đều lấy Phật nhãn thấy thiện nam tử thiện nữ nhân ấy. Thiện nam tử thiện nữ nhân ấy nhờ công đức cúng dường, sẽ được lợi ích lớn, quả báo lớn.

Xá lợi phất, thiện nam tử thiện nữ nhân ấy, do nhân duyên công đức cúng dường ấy nên trọn không bị đọa vào đường ác cho đến khi được địa vị bất thối chuyển, trọn không xa lìa chư Phật. Xá lợi phất, thiện nam tử thiện nữ nhân ấy, do nhân duyên của thiện căn nên cho đến khi được địa vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, trọn không xa lìa sáu ba la mật, trọn không xa lìa nội không cho đến vô pháp hữu pháp không, trọn không xa lìa bốn niệm xứ, cho đến tám Thánh đạo phần, trọn không xa lìa mười lực cho đến Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

LUẬN: Bấy giờ Tu bồ đề nghĩ rằng: Bát nhã ba la mật ấy là nơi trân bảo tích tụ, hay làm thoả mãn ước nguyện của hết thảy chúng sanh, đó là các cái vui đời nay, vui Niết bàn, cái vui Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Người ngu si mà lại muốn phá hoại Bát nhã ba la mật thanh tịnh tích tụ, như ngọc báu Như ý không có tỳ vết, như hư không, không có bụi nhơ. Bát nhã ba la mật là thanh tịnh tích tụ rốt ráo mà người kia tự khởi lên tà kiến muốn làm chướng nạn phá hoại, thí như người mắt lòa, thấy trân bảo đẹp cho là bất tịnh, mới nghĩ như vậy.

Chướng nạn là nhân duyên về những việc ma phá hoại Bát nhã ba la mật. Phật ấn khả lời Tu bồ đề nói; nếu thiện nam tử thiện nữ nhân muốn chép Bát nhã ba la mật, hãy chép cho mau, cho đến nhớ nghĩ đúng, khi tu hành đúng như lời nói, cũng hãy tu hành mau. Lý do phải cho mau vì pháp hữu vi không thể tin, vì có sự chướng nạn khởi lên. Bộ loại kinh quyển Bát nhã ba la mật có nhiều có ít, có thượng trung hạ, như Quang tán Bát nhã, Phóng quang Bát nhã, Đạo hành Bát nhã. Có người viết chép, viết mau viết chậm, có người nhất tâm siêng viết, có người giải đãi không tinh cần, mạng người vô thường, là pháp hữu vi không thể tin.

Đức Phật Thích ca sanh ra giữa đời ác trược, có nhiều chướng nạn, thế nên nói nếu có thể chép một tháng xong, hãy siêng chép cho xong, chớ bỏ giữa chừng, vì sợ có chướng nạn, cho đến phải chép một năm cũng vậy. Giống như chép, cho đến tu hành cũng phải cho mau. Mau chậm tùy theo người căn lợi độn.

Trong đây Phật lại nói nhân duyên: Thế gian vì trân bảo nên sinh nhiều giặc cướp, Bát nhã là trân bảo lớn nên có nhiều chướng nạn. Chướng nạn là như tật bệnh, đói khát v.v... song vì ma sự lớn nên nói ma sự chướng nạn. Hoặc ma hoặc ma dân, ác qủy, gây nhân duyên ác, xâm nhập thân người, nhiễu loạn tâm người. Phá người chép Bát nhã, hoặc khiến người chép mệt mỏi, hoặc xúi việc nước nổi lên, hoặc người chép không ai cúng dường giúp đỡ; những việc như vậy.

Khi đọc tụng thời thầy trò không hòa hợp; khi thuyết giảng ở giữa đại chúng, hoặc có người đến kể tội lỗi của pháp sư, hoặc nói pháp sư không thể tu hành như lời nói, đâu cần nghe theo. Hoặc nói tuy pháp sư giữ giới mà lại độn căn, không hiểu nghĩa sâu, nếu nghe pháp sư ấy nói trọn không ích gì. Hoặc nói Bát nhã ba la mật là không, không cógì của chính nó, diệt hết thảy pháp, không có chỗ để tu hành, thí như người trần truồng mà lại tự nói ta mặc áo trời. Co các chướng nạn như vậy, làm cho không thể thuyết giảng.

Không nhớ nghĩ đúng là mahiện làm thân đẹp, hoặc hiện làm thiện tri thức, hoặc hiện hình vị Sa môn đáng tin kính, để nói Bát nhã ba la mật là không, không có gì của chính nó, tuy có danh từ tội phước mà không có đạo lý. Hoặc nói Bát nhã ba la mật không, tức có thể chứng Niết bàn. Những việc như vậy, là việc phá hoại sự nhớ nghĩ đúng, tu hành Phật đạo.

Bồ tát mới phát tâm, nghe việc ấy, tâm rất kinh sợ: Chúng ta mang thân sinh tử, ma là chủ cõi Dục, oai thế rất lớn, ta làm sao tu Bát nhã ba la mật để được đạo Vô thượng? Vì thế Phật nói ác ma tuy muốn chướng nạn, cũng không thể phá hoại, vì sao? Vì nhân duyên lớn thường phá được tiểu nhân duyên, như người lìa dục thường hơn người tham dục, người từ bi thường hơn người sân nhuế, người trí thường hơn người vô trí. Bát nhã ba la mật là chơn trí tuệ, oai lực rất lớn, còn ma sự hư dối. Bồ tát tuy chưa được đầy đủ Bát nhã ba la mật, song được khí phần của Bát nhã nên ma không thể phá. Vì nhân duyên việc ấy, nên Xá lợi phất bạch Phật, do sức ai nên ma không thể phá?

Phật đáp: Do sức Phật. Như giữa hạng người ác thì ma lớn, giữa hạng người thiện thì Phât lớn, giữa hạng người trói buộc, thì ma lớn, giữa hạng người giải thoát thì Phật lớn; giữa hạng người chướng nạn thì ma lớn, giữa hạng người thông đạt thì Phật lớn.

Trước đây nói sức Phật là chỉ đức Phật Thích ca Văn, sau nói sức Phật là chỉ chư Phật hiện tại trong mười phương, như Phật A súc, A di đà v.v...Giống như giặc ác có các ác khác tương trợ, phép của chư Phật cũng như vậy. Thường vì hết thảy chúng sanh, nên hễ có người phát tâm thì liền ủng hộ, vì sao? Vì Bát nhã ba la mật là mẹ của chư Phật mười phương, hay bị người muốn trở hoại, không thể không ủng hộ. Vì sức của các chướng nạn lớn, nên những người chép, đọc, nhớ nghĩ đúng được là đều nhờ sức Phật mười phương thủ hộ.

Xá lợi phất nói: Nếu có người viết chép, thọ trì cho đến tu hành, đều được chư Phật ủng hộ. Phật ấn khả lời ấy.

Xá lợi phất lại thưa: Bạch đức Thế Tôn! Các thiện nam tử thiện nữ nhân viết chép thọ trì v.v... chư Phật hiện tại trong mười phương đều lấy Phật nhãn thấy biết nhớ nghĩ ư? Phật ấn khả nói như vậy, trước ác ma đến phá hoại, Phật và mười phương thủ hộ, không cho trở hoại. Nay lấy Phật nhãn thấy thiện nam tử thiện nữ nhân ấy, biết người ấy khó có công đức, chưa phá lưới ma mà có thể tu hành Bát nhã ba la mật là việc lớn, nên mười phương Phật lấy Phật nhãn thấy biết nhớ nghĩ người ấy.

Hỏi: Lấy Thiên nhãn thấy hay lấy Phật nhãn thấy? Nếu lấy Thiên nhãn thấy, cớ sao trong đây nói Phật nhãn? Nếu lấy Phật nhãn, thì chúng sanh hư dối tại sao lấy Phật nhãn thấy?

Thiên nhãn có hai loại: 1. Nhiếp vào Phật nhãn. 2. Không nhiếp. Loại không nhiếp vào Phật nhãn thì thấy chúng sanh hiện tại, vì có hạn lượng. Loại nhiếp vào Phật nhãn thời thấy chúng sanh ba đời không có hạn lượng. Pháp nhãn nhiếp vào Phật nhãn, chỉ thấy các pháp không thấy chúng sanh; tuệ nhãn nhiếp vào Phật nhãn, không thấy pháp, chỉ thấy rốt ráo không.

Hỏi: Thiên nhãn nhiếp vào Phật nhãn là thật hay hư vọng? Nếu hư vọng, Phật không nên lấy cái hư vọng để thấy; nếu thật, chúng sanh không, chúng sanh hiện tại còn không thật, huống gì chúng sanh vị lai, quá khứ?

Đáp: Thiên nhãn nhiếp vào Phật nhãn đều là thật. Chúng sanh đối với Niết bàn cho là hư vọng, chẳng phải đối với cái thế giới trông thấy cho là hư vọng. Nếu người nào đối với chúng sanh thủ lấy định tướng, thì nói là hư vọng, chẳng phải vì Thế đế nên nói hư vọng. Vì thế, thiên nhãn nhiếp vào Phật nhãn, thì thấy chúng sanh.

Hỏi: Nếu như vậy, cớ sao không lấy tuệ nhãn nhiếp vào Phật nhãn để thấy chúng sanh?

Đáp: Tuệ nhãn mãnh lợi vô tướng, nên tuệ nhãn thường tương ưng với không, vô tướng, vô tác, không nhằm để thấy chúng sanh, vì sao? Vì năm uẩn hòa hợp giả gọi là chúng sanh. Thí như đối với tiểu nhi, có thể lấy gậy nhỏ đánh, không thể đánh gậy to. Trong đây tán thán Bồ tát tu hành Bát nhã ba la mật là nói theo Thế đế chứ không phải nói theo Đ? nhất nghĩa.

Hỏi: Pháp đời vị lai chưa có, nghĩ còn biết khó, huống gì mắt thấy?

Đáp: Như pháp quá khứ, tuy đã mất không có gì mà do niệm lực tâm số pháp, nên có thể nhớ việc quá khứ, suốt cả đời trước. Thánh nhân cũng như vậy, có sức thánh trí, tuy pháp chưa sanh khởi mà có thể biết có thể thấy.

* Lại nữa, ở trong Bát nhã thì không phân biệt ba đời, vị lại, quá khứ, hiện tại không khác. Nếu thấy quá khứ, hiện tại thì vị lai cũng có thể thấy; nếu không thấy quá khứ, vị lai thì cũng không thể thấy hiện tại.

Hỏi: Chúng sanh đời mạt pháp ở phương bắc, lậu kiết chưa hết, là người tội ác, cớ sao Phật thấy, biết, niệm nghĩ?

Đáp: Tướng trạng đại bi của Phật là thương yêu thấu xương tủy. Bồ tát ấy có thể phát tâm Vô thượng đạo vì chúng sanh, nên Phật xem pháp ấy cuối cùng sẽ hưng thịnh, sau khi Ta Niết bàn, người ấy sẽ tá trợ Phật pháp, vì thế nên Ta nghĩ, biết đến.

* Lại nữa, người cuối cùng ở phương bắc, sanh ở biên địa đời xấu ác, ba độc xí thịnh, trong kiếp đao binh, hiền thánh rất ít, người ấy không biết được nhân duyên tội phước, chỉ nghe theo người, hoặc đọc kinh, bèn hay tín vui cúng dường, mà mau gần đến Vô thượng đạo không lâu, việc ấy là khó, còn nếu gặp Phật ở đời, được địa vị bất thối mà tin hiểu tu hành Bát nhã ba la mật, không phải là khó.

Có vô lượng các thứ nhân duyên như vậy, nên Phật có thể thấy, nhớ nghĩ, biết: Người ấy có tâm tin hiểu lớn nên có thể cúng dường Bát nhã ba la mật. Cúng dường đủ hoa hương v.v... như trước đã nói. Do cúng dường nên được quả báo lớn, cũng như người hủy báng bị khổ não lớn. Quả báo lớn là Tu đà hoàn trọn không bị đọa ba ác đạo. Bồ tát ấy nhất tâm tin hiểu, cúng dường Bát nhã ba la mật, cũng như vậy, do ái niệm chư Phật thường tu niệm Phật tam muội, nên trọn không rời chư Phật, cho đến khi đạt địa vị bất thối. Vì giáo hóa chúng sanh mà rời chư Phật, không có lỗi, cũng như trẻ con không rời mẹ nó vì sợ sa vào tai nạn. Vì thường ái niệm sâu xa thiện pháp nên cho đến khi chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, trọn không xa lìa sáu ba la mật.

Được đại quả báo đời nay đờisau như thế.

KINH: Xá lợi phất, Bát nhã ba la mật thâm sâu ấy, sau khi Phật Niết bàn, sẽ truyền đến phương nam, Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, Ưu bà tắc, Ưu bà di ở đó, sẽ chép Bát nhã ba la mật thâm sâu ấy, sẽ thọ trì, đọc tụng, tư duy, thuyết giảng, nhớ nghĩ đúng, và tu hành. Do nhân duyên của thiện căn ấy, nên trọn không rơi vào ác đạo, hưởng cái vui cõi trời cõi người, tăng ích sáu ba la mật, cúng dường, cung kính, tôn trọng, tán thán chư Phật, tạm dùng Thanh văn, Bích chi Phật, Phật thừa mà đắc Niết bàn.

Xá lợi phất, Bát nhã ba la mật thâm sâu ấy, từ phương nam sẽ truyền đến phương tây sở tại, Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, Ưu bà tắc, Ư bà di ở đó sẽ chép Bát nhã ba la mật thâm sâu ấy, sẽ thọ trì, đọc tụng, tư duy, thuyết giảng, nhớ nghĩ đúng, tu hành. Do nhân duyên của thiện căn ấy nên trọng không sa vào ác đạo, mà hưởng thọ cái vui cõi trời cõi người, tăng ích sáu ba la mật, cúng dường cung

kính, tôn trọng, tán thán chư Phật, tạm lấy Thanh văn, Bích chi Phật, Phật thừa mà được Niết bàn.

Xá lợi phất, Bát nhã ba la mật thâm sâu ấy, từ phương tây sẽ truyền đến chỗ sở tại phương bắc, ở đó Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, Ưu bà tắc, Ưu bà di, sẽ chép Bát nhã ba la mật thâm sâu ấy, sẽ thọ trì, đọc tụng, tư duy, thuyết giảng, nhớ nghĩ đúng, tu hành. Do nhân duyên của thiện căn ấy nên trọn không sa vào ác đạo, mà hưởng cái vui cõi trời cõi người, tăng ích sáu ba la mật, cúng dường, cung kính, tôn trọng, tán thán chư Phật, tạm lấy Thanh văn, Bích chi Phật, Phật thừa mà được Niết bàn.

Xá lợi phất, Bát nhã ba la mật thâm sâu ấy, khi ấy phương bắc sẽ lấy làm Phật sự, vì sao? Xá lợi phất, Pháp Ta lúc thạnh, không có tướng diệt. Xá lợi phất, Ta đã niệm tưởng thiện nam tử thiện nữ nhân ấy, thọ trì Bát nhã ba la mật cho đến tu hành; Ta cũng niệm tưởng thiện nam tử thiện nữ nhân ấy, có thể chép Bát nhã ba la mật, tôn trọng, tán thán, cung kính, cúng dường, hương hoa cho đến phan lọng.

Xá lợi phất, thiện nam tử thiện nữ nhân ấy, do nhân duyên của thiện căn ấy, trọn không sa vào ác đạo, mà hưởng cái vui cõi trời cõi người, tăng ích sáu ba la mật, cung kính, cúng dường, tôn trọng, tán thán chư Phật, tạm lấy Thanh văn, Bích chi Phật, Phật thừa mà được Niết bàn, vì sao? Xá lợi phất, vì Ta lấy Phật nhãn xem thấy người ấy, Ta cũng khen ngợi tán thán và vô lượng vô số chư Phật trong mười phương thế giới cũng lấy Phật nhãn xem thấy người ấy, cũng khen ngợi tán thán.

Xá lợi phất bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Bát nhã ba la mật thâm sâu ấy, lúc về sau sẽ lưu hành rộng rãi ở phương bắc ư?

Phật dạy: Như vậy, như vậy! Xá lợi phất! Bát nhã ba la mật thâm sâu ấy, lúc sau sẽ lưu hành rộng rãi ở phương bắc.

Xá lợi phất, lúc sau ỏ phương bắc, thiện nam tử thiện nữ nhân, nếu nghe đượcBát nhã ba la mật thâm sâu ấy, hoặc chép, thọ trì, đọc tụng, tư duy, thuyết giảng, nhớ nghĩ đúng, tu hành đúng như lời nói. Nên biết thiện nam tử thiện nữ nhân ấy từ lâu đã phát tâm Đại thừa, cúng dòng nhiều đức Phật, trồng thiện căn lâu ngày, đi theo cùng thiện tri thức.

Xá lợi phất bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Lúc sau ở phương bắc sẽ có bao nhiêu thiện nam tử thiện nữ nhân cầu Phật đạo, chép Bát nhã ba la mật thâm sâu, cho đến tu hành như lời nói?

Phật bảoXá lợi phất: Lúc sau ở phương bắc tuy có nhiều thiện nam tử thiện nữ nhân cầu Phật đạo, mà ít có người nghe Bát nhã ba la mật ấy chẳng thối, chẳng kinh, chẳng sợ, chẳng hãi, vì sao? Vì người ấy đã thân cận cúng dường nhiều chư Phật, hỏi han nhiều đức Phật, người ấy chắc chắn được đầy đủ Bát nhã ba la mật, Thiền ba la mật, Nhẫn ba la mật, Tấn ba la mật, Giới ba la mật, Thí ba la mật, đầy đủ bốn niệm xứ cho đến mười tám pháp không chung.

Xá lợi phất! Thiện nam tử thiện nữ nhân ấy, vì căn lành thuần thục nên có thể làm lợi ích nhiều cho chúng sanh, vì Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, vì sao? Vì Ta nay vì thiện nam tử thiện nữ nhân ấy mà nói pháp tương ưng với trí nhất thiết chủng; quá khứ chư Phật cũng vì thiện nam tử thiện nữ nhân ấy mà nói pháp tương ưng với trí nhất thiết chủng.

Do nhân duyên ấy, nên người vào đời sau tiếp tục được tâm Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, cũng vì người khác nói pháp Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, thiện nam tử thiện nữ nhân ấy đều nhất tâm hòa hợp, ma hoặc ma dân còn không thể làm phá hoại tâm Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, huống gì người ác chê bai người tu Bát nhã ba la mật mà phá hoại tâm Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề kia được.

Xá lợi phất, các thiện nam tử thiện nữ nhân cầu Bồ tát đạo ấy, nghe nói Bát nhã ba la mật thâm sâu, được pháp hỷ pháp lạc lớn, cũng an lập nhiều người nơi thiện căn, vì Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

LUẬN: Bát nhã ba la mật thâm sâu ấy, sau khi Phật diệt độ, sẽ truyền đến quốc độ phương nam. Phật xuất hiện ở phương đông, nói Bát nhã ba la mật, phá ma và ma dân, ngoại đạo, độ vô lượng chúng sanh, vậy sau ở nơi thành Câu di na kiệt, dưới cây song thọ mà diệt độ. Sau đó Bát nhã ba la mật từ phương đông truyền đến phương nam, như mặt trời mặt trăng, 5 ngôi sao, 28 ngôi sao, thường từ phương đông lần đi đến phương nam, từ phương nam lần đến phương tây, từ phương tây lần đến phương bắc, vòng quanh núi Tu di, lại như thường pháp cúng dường đi quanh theo phía hữu, ứng khắp độ người Diêm phù đề. Do nhân duyên ấy nên từ phương đông đến phương nam, từ phương nam đến phương tây.

Như Phật vì tâm vô trước nên không định ở một chỗ; Bát nhã ba la mật cũng như vậy, không định ở một chỗ. Từ phương tây đến phương bắc, chúng sanh hai phương này ưa cúng dường viết chép, đọc tụng, cho đến tu hành, hương hoa cho đến phan lọng; được quả báo lớn như trong kinh nói. Sau đó triển chuyển đến phương bắc, quả báo có được nhờ sự cúng dường ở đây, như trên đã nói.

Xá lợi phất, Bát nhã ba la mật sẽ làm Phật sự ở phương bắc. Trong đây nói nhân duyên. Lúc Phật ở đời, hay dứt các nghi hoặc, nên Phật pháp hưng thịnh, không sợ pháp diệt. Sau Phật diệt độ, quá 500 năm, chánh pháp lần diệt, bấy giờ Phật sự dần khó. Khi ấy người lợi căn, tụng đọc, nhớ nghĩ đúng, hoa hương cúng duòng, còn người độn căn thì viết chép, hoa hương cúng dường. Hai hạng người này, lâu lâu đều sẽ được độ, nên nói sẽ làm Phật sự.

Phật dạy: Thiện nam tử thiện nữ nhân ấy, Ta và mười phương chư Phật đều lấy Phật nhãn thấy, nhớ nghĩ, biết và tán thán.

Xá lợi phất bạch Phật rằng: Bát nhã thâm sâu ấy lưu hành rộng rãi ở phương bắc ư? Lưu hành rộng rãi là phương bắc của Diêm phù đề rộng lớn. Lại ở phương bắc có núi Tuyết, núi Tuyết lạnh nên cỏ thuốc có khả năng diệt độc, gạo lúa ăn vào, ba độc không thể phát ra m?nh, không thể phát ra mạnh nên chúng sanh mềm mại, năm căn tín, tấn, niệm, định, tuệ đều có thế lực.

Có các nhân duyên như vậy, phương bắc tu hành Bát nhã ba la mật. Người ở đây nghe Bát nhã ba la mật thâm sâu, viết chép thọ trì, cho đến nhớ nghĩ đúng, tu hành đúng như lời nói: Nên biết người ấy từ lâu phát tâm Đại thừa, cúng dường nhiều Phật, trồng căn lành, cùng đi theo thiện tri thức, thế nên có thể ở đời ác mà viết chép, giữ gìn, tín thọ, cho đến tu hành đúng như lời nói.

Xá lợi phất hỏi: Phương bắc có bao nhiêu người nghe Bát nhã ba la mật thâm sâu, rồi viết chép, đọc tụng, cho đến tu hành đúng như lời nói?

Phật dạy: Bát nhã thâm sâu ấy khó biết khó làm, tuy có nhiều người phát tâm vô thượng đạo, được gọi là Bồ tát, mà ít có người nghe Bát nhã ba la mật, tâm liền thông đạt, không kinh, không thối mất, tướng trạng của tâm thông đạt không kinh, không sợ, trong đây Phật tự nói: Là người ấy thân cận nhiều đức Phật. Người thân cận chư Phật, ở trong vô lượng đời thường thấy chư Phật, cung kính cúng dường.

Vấn nạn là hỏi thẳng việc kia mà nghi tâm không mở, lại hỏi lại nhiều lần, gọi là nạn. Công đức quả báo người ấy tuy chưa thành, nên biết người ấy đã đầy đủ sáu ba la mật, ba mươi bảy phẩm cho đến mười tám pháp không chung. Phước đức ấy thuần thục làm lợi ích nhiều cho chúng sanh, đó là do Thí ba la mật, Giới ba la mật, nên được sanh vào nhà giàu, tự làm việc bố thí, dạy người bố thí. Do Nhẫn ba la mật, Thiền ba la mật, nên khiến vô lượng chúng sanh xuất gia, thọ giới, phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Trong đây Phật nói nhân duyên: Người ấy theo ta và chư Phật quá khứ, nghe pháp Đại thừa tương ưng với trí nhất thiết chủng, thế nên đời sau không mất tâm Bồ đề ấy, cũng giáo hóa người khác, như đốt một ngọn đèn, triển chuyển đều đốt. Người ấy các phiền não đã mỏng, không có xan tham, tật đố, sân nhuế, nên không chê bai nhau, thường nhất tâm, hòa hợp; thế nên ma hoặc ma dân, không thể làm trở hoại. Nếu người có chút ít sai lầm thì ma chớp được chỗ dễ như người bị lỡ gặp chất độc. Ma là chúa cõi Dục còn không thể làm trở hoại, huống gì người ác! Hoặc có người làm ác mà chẳng phải ác, như thánh nhân chưa lìa dục. Thế nên nói người ác chê bai Bát nhã ba la mật, chê bai Bồ tát.

* Lại nữa, các thiện nam tử thiện nữ nhân, vô lượng đời lại đây ưa Phật pháp, đắm sâu th?t pháp, tín lực tuệ lực nhiều, nên nghe Bát nhã ba la mật thâm sâu; có được tâm đại từ bi, nên tùy theo sức chúng sanh, khiến họ vào Bát nhã ba la mật thâm sâu; hoặc khiến được các nhân duyên của Bát nhã là các thiện căn bố thí, trì giới v.v... vì Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, nên thiện nam tử thiện nữ nhân ấy cầu đạo vô thượng, dạy người khác khiến sanh các thiện căn phước đức.

KINH: Thiện nam tử thiện nữ nhân ấy ở trước Ta lập thệ nguyện rằng: "Khi ta tu Bồ tát đạo, sẽ độ vô số trăm ngàn vạn ức chúng sanh, khiến phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Bồ dề, chỉ bày, giáo hóa, lợi ích, vui mừng, cho đến khi được thụ ký địa vị bất thối". Ta biết tâm người ấy và cũng tùy hỷ.

Thiện nam tử thiện nữ nhân ấy cũng ở trước chư Phật quá khứ lập thệ nguyện rằng: "Khi ta tu Bồ tát đạo, sẽ độ vô vô số trăm ngàn vạn ức chúng sanh, khiến phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, chỉ bày, giáo hóa, lợi ích, vui mừng, cho đến khi được thọ ký địa vị bất thối" Chư Phật quá khứ cũng biết tâm người ấy và tùy hỷ.

Xá lợi phất, các thiện nam tử thiện nữ nhân ấy, vì có tâm lớn, lãnh thọ, sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp cũng lớn, cũng có thể bố thí lớn, có thể bố thí lớn rồi, trồng căn lành lớn, trồng căn lành lớn rồi, được quả báo lớn. Vì nhiếp hóa

chúng sanh nên thọ thân, đối với chúng sanh, có thể bỏ vật sở hữu trong ngoài. Do nhân duyên thiện căn ấy, phát nguyện muốn sanh đến thế giới tha phương, nơi hiện tại chư Phật đang thuyết Bát nhã ba la mật thâm sâu. Ở trước chư Phật nghe Bát nhã ba la mật tâm sâu ấy rồi, cũng ở tại đó chỉ bày, giáo hóa, lợi ích, vui mừng cho trăm ngàn vạn ức chúng sanh, khiến phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Xá lợi phất bạch Phật rằng: Hy hữu, bạch Thế Tôn! Phật đối với pháp quá khứ, vị lai, hiện tại, không có pháp gì không biết, không có pháp nào như tướng nó mà không biết, không có việc làm gì của chúng sanh mà không biết. Nay Phật đều biết chư Phật và Bồ tát, Thanh văn quá khứ, cũng như biết mười phương thế giới và chư Phật, Bồ tát, Thanh văn hiện tại; cũng biết chư Phật và Bồ tát, Thanh văn vị lai. Bạch đức Thế tôn, đời vị lai có thiện nam tử thiện nữ nhân, siêng cầu sáu ba la mật, thọ trì, đọc tụng, cho đến tu hành, sao có người được có người không được ư?

Phật bảo Xá lợi phất: Nếu thiện nam tử thiện nữ nhân, nhất tâm tinh tấn siêng cầu, sẽ được các kinh ứng hợp với sáu ba la mật.

Xá lợi phất bạch Phật rằng: Thiện nam tử thiện nữ nhân, người siêng tu như vậy sẽ được kinh thâm diệu ứng hợp với sáu ba la mật ư?

Phật bảo Xá lợi phất: Thiện nam tử thiện nữ nhân ấy, sẽ được kinh thâm diệu ứng hợp với sáu ba la mật ấy, vì sao? Vì thiện nam tử thiện nữ nhân vì Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, nên thuyết pháp cho chúng sanh, chỉ bày, giáo hóa, lợi ích, vui mừng, khiến an trụ trong sáu ba la mật. Do nhân duyên ấy, nên thiện nam tử thiện nữ nhân ấy, chuyển sanh thân sau, dễ được kinh thâm diệu ứng hợp với sáu ba la mật. Được rồi tu hành đúng như lời sáu ba la mật dạy, tinh cần không nghỉ, cho đến khi làm nghiêm tịnh Phật độ, thành tựu tuệ giác cho chúng sanh, được Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

LUẬN: Phật dạy: Thiện nam tử thiện nữ nhân, đối với trước Ta và trước chư Phật quá khứ, lập thệ nguyện rằng: "Ta tu Bồ tát đạo, sẽ khiến vô lượng trăm ngàn vạn ức chúng sanh, phát tâm vô thượng đạo, chỉ bày, giáo hóa, lợi ích , vui mừng, khiến được thọ ký địa vị bất thối". Ta và chư Phật quá khứ biết thiện nam tử thiện nữ nhân ấy, có tâm lớn, có thể làm việc lớn nên tùy hỷ. Thiện nam tử thiện nữ nhân nghe Phật biết tâm mình thời sanh hoan hỷ; tự nhớ quá khứ việc lập thệ nguyện, càng thêm tinh tấn.

Tâm lớn là tâm hết thảy chúng sanh đều ưa duyên theo sáu trần: Co ù người làm phước đức hỗn tạp, nghiã là trong khi làm phước mà tâm sanh nghi ngờ hối tiếc, quả báo của phước đức ấy tuy được giàu sang, không thể hảo dụng, cũng không thể cho ai, do tội nghiệp nên các căn ám độn, không biết chọn lựa tốt xấu; còn thiện nam tử ấy khi chưa đắc đạo, do phước đức thanh tịnh nên được ngũ dục thượng diệu, được tùy ý tận dụng, cũng tùy ý cho người khác, hoặc cho người nghèo thiếu, hoặc cúng vào phước điền; nếu gặp được thiện tri thức, nghe Phật pháp, dứt tâm đắm dục, thương xót chúng sanh, vì Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, nên bố thí vật sỡ hữu trong ngoài, không chút lẫn tiếc; nếu trì giới, khắp làm mười thiện đạo, đầy đủ luật nghi, cọng hành với tâm từ bi; tu các thiện pháp khác cũng như vậy; đem thân tu hành và dẫn dắt người khác tu hành thiện đạo; với nhân duyên phước đức ấy không cầu cái vui ở đời, ở chỗ vua trời, vua người, chỗ giàu sang, song nghe chỗ nào có Phật hiện tại, thời nguyện sanh đến đó; còn Bồ tát biết rõ thật tướng các pháp, nên không muốn sanh đến các nơi đó; nếu vì chúng sanh thì sanh ở trước mười phương Phật, nghe Bát nhã ba la mật thâm sâu, nghe xong, ở tại đó khai hoá cho vô lượng trăm ngàn chúng sanh, phát tâm vô thượng đạo.

Xá lợi phất không có nhất thiết trí, nghe nói việc hạnh nguyện của Bồ tát ba đời, liền phát tâm hy hữu bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn, Phật đối với các pháp trong ba đời đều biết, từ như như, pháp tánh, thật tế đều biết, tánh hành nghiệp nhân duyên quả báo của chúng sanh đều biết, chư Phật hiện tại, quá khứ, vị lai trong mười phương, và các đệ tử cùng hành sự của đệ tử trong thế giới đều biết. Nhất thiết trí của Phật có lực rất lớn, không thể nghĩ bàn. Ý của Xá lợi phất cho rằng đồng là người xuất gia, đều cầu Bát nhã ba la mật, cớ sao có người được người không được?

Phật đáp: Nếu Bồ tát thường nhất tâm cầu sáu ba la mật, không tiếc thân mạng, người ấy bên trong có tâm tốt, bên ngoài có chư Phật Bồ tát và chư thiên hổ trợ. Ý Xá lợi phất cho rằng dầu có tinh tấn mà không có Phật ở đời, ma lực lại mạnh, thời Bồ tát ấy làm sao có được kinh thâm diệu Bát nhã ba la mật, thế nên lại hỏi có được kinh tâm diệu tương ưng với sáu ba la mật ư?

Phật dạy: Được.

Trong đây nói nhân duyên có được: Là thiện nam tử thiện nữ nhân, vì đạo vô thượng, nên vì chúng sanh mà thuyết pháp, khai thị, giáo hóa, lợi ích, an vui, khiến an trú sáu ba la mật, mở Phật đạo, do quả báo của nghiệp ấy nên khi chuyển sanh thân khác dễ có được kinh thâm diệu tương ưng với sáu ba la mật.

Nếu có được thời nên mau chóng thọ trì, cho đến tu hành đúng như lời nói, tinh tấn không bỏ, đời đời không xa lìa. Dùng quả báo sáu ba la mật, làm nghiêm tịnh Phật độ, thành tựu tuệ giác cho chúng sanh, cho đến chứng đạo vô thượng. Nếu lẫn tiếc pháp, thời thường sanh chỗ biên địa, không có Phật pháp.

(Hết cuốn 67 theo bản Hán)

--o0o --

Cuốn 68

GIẢI THÍCH: PHẨM MA SỰ THỨ 46.

KINH: Bấy giờ Tuệ mạng Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn, thiện nam tử thiện nữ nhân ấy phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, tu sáu ba la mật, thành tựu tuệ giác cho chúng sanh, nghiêm tịnh Phật độ, Phật đã tán thán nói công đức họ rồi. Bạch đức Thế Tôn, cớ sao thiện nam tử thiện nữ nhân ấy cầu Phật đạo lại gặp các chướng nạn?

Phật bảo Tu bồ đề; Biện tài vui nói không phát sanh liền, nên biết đó là ma sự của Bồ tát.

Tu bồ đề thưa: Bạch đức Thế Tôn, vì nhân duyên gì biện tài vui nói không phát sanh liền, là ma sự của Bồ tát?

Phật dạy: Có Bồ tát ma ha tát khi tu Bát nhã ba la mật, khó đầy đủ sáu ba la mật, vì nhân duyên ấy nên biện tài vui nói không phát sanh liền, đó là ma sự của Bồ tát.

* Lại nữa, Tu bồ đề, biện tài vui nói vội vã phát khởi, nên biết cũng là ma sự của Bồ tát.

Bạch đức Thế Tôn, vì nhân duyên gì, biện tài vui nói vội vã phát khởi, lại là ma sự?

Phạt dạy: Bồ tát ma ha tát tu Thí ba la mật cho đến Bát nhã ba la mật mà đắm vào sự ưa vui thuyết pháp vì nhân duyên ấy, nên biết biện tài vui nói vội vàng phát khởi, là ma sự của Bồ tát.

* Lại nữa, Tu bồ đề, khi chép kinh Bát nhã ba la mật ấy, mà tâm ngạo mạn vô lễ, nên biết đó là ma sự của Bồ tát.

* Lại nữa, Tu bồ đề, khi chép kinh Bát nhã ba la mật mà loạn tâm cười giỡn, nên biết đó là ma sự của Bồ tát.

* Lại nữa, Tu bồ dề, nếu khi chép kinh Bát nhã mà bất kính, khinh cười, nên biết đó là ma sự của Bồ tát.

* Lại nữa, Tu bồ đề, nếu khi chép kinh Bát nhã mà loạn tâm bất định, nên biết đó là ma sự của Bồ tát.

* Lại nữa, Tu bồ đề, nếu chép kinh mà mỗi người không hòa hợp, nên biết đó là ma sự của Bồ tát.

* lại nữa, Tu bồ đề, thiện nam tử thiện nữ nhân nghĩ rằng: Ta không được ý vị trong kinh Bát nhã liền bỏ đi, nên biết đó là ma sự của Bồ tát.

* Lại nữa, Tu bồ đề, khi thọ trì, đọc tụng, thuyết giảng, hoặc nhớ nghĩ đúng Bát nhã ba la mật mà tâm ngạo mạn vô lễ, nên biết đó là ma sự của Bồ tát.

* Lại nữa, Tu bồ đề, nếu trong khi thọ trì, thân cận, nhớ nghĩ đúng Bát nhã ba la mật, mà lại cười nhau cười đùa, nên biết đó là ma sự của Bồ tát.

* Lại nữa, Tu bồ đề, nếu trong khi thọ trì, đọc tụng, nhớ nghĩ đúng và tu hành kinh Bát nhã ba la mật, mà khinh miệt cùng nhau, nên biết đó là ma sự của Bồ tát.

Nếu khi thọ trì, đọc tụng cho đến nhớ nghĩ đúng Bát nhã ba la mật, mà tâm tán loạn, nên biết đó là ma sự của Bồ tát.

Nếu trong khi thọ trì, đọc tụng cho đến nhớ nghĩ đúng Bát nhã ba la mật, mà tâm không hòa hợp, nên biết đó là ma sự của Bồ tát.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn, Thế Tôn nói thiện nam tử thiện nữ nhã nghĩ rằng: Ta không được ý vị trong kinh liền bỏ đi,nên biết đó là ma sự của Bồ tát.

Bạch đức Thế Tôn, vì nhân duyên gì Bồ tát không được ý vị trong kinh liền bỏ đi?

Phật dạy: Bồ tát ma ha tát ấy, đời trước tu hành Bát nhã ba la mật, Thiền ba la mật, Tấn ba la mật, Nhẫn ba la mật, Giới ba la mật, Thí ba la mật không được bao lâu, nên người ấy khi nghe nói Bát nhã ba la mật, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, suy nghĩ và nói rằng: Ta đối với Bát nhã ba la mật, không ghi nhớ, tâm không thanh tịnh, bèn từ chỗ ngồi đứng dậy bỏ đi, nên biết đó là ma sự của Bồ tát.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn, vì nhân duyên gì, không được thọ ký, khi nghe nói Bát nhã ba la mật thâm sâu, bèn từ chỗ ngồi đứng dậy bỏ đi?

Phật bảo Tu bồ đề: Nếu Bồ tát chưa vào trong pháp vị, nên chư Phật không thọ ký Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề cho.

* Lại nữa, Tu bồ đề, khi nghe nói Bát nhã ba la mật, Bồ tát nghĩ rằng: Ta không có danh tự trong đây, tâm không thanh tịnh, nên biết đó là ma sự của Bồ tát.

Phật dạy: Bồ tát chưa được thọ ký, chư Phật không nói đến danh tự.

* Lại nữa, Tu bồ đề, Bồ tát ma ha tát ấy nghĩ rằng: Trong Bát nhã ba la mật, không có danh tự nơi sanh của ta, hoặc xóm làng, thành ấp, người ấy không muốn nghe Bát nhã ba la mật, bèn từ trong hội chúng đứng dậy bỏ đi. Ngươi ấy như từ khi khởi niệm, mỗi niệm trừ một kiếp, mới phải lại siêng tinh tấn, cầu Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

LUẬN: Tát cả pháp hữu vi, đều có thêm lên. Thêm lên là trái ngược nhau; trái nhau tức là giặc oán của nhau. Như sức nước được thêm lên thời diệt tắt lửa, sức lửa được thêm lên thời làm tiêu mất nước; cho đến cỏ cây đều có sự hại nhau, huống gì chúng sanh. Bồ tát ma ha tát có tâm đại từ bi, tuy không gây oán với chúng sanh, mà chúng sanh lại gây oán với Bồ tát, vì thân Bồ tát là pháp hữu vi, nên có thể làm cho chướng nạn. Ở trên Phật nói công đức Bồ tát, đó là được chư Phật, Bồ tát, chư thiên hộ trì, mà chưa nói đến tướng giặc oán, vì Phật thương xót, nên trước tuy đã lược nói, mà nay Tu bồ đề thỉnh Phật nói rộng việc chướng nạn. Tuy Phật tâm bình đẳng đối với hết thảy chúng sanh, hết thảy pháp, song vì Bồ tát có thể làm lợi ích lớn cho thế gian, nên Phật nói tướng các việc chướng nạn, tốt xấu, lợi hại; là đạo, là chẳng phải đạo. Phật không khiến người tu hành hủy hoại người gây chướng nạn, chỉ khiến giác tri, không theo việc ấy.

Sao gọi là giặc oán? Lược nói: Hoặc chúng sanh, hoặc phi chúng sanh có thể làm trở ngại tâm vô thượng đạo của Bồ tát, đều gọi là giặc oán. Phi chúng sanh là tật bệnh, đói khát, lạnh nóng, áp bức trụy lạc, v.v... chúng sanh là Ma và Ma dân, ủy dữ, người tà kiến nghi ngờ không tin, người dứt thiện căn, người định kiến có sở đắc, người quyết định phân biệt các pháp, người đắm sâu cái vui thế gian, giặc oán, việc quan, sư tử, hổ lang, thú dữ, trùng độc v.v...

Giặc chúng sanh có hai thứ: Hoặc trong hoặc ngoài. Trong là từ trong tâm sanh, lo *sầu* không được pháp vị, sanh tà kiến, nghi ngờ, hối tiếc, không tin. Ngoài là như trên nói. Các nạn sự như vậy, Phật gọi chung là ma.

Ma có bốn thứ: Ma phiền não, Ma ngũ ấm, Ma chết, Ma trời.

Ma phiền não là 108 phiền não, phân biệt rộng có 84.000 phiền não.

Ma ngũ ấm là do nhân duyên phiền não và nghiệp hòa hợp có được thân này. Bốn đại và bốn đại tạo sắc (sắc, hương, vị, xúc) và nhã căn v.v... gọi là *sắc uẩn*; 108 phiền não các thọ hòa hợp, gọi là *thọ uẩn*; các tưởng nhỏ lớn, vô lượng, vô

sỡ hữu, phân biệt hòa hợp, gọi là *tưởng uẩn.* Do tâm phân biệt tốt xấu phát sanh, tâm khởi lên tham dục, sân nhuế, pháp tương ưng, pháp không tương ưng với tâm, gọi là *hành uẩn*; sáu căn trần hòa hợp sanh sáu thức, sáu thức ấy phân biệt hòa hợp thành vô lượng vô biên tâm, gọi là *thức uẩn*.

Ma chết là do vô thường nên phá sự tương tục của mạng sống của thân ngũ uẩn, lìa hết ba pháp là thọ, noãn, thức, nên gọi là Ma chết.

Ma trời là chủ cõi Dục, đắm sâu cái vui thế gian, vì có sở đắc, nên sanh tà kiến, ganh ghét tất cả thánh hiền, Niết bàn, đạo pháp. Ấy gọi là Ma trời.

Ma Trung Hoa dịch là hay cướp mạng. Chỉ Ma chết mới thật sự cướp mạng, các ma kia cũng làm nhân duyên cướp thân mạng, và cũng cướp mạng sống trí tuệ, thế nên gọi nó là kẻ giết.

Hỏi: Một Ma năm ấm đã gồm ba thứ ma, cớ gì nói riêng ra bốn?

Đáp: Thật một là Ma, nhưng vì phân biệt nghĩa nó nên có bốn. Ma phiền não là do người ta tham dục, sân nhuế, nên chết và có thể làm nhân duyên cướp mạng sống. Nó là nhân duyên gần cướp mạng sống, nên nói riêng.

Ma trời do nghiệp phước đức hỗn tạp nên được thế lực lớn, do tà kiến nên có thể cướp mạng sống trí tuệ, cũng làm nhân duyên cho sự chết, thế nên nói riêng.

Ma trời do nghiệp phước đức hỗn tạp nên được thế lực lớn, do tà kiến nên có thể cướp mạng sống trí tuệ, cũng làm nhân duyên cho sự chết, thế nên nói riêng.

Sức của vô thường chết lớn, không một ai tránh khỏi, rất đáng sợ đáng chán, thế nên nói riêng ma chết.

Hỏi: Vì sao Ma làm não loạn người tu?

Đáp: Trước đã nói rộng. Trong phẩm này đều có nói nghĩa bốn thứ Ma, chỉ tùy chỗ mà nói.

* Lại nữa, ba Ma không rời nhau, nêu có năm uẩn thời có phiền não, có phiền não thời thiên ma được chỗ dễ để phá; năm uẩn và phiền não hòa hợp nên có thiên Ma. Thế nên Tu bồ đề hỏi Phật: Trên đã tán thán công đức Bồ tát, cớ sao nay nói Bồ tát có Ma sự khởi lên? Phật đáp: Biện tài vui nói không sanh khởi liền, ấy là Ma sự. Nếu Bồ tát thương xót chúng sanh, lên tòa cao thuyết pháp,

mà Biện tài vui nói không sanh khởi, thời thính giả ưu sầu nói rằng: Chúng ta cố đi đến nghe mà pháp sư không nói; hoặc nghĩ rằng pháp sư sợ sệt cho nên không thể nói; hoặc bảo pháp sư không biết cho nên không thể nói; hoặc tự nghĩ mình tội lỗi rất nặng nên không nói; hoặc bảo vì không được cúng dường nên không chịu nói; hoặc bảo vì khinh hèn chúng ta nên không nói; hoặc vì quen ưa vui nên không nói. Do các nhân duyên như vậy, làm cho tâm thính giả bại hoại; vì không vui nên gọi là Ma sự.

* Lại nữa, Bồ tát vì thương xót chúng sanh, đi đến muốn thuyết pháp, thính giả muốn nghe, tâm pháp sư muốn nói, mà miệng không nói được, thấy rõ ràng là Ma sự, như ma xâm nhập tâm A nan, Phật hỏi ba lần, mà ba lần không đáp, lâu mới đáp.

Trong đây Tu bồ đề thưa Thế Tôn: Vì sao biện tài không sanh khởi liền?

Phật đáp: Bồ tát khi tu sáu ba la mật, khó đầy đủ sáu ba la mật, vì sao? Vì người ấy do nhân duyên đời trước độn căn, biếng nhác, ma được chỗ dễ; không nhất tâm tu sáu ba la mật, nên biện tài vui nói không sanh khởi liền.

Hỏi: Như biện tài vui nói không sanh khởi liền ấy là Ma sự, nay biện tài vui nói vụt sanh khởi có gì lại là Ma sự?

Đáp: Ấy là vì pháp sư ái pháp, đắm pháp, cầu thanh danh, nên tự phóng túng vui nói, không có nghĩa lý, như ngựa lung khó ngăn, lại như nước lớn mênh mông, hỗn tạp mọi đồ nhơ. Thế nên trong đây Phật tự nói: Bồ tát tu sáu ba la mật mà ưa đắm thuyết pháp, ấy là Ma sự.

* Lại nữa, Bát nhã ba la mật vì phá tâm kiêu mạn nên xuất hiện, mà người chép kinh này lại sanh tâm chấp ngã, kiêu mạn, tâm kiêu mạn nên thân cũng tự cao, nghĩa là ngạo mạn vô lễ, khi chép kinh Bát nhã ba la mật dùng tâm khinh mạn, tâm sân nhuế, giỡn cười bất kính.

* Lại nữa, đối với Bát nhã ba la mật nếu nhất tâm, nhiếp tâm còn khó được, huống gì đem tâm tán loạn mà chép. Khi chép theo miệng người truyền trao, hoặc chép theo kinh quyển, nếu nhất tâm hòa hợp thời được. Nếu người truyền không trao cho, như vậy là không hòa hợp.

* Lại nữa, khi xem Bát nhã ba la mật, phẩm nào cũng nói không, không có điều gì đáng vui, liền nghĩ rằng: Ta đối với kinh này không được ý vị, bèn bỏ đi. Bát nhã ba la mật là căn bản của tất cả điều vui, người ấy không được ý vị, ấy là Ma sự.

* Lại nữa, khi thọ trì, đọc tụng, thuyết giảng, nhớ nghĩ đúng, mà ngạo mạn vô lễ, hiện tướng cười cợt, tâm tán loạn, không hòa hợp, như trên nói.

Cùng nhau khinh miệt là khi theo người lãnh thọ, nhớ nghĩ đúng, mới có việc thầy trò khinh dể nhau; còn khi chép kinh, chỉ có bỏ đi, không khinh dể nhau, thế nên không có khinh miệt.

Hỏi: Đối việc trên, cớ sao chỉ hỏi không được ý vị trong kinh, mà không hỏi việc khác?

Đáp: Bát nhã ba la mật, được thánh nhân nói ra, khác với phàm phu nói, thế nên người phàm phu không được ý vị. Ý Tu bồ đề là Bát nhã ba la mật là tích tụ trân bảo thanh tịnh, hay làm lợi chúng sanh, không có tội lỗi, cớ sao người ấy không được ý vị?

Phật đáp: Vì người ấy đời trước tu sáu ba la mật không lâu, vì năm căn tín, tấn v.v... mỏng, nên không thể tin pháp không, vô tướng, vô tác, không nơi nương tựa. Tâm tán loạn khởi lên nói rằng: Phật là bậc Nhất thiết trí, cớ sao không thọ ký cho ta, liền bỏ đi. Các điều khác dễ hiểu, nên không nói.

Tu bồ đề hỏi: Nếu như vậy,cớ sao không thọ ký cho tôi? Phật là bậc đại bi nên thương xót, niệm tưởng, phòng hộ tâm kia khỏi bị đọa ác. Phật dạy: Người chưa vào ngôi pháp, chư Phật không thọ ký, vì sao? Vì chư Phật tuy biết hết việc lâu xa của chúng sanh, nhưng vì hàng tiên nhân đủ 5 thần thông và chư thiên, thấy người chưa có nhân duyên của hành nghiệp thiện đáng được thọ ký mà nếu Phật thọ ký, thời sẽ khinh Phật mà không tin: "Không có đủ nhân duyên cớ sao thọ ký cho?"; thế nên người vào ngôi pháp mới được thọ ký. Danh tự và xóm làng người ấy, cũng như vậy. Người ấy từ tòa đứng dậy bỏ đi, tùy kia khởi niệm nhiều ít, mỗi niệm trừ một kiếp, khi trả hết tội, trở lại làm thân người mới sẽ trở lại tu bấy nhiêu kiếp bằng kiếp trả tội.

KINH: Lại nữa, Tu bồ đề, Bồ tát học các kinh khác bỏ Bát nhã ba la mật, thời trọn không thể đạt được trí Nhất thiết chủng. Thiện nam tử thiện nữ nhân ấy bỏ gốc, vin lấy cành lá, cũng nên biết đó là ma sự của Bồ tát.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức thế Tôn, những kinh kác là những kinh gì, mà thiện nam tử thiện nữ nhân học không thể đạt đến trí Nhất thiết chủng?

Phật dạy: Ấy là kinh mà hàng Thanh văn cần học; đó là bốn niệm xứ, bốn chánh cần, bốn như ý túc, năm căn, năm lực, bảy giác phần, tám Thánh đạo phần; ba cửa giải thoát là không, vô tướng, vô tác. Thiện nam tử thiện nữ nhân ở trong đó

chứng được quả Tu đà hoàn, quả Tư đà hàm, quả A na hàm và quả A la hán. Ấy là sở hành của Thanh văn, không thể dạt đến trí Nhất thiết chủng.

Như vậy là thiện nam tử, thiện nữ nhân bỏ Bát nhã ba la mật mà thân cận các kinh khác ấy, vì sao? Tu bồ đề từ trong Bát nhã ba la mật xuất sinh các Bồ tát ma ha tát, thành tựu pháp thế gian, xuất thế gian.

Tu bồ đề, Bồ tát ma ha tát học Bát nhã ba la mật, cũng học pháp thế gian, xuất thế gian. Tu bồ đề, ví như chó không theo chủ kiếm ăn, mà lại theo người làm việc kiếm ăn. Như vậy, Tu bồ đề, đời vị lai có thiện nam tử, thiện nữ nhân, bỏ gốc Bát nhã ba la mật thâm sâu mà vin lấy cành lá các kinh của hành Thanh văn, Bích chi Phật hành trì; nên biết đó là ma sự của Bồ tát.

Tu bồđề, thí như có người muốn thấy voi, thấy rồi trở lại đi xem dấu chân nó. Tu bồ đề, ý ông nghĩ sao? Người ấy sáng suốt chăng?

Tu bồ đề thưa: Không sáng suốt, bạch Thế Tôn.

Phật dạy: Các thiện nam tử, thiện nữ nhân cầu Phâït đạo cũng như vậy, đã được nghe Bát nhã ba la mật thâm sâu rồi bỏ đi, mà thủ lấy kinh cần tu học của hàng Thanh văn, Bích chi Phật. Tu bồ đề, nên biết đó là ma sự của Bồ tát.

Tu bồ đề, thí như người muốn thấy biển lớn, lại đi tìm nước ở dấu chân trâu, nghĩ rằng: Nước biển lớn có bằng nước này chăng? Tu bồ đề, ý ông nghĩ sao? người ấy là thông minh chăng?

Tu bồ đề thưa: Không.

Phật dạy: Đời vị lai có thiện nam tử, thiện nữ nhân cầu Phật đạo cũng như vậy, được nghe Bát nhã ba la mật rồi bỏ đi, mà thủ lấy kinh cần tu học của hàng Thanh văn, Bích chi Phật; nên biết đó cũng là ma sự của Bồ tát.

Tu bồ đề, thí như thợ khéo hoặc học trò của thợ khéo nghĩ muốn làm cung điện thù thắng của trời Đế thích, lại đo cung điện mặt trời mặt trăng. Tu bồ đề, ý ông nghĩ sao? Người ấy là thông minh chăng?

Tu bồ đề thưa: Không.

Như vậy, Tu bồ đề, đời vị lai có thiện nam tử, thiện nữ nhân phước đức mỏng cầu Phật đạo, đã được nghe Bát nhã ba la mật thâm sâu rồi bỏ đi, mà tìm trí Nhất thiết chủng trong kinh của hàng Thanh văn, Bích chi Phật tu học. Tu bồ đề, ý ông nghĩ sao? Người ấy là thông minh chăng?

Tu bồ đề thưa: Không.

Phật dạy: Nên biết đó cũng là ma sự của Bồ tát.

Tu bồ đề, thí như có người muốn thấy Chuyển luân Thánh vương, khi thấy mà không biết, sau thấy các tiểu quốc vương, thủ lấy tướng mạo rồi nói rằng: Chuyển luân Thánh vương có khác gì đây? Tu bồ đề, ý ông nghĩ sao? Người ấy là thông minh chăng?

Tu bồ đề thưa: Không.

Tu bồ đề, đời vị lai có thiện nam tử, thiện nữ nhân phước đức mỏng, cầu Phật đạo, được nghe Bát nhã ba la mật thâm sâu rồi bỏ đi, mà tìm trí Nhất thiết chủng trong các kinh của hàng Thanh văn, Bích chi Phật cần tu học. Tu bồ đề, ý ông nghĩ sao? Người ấy là thông minh chăng?

Tu bồ đề thưa: Không.

Phạt dạy: Nên biết đó là ma sự của Bồ tát.

Tu bồ đề, thí như người đói được đồ ăn trăm vị, bỏ đi rồi trở lại ăn cơm từ thứ lúa 60 ngày. Tu bồ đề, ý ông nghĩ sao? Người ấy là thông minh chăng?

Tu bồ đề thưa: Không.

Phật dạy: Đời vị lai có thiện nam tử,thiện nữ nhân cầu Phạt đạo, được nghe Bát nhã ba la mật thâm sâu rồi bỏ đi, mà tìm cầu trí Nhất thiết chủng trong các kinh của hàng Thanh văn, Bích chi Phật tu học. Tu bồ đề, ý ông nghĩ sao? Người ấy là thông minh chăng?

Tu bồ đề thưa: Không.

Phật dạy: nên biết đó là ma sự của Bồ tát.

Tu bồ đề, thí như người được ngọc ma ni vô giá, lại đem sánh với ngọc thủy tinh. Tu bồ đề, ý ông nghĩ sao? Người ấy là thông minh chăng?

Tu bồ đề thưa: Không.

Phật dạy: Đời vị lai có thiện nam tử, thiện nữ nhân cầu Phật đạo đã được nghe Bát nhã ba la mật thâm sâu rồi bỏ đi, mà tìm cầu trí Nhất thiết chủng trong các kinh của hàng Thanh văn, Bích chi Phật tu học. Người ấy là thông minh chăng?

Tu bồ đề thưa: Không! Nên biết đó cũng là ma sự của Bồ tát.

* Lại nữa, Tu bồ đề, thiện nam tử, thiện nữ nhân cầu Phật đạo, khi chép kinh Bát nhã ba la mật thâm sâu, mà ưa nói những điều không như pháp, thì không chép Bát nhã ba la mật thành tựu được. nghĩa là ưa nói sắc, tiếng, mùi, vị, xúc, pháp: ưa nói trì giới, thiền định, vô sắc định; ưa nói Thí ba la mật cho đến Bát nhã ba la mật; ưa nói bốn niệm xứ cho đến Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, vì cớ sao? Tu bồ đề, vì trong Bát nhã ba la mật không có tướng ưa nói. Tu bồ đề tướng Bát nhã ba la mật là không thể nghĩ bàn, tướng Bát nhã ba la mật là không sinh không diệt, tướng Bát nhã ba la mật là không nhơ không sạch, tướng Bát nhã ba la mật là không loạn không tán, tướng Bát nhã ba la mật là không nói không chỉ, tướng Bát nhã ba la mật là không lời không nghĩa, tướng Bát nhã ba la mật là không gì có được, vì sao? Tu bồ đề, vì trong Bát nhã ba la mật không có tướng các pháp.

Tu bồ đề, nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân cầu đạo Bồ tát, khi chép kinh Bát nhã ba la mật, vì các pháp ấy làm tán loạn tâm, nên biết đó cũng là ma sự của Bồ tát.

Tu bồ dề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn, Bát nhã ba la mật có thể chép ư?

Phật dạy: Không thể chép, vì sao? Vì Bát nhã ba la mật không có tự tánh vậy! Thiền ba la mật, Tấn ba la mật, Nhẫn ba la mật, Giới ba la mật, Thí ba la mật, cho đến trí Nhất thiết chủng không có tự tánh vậy. Nếu tự tánh không có, thì không gọi là tánh. Pháp không có, không thể chép pháp không có.

Tu bồ đề, nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân cầu Bồ tát đạo, mà nghĩ rằng: Pháp không có là Bát nhã ba la mật thâm sâu, nên biết đó chính là ma sự của Bồ tát.

Bạch đức Thế Tôn, thiện nam tử, thiện nữ nhân cầu Bồ tát đạo, dùng văn tự chép Bát nhã ba la mật, mà tự nghĩ rằng: "Ta chép Bát nhã ba la mật". Vì chấp văn tự là Bát nhã ba la mật, nên biết ấy cũng là ma sự của Bồ tát. Vì sao? Bạch đức Thế Tôn, vì Bát nhã ba la mật không có văn tự; Thiền ba la mật, Tấn ba la mật, Nhẫn ba la mật, Giới ba la mật, Thí ba la mật không có văn tự.

Bạch đức thếTôn, Sắc không có văn tự; thọ, tưởng, hành, thức không có văn tự; cho đến trí Nhất thiết chủng không có văn tự.

Bạch đức thế Tôn, nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân cầu Bồ tát đạo, chấp không có văn tự là Bát nhã ba la mật, cho đến chấp không có văn tự là trí Nhất thiết chủng, nên biết ấy cũng là ma sự của Bồ tát. Chấp đọc tụng, thuyết giảng, suy nghĩ đúng, tu hành đúng như lời nói cũng như vậy.

* Lại nữa, Tu bồ đề, thiện nam tử, thiện nữ nhân cầu Phật đạo, khi chép kinh Bát nhã ba la mật mà khởi tâm nghĩ đến quốc độ, nghĩ đến xóm làng, nghĩ đến thành ấp, nghĩ đến phương hướng, hoặc nghe chê bai thầy mình mà khởi niệm; hoặc nghĩ đến cha mẹ, anh em, chị em, các bà con khác; hoặc nghĩ đến giặc; hoặc nghĩ đến hạng Chiên đà la; hoặc nghĩ đêùn chúng nữ; nghĩ đến dâm nữ, có các dị niệm như vậy làm chướng nạn, ác ma lại làm tăng thêm niệm ấy, phá hoại việc chép kinh Bát nhã ba la mật, phá hoại việc đọc tụng thuyết giảng, nhớ nghĩ đúng, tu hành đúng như lời nói. Tu bồ đề, nên biết ấy cũng là ma sự của Bồ tát.

Lại nữa, Tu bồ đề, thiện nam tử, thiện nữ nhân cầu Phật đạo, được danh dự, cung kính, bố thí, cúng dường y phục, ăn uống, giường nằm, thuốc chữa bệnh, các thứ đồ vui, các thiện nam tử, thiện nữ nhân trong khi chép kinh Bát nhã ba la mật hoặc thọ trì, đọc tụng, cho đến nhớ nghĩ đúng mà đắm vào sự thọ dụng, chép kinh Bát nhã ba la mật cho đến nhớ nghĩ đúng, không được thành tựu, nên biết ấy cũng là ma sự của Bồ tát.

* Lại nữa, Tu bồ đề, thiện nam tư,û thiện nữ nhân cầu Phật đạo, khi chép kinh Bát nhã ba la mật cho đến tu hành đúng như lời nói, ác Ma khéo léo đem các kinh thâm diệu khác trao cho Bồ tát, nếu Bồ tát có trí tuệ thì không nên tham đắm các kinh thâm diệu của ác Ma cho, vì sao? Vì các kinh ấy không thể làm cho người đạt đến trí Nhất thiết chủng. trong đây hàng Bồ tát không có trí tuệ, nghe các kinh thâm diệu khác liền bỏ kinh Bát nhã ba la mật thâm diệu.

Tu bồ đề, ở trong kinh Bát nhã ba la mật, Ta đã nói rộng các pháp phương tiện của Bồ tát ma ha tát, các Bồ tát ma ha tát nên cầu tìm ở trong đó.

Tu bồ đề, nay thiện nam tử, thiện nữ nhân cầu Bồ tát đạo mà bỏ kinh Bát nhã ba la mật thâm diệu để cầu các phương tiện trong kinh thâm thuộc Thanh văn, Duyên giác do ma đưa đến, nên biết ấy cũng là ma sự của Bồ tát.

LUẬN: Học các kinh khác, bỏ kinh Bát nhã ba la mật là: Có người đối với Sư tăng Thanh văn thọ giới học pháp, lúc đầu không nghe Bát nhã ba la mật, hoặc có khi nghe ở nơi khác, song vì đắm pháp đã học trước, nên bỏ Bát nhã ba la mật, cứ ở trong pháp đã học trước mà cầu trí Nhất thiết chủng. Hoặc có đệ tử Thanh văn, trước nghe Bát nhã ba la mật không biết nghĩa thú, không được ý vị, nên hành đạo Bồ tát theo kinh Thanh văn; hoặc có người là đệ tử Thanh văn, được nghe kinh Bát nhã ba la mật, muốn tín thọ, gặp các người Thanh văn khác làm trở hoại tâm kia, nói rằng: Kinh ấy trước sau mâu thuẫn nhau, không có tướng nhất định, ông nên bỏ đi, trong pháp Thanh văn đâu phải không có. Luận

Lục Túc A tỳ đàm và các luận nghị, phân biệt các pháp tướng, tức là Bát nhã ba la mật; luật Bát thập bộ tức là Giới ba la mật; trong A tỳ đàm phân biệt các thiền, giải thoát, các Tam muội v.v... tức là Thiền ba la mật; trong kinh Bổn Sinh ở tam tạng tán thán giải thoát, bố thí, nhẫn nhục, tinh tấn tức là Bố thí, Nhẫn, Tinh tấn Ba la mật. Do các nhân duyên như vậy, nên bỏ Bát nhã ba la mật mà ở trong pháp Thanh văn cầu trí Nhất thiết chủng. Giống như người muốn đư?c gỗ cứng tốt, lại bỏ gốc cành mà lượm lấy nhánh lá. Tuy gọi là gỗ mà không dùng được.

* Lại nữa, Bát nhã ba la mật là Tam tạng, cội gốc có được Bát nhã ba la mật rồi lại vì độ chúng sanh nên nói thêm các việc khác, vì vậy nên gọi là nhánh lá.

* Lại nữa, trong kinh Thanh văn tuy nói thật tướng các pháp, mà không rõ ràng, còn trong kinh Bát nhã ba la mật hiển hiện phân minh, dễ thấy, dễ được, như người vin nhánh lá thời sa rớt, nếu nắm cành gốc thời kiên cố. Nếu chấp kinh Thanh văn thời rơi vào Tiểu thừa, nếu trì kinh Bát nhã ba la mật thời dễ được Vô thượng đạo. Vì thế, nên nói bỏ gốc cành mà lấy nhánh lá.

Hỏi: Ba mươi bảy đạo phẩm, ba môn giải thoát, trong kinh Bát nhã cũng có, nay cớ sao chỉ nói ở trong kinh Thanh văn, Bích chi Phật có?

Đáp: Trong Đại thừa tuy có nói pháp ấy mà hợp với rốt ráo không, tâm không chấp trước, vì không bỏ trí Nhất thiết chủng, tâm đại bi, vì hết thảy chúng sinh mà nói ra, còn trong kinh Thanh văn thời không như vậy vì chứng đắc quả Tiểu thừa.

* Lại nữa, vì Bồ tát tu hành Bát nhã ba la mật nên có thể làm thành tựu pháp thế gian, xuất thế gian. Thế nên Bồ tát nếu cầu Phật đạo, hãy nên học Bát nhã ba la mật, ví như chó vì chủ giữ nhà, đáng nên theo chủ đòi ăn, lại đi theo người ở, đòi ăn. Bồ tát cũng như vậy. Chó ví người tu, Bát nhã ba la mật ví người chủ. Trong Bát nhã có đủ thứ lợi ích, lại bỏ đi tìm trong các kinh khác. Phật muốn làm cho rõ ràng dễ thấy, nên nói thí dụ: Voi, biển lớn, cung điện trời Đế thích, Chuyển luân Thánh vương, ngọc vô giá, cũng như vậy.

Hỏi: Năm dục sinh ra năm triền cái, vì năm triền cái che lấp trí tuệ, nên không nên vui nói. Cớ sao vui nói sáu ba la mật khác cho đến Vô thượng đạo mà cho rằng không như pháp?

Đáp: Không như pháp là không như thật tướng Bát nhã ba la mật. Trong thật tướng Bát nhã ba la mật pháp không có định tướng, làm sao vui nói? Nếu có định tướng thời tâm nhiễm trước vui nói? Chư Phật, Bồ tát vì tâm đại bi vì chúng

sanh mà thuyết pháp, không đắm trước ngôn ngữ, dùng pháp không thể có được, chỉ thị cho chúng sinh tướng rốt ráo không của Bát nhã ba la mật. Người ấy chép, đọc tụng ... vì tâm nhiễm trước thủ lấy tướng sáu trần cho đến tướng Vô thượng đạo, nên gọi là không như pháp.

Hỏi: Nếu Bát nhã ba la mật rốt ráo không, không có gì không thể chép, đọc tụng, như vậy, thời không nên có ma sự?

Đáp: Rốt ráo không, không có gì cũng chẳng phải tướng Bát nhã ba la mật, cớ sao là Ma sự? Trong đây nói, nếu người ấy biết tướng không có gì là tướng Bát nhã ba la mật thì đó tức là Ma sự. Nếu dùng văn tự chép Bát nhã ba la mật, tự biết rằng ta chép Bát nhã ba la mật; có tâm nhiễm trước ấy tức là Ma sự. Nếu người biết tướng Bát nhã ba la mật không đem tâm chấp trước chép, đọc, tụng thời nếu có kẻ đến phá; ấy là phá Bát nhã ba la mật.

* Lại nữa, bên trong có ma phiền não, bên ngoài có Ma trời, vì nhân duyên của hai việc ấy nên khi chép Bát nhã ba la mật, cho đến tu hành đều làm hoại Bát nhã ba la mật.

Niệm khởi là nghĩ quốc độ này không an ổn, quốc độ kia giàu vui. Nghĩ đến xóm làng, thành ấp, phương hướng cũng như vậy; hoặc nghe chê bai thầy mình mà bỏ Bát nhã ba la mật để giúp thầy trừ diệt tướng xấu; hoặc nghe cha mẹ bị tật bệnh, bận việc quan; hoặc nghĩ đến giặc khủng bố, khởi tâm muốn đi đến chỗ khác; nghĩ đến hạng Chiên đà la cũng như vậy. Ở chung với giặc, Chiên đà la, thời nổi sân hận; ở chung với chúng nữ dâm nữ thời dục tâm khởi lên. Có các nhân duyên như vậy phá hoại Bát nhã ba la mật. Bồ tát giác tri, hãy chớ nghĩ, chớ nói.

Hoặc khi chép kinh Bát nhã ba la mật, người độn căn được sự cung kính, cúng dường nhiều hay sinh tâm ái trước, nghĩ rằng: Ta chép được, hành theo được kinh. Có sự ái trước lợi dưỡng ấy tức là Ma sự. Còn người lợi căn thì ma suy nghĩ Bồ tát lợi căn ấy không ái trước cái vui thế gian, nhất tâm thọ trì Bát nhã ba la mật, người ấy ta không thể phá hoại. Ta nay nên đem kinh thâm diệu của Thanh văn làm chuyển đổi tâm kia, khiến thành A la hán.

Phật dạy: Kinh Thanh văn tuy sâu xa, không nên tham đắm, thí như cục vàng đốt cháy, sắc tuy đẹp mà không thể cầm. Nếu Bồ tát không có phương tiện (trí tuệ) không có lợi căn lớn, gặp được kinh này hoan hỷ cho là không, vô tướng, vô tác, làm dứt hết gốc khổ, không còn chi hơn, liền bỏ kinh Bát nhã ba la mật, ấy cũng là ma sự, vì sao? Vì trong đây Phật nói nhân duyên rằng: Ở trong Bát nhã ba la

mật nói rộng pháp phương tiện của Bồ tát, là quán Thanh văn, Bích chi Phật đạo mà không thủ chứng, vì tâm đại bi nên thật hành ba môn giải thoát, thí như lấy ván sữa hòa với chất độc, thế lực chất độc tiêu tan, không thể hại người. Bát nhã cũng như vậy, Bồ tát ở trong Bát nhã cầu đạo vô thượng dễ được, ở trong các kinh khác cầu khó được, như chỉ uống chất độc. Thế nên, không nên tìm đạo Bồ tát trong kinh Thanh văn.

GIẢI THÍCH: PHẨM HAI BÊN KHÔNG HÒA HỢP THỨ 47.

(Kinh Ma ha Bát nhã ghi: Phẩm cái lỗi hai bên không hòa hợp).
(Kinh Đại Bát nhã ghi: Phẩm không hòa hợp thứ 45).

KINH: Lại nữa, Tu bồ đề, người nghe pháp muốn chép, thọ trì kinh Bát nhã ba la mật và đọc tụng, hỏi nghĩa, nhớ nghĩ đúng, song người thuyết pháp biếng nhác không muốn nói cho. Nên biết ấy là ma sự của Bồ tát.

Tu bồ đề, người thuyết pháp tâm không biếng nhác, muốn bảo chép, thọ trì Bát nhã ba la mật, mà người nghe pháp lại không muốn thọ. Hai tâm không hòa hợp như vậy. Nên biết ấy là Ma sự.

* Lại nữa, Tu bồ đề, người nghe pháp muốn chép, thọ trì Bát nhã ba la mật, và đọc tụng, cho đến nhớ nghĩ đúng, mà người thuyết pháp lại muốn đi đến phương khác. Nên biết ấy là Ma sự.

Tu bồ đề, người thuyết pháp muốn bảo chép, thọ trì Bát nhã ba la mật, song người nghe pháp lại muốn đi đến phương khác. Hai tâm không hòa hợp như vậy. Nên biết ấy là Ma sự.

* Lại nữa, Tu bồ đề, người thuyết pháp quý trọng của bố thí y phục, ẩm thực, đồ nằm, thuốc men, vật nuôi sống, mà người nghe pháp thì ít muốn biết đủ, tu hạnh xa lìa, nhiếp niệm tinh tấn, nhất tâm trí tuệ. hai bên không hòa hợp, nên không được chép Bát nhã ba la mật và thọ trì, đọc tụng, hỏi nghĩa, nhớ nghĩ đúng, nên biết ấy là Ma sự.

Tu bồ đề, người thuyết pháp ít muốn biết đủ, tu hạnh xa lìa, nhiếp niệm tinh tấn, nhất tâm trí tuệ, mà người nghe pháp lại quý trọng của bố thí y phục, ẩm thực, đồ nằm, thuốc men, vật nuôi sống. Hai bên không hòa hợp nên không được chép, thọ trì Bát nhã ba la mật và đọc tụng, hỏi nghĩa, nhớ nghĩ đúng, nên biết ấy là Ma sự.

* Lại nữa, Tu bồ đề, trong khi người thuyết pháp thọ trì mười hai hạnh đầu đà là: 1. Ở chỗ vắng (A lan nhã) 2. Thường khất thực, 3. Mặc áo vá, 4. Ngày ăn một bữa ngọ (nhất tọa thực) 5. Ăn có tiết độ, 6. Sau giờ ngọ không uống nước có xác, 7. Ở gò mả, 8. Ở dưới cây, 9. Ở chỗ đất trống, 10. Thường ngồi không nằm, 11. Theo thứ lớp khất thực, 12. Chỉ có 3 y. (Mười hai hạnh này nhiều chỗ ghi sai khác nhau - N.D), còn người nghe pháp lại không thọ trì mười hai hạnh đầu đà, không ở chỗ vắng cho đến không chỉ thọ ba y. Hai bên không hòa hợp nên không được chép, giữ gìn Bát nhã ba la mật và đọc tụng, hỏi nghĩ, nhớ nghĩ đúng. Nên biết ấy là Ma sự.

Tu bồ đề, trong khi người nghe pháp thọ trì mười hai hạnh đầu đà, ở chỗ vắng cho đến thọ chỉ ba y, còn người thuyết pháp không thọ trì mười hai hạnh đầu đà, không ở chỗ vắng, cho đến không thọ chỉ ba y, hai bên không hòa hợp, không chép, thọ trì Bát nhã ba la mạât và đọc tụng, hỏi nghĩa, nhớ nghĩ đúng được. Nên biết ấy là Ma sự.

LUẬN: Tất cả pháp hữu vi do nhân duyên hòa hợp sanh, các duyên ly tán thời không có, thí như dùi đồ để lấy lửa, phải có cái dùi, có đồ mồi là hai thứ để có được lửa.Viết chép Bát nhã cho đến nhớ nghĩ đúng cũng như vậy, phải có đủ nhân duyên trong ngoài hòa hợp mới thành, nghĩa là thầy và đệ tử phải đồng tâm đồng sự mới chép thành được. Thế nên Phật bảo Tu bồ đề, người nghe pháp, phát khởi năm thiện căn là tín, tấn, niệm, định, tuệ. Muốn chép, thọ trì Bát nhã cho đến nhớ nghĩ đúng, mà người thuyết pháp vì năm triền cái che tâm nên không muốn thuyết!

Hỏi: Nếu vì năm triền cái che tâm nên không muốn thuyết, thế sao làm thầy?

Đáp: người ấy đắm cái vui thế gian, chẳng quán không, vô thường, tuy tâm hiểu, miệng nói, mà không tự thật hành, còn đệ tử tuy tâm muốn tu mà không hiểu rõ, không có nơi nào khác nên phải hỏi người ấy; hoặc có khi thầy phát tâm từ bi muốn khiến chép, thọ trì Bát nhã, mà đệ tử ám độn không phát khởi năm thiện căn, đắm cái vui thế gian, nên không muốn nghe lời chép, thọ trì cho đến nhớ nghĩ đúng Bát nhã.

Hỏi: Nếu không muốn thọ trì, cớ sao gọi là người nghe pháp?

Đáp: Chỉ nghe lãnh thọ ít nhiều, và đọc tụng mà không rốt ráo thành tựu được, nên chỉ gọi là nghe pháp. Nếu cả hai người đồng có thiện tâm thời có thể được Bát nhã ba la mật, nến không đồng có thiện tâm thời chẳng được, ấy gọi là Ma sự.

Phiền não bên trong nổi lên, thiên tử ma bên ngoài bèn trợ duyên, xa lìa Bát nhã, thời Bồ tát nên giác tĩnh biết đó là ma, ngăn đừng cho khởi. Nếu tự mình thối mất, hãy làm cho đầy đủ lại; nếu đệ tử thối mất, hãy dạy cho được lại.

* Lại nữa, hoặc thầy có tâm từ bi mỏng, bỏ đệ tử mà đi đến phương khác, hoặc vì không thích với đất nước, bốn đại chẳng hòa; hoặc vì thiện pháp không được tăng ích, hoặc vì lạnh nóng không hợp, hoặc vì đất đai hoang vu, vì các nhân duyên như vậy mà đi đến phương khác, trong khi đó đệ tử cũng vì các nhân duyên mà không thể đi theo thầy. Có người vì quý trọng lợi dưỡng, như trên nói vì năm triền cái che tâm v.v...

* Lại nữa, hai người đều có lòng tin, có giới hạnh, mà một người dùng mười hai hạnh đầu đà để trang nghiêm giới, còn một người không thể.

Hỏi: Vì sao một người không thể?

Đáp: Phật kiết giới, đệ tử thọ trì, mười hai hạnh đầu đà không gọi là giới, thật hành được thời giới được trang nghiêm, không thật hành được không phải là phạm giới, thí như bố thí, làm thì được phước, không bố thí được cũng không có tội. Hạnh đầu đà cũng như vậy. Thế nên, hai bên không hòa hợp, là Ma sự.

Mười hai hạnh đầu đà là hành giả cho việc ở nhà sinh phiền não, nên bỏ cha mẹ, vợ con, quyến thuộc, xuất gia hành đạo, song thầy trò đồng học thì trở lại bị ràng buộc, tâm lại rối loạn, thế nên thọ phép ở chỗ vắng, để thân xa lìa ồn ào, ở chỗ không nhàn.

Xa lìa là gần nhất trong ba dặm, xa hơn nữa càng hay. Được thân xa lìa rồi, cũng nên khiến tâm xa lìa năm dục, năm triền cái.

Nếu nhận lời mời ăn, hoặc ăn cùng chúng Tăng là nhân duyên dễ khởi lên lậu hoặc, vì sao? Vì nhận lời mời ăn, nếu được mời thì nghĩ rằng ta là người tốt có phước đức nên được mời ; nếu không được mời thời chê người kia không hiểu biết, người không đáng mời lại mời, người đáng mời lại không mời. Hoặc tự khinh bạc, áo não tự trách mà sinh buồn khổ. Sự tham ưu đó dễ làm ngăn ngại đạo.

Ăn cùng chúng Tăng là vào giữa chúng, tất phải theo qui tắc của chúng, xử đoán công việc, đuổi người, liệu lý việc chúng tăng, phân xử sai khiến, thời tâm bị tán loạn; phế bỏ tu đạo. Vì những việc làm não loạn như vậy, nên thọ pháp thường khất thực.

Vì áo đẹp nên phải dong ruổi bốn phương, rơi vào lối sống tà mạng; nếu nhận áo tốt của người cho, thời sanh tâm gần gũi ái trước, nếu không gần gũi ái trước họ thời đàn việt hận. Nếu ở giữa chúng nhận được y thời có các lỗi như trên nói. Lại y tốt là chỗ tham đắm của người chưa đắc đạo. Vì y tốt mà chuốc lấy nạn giặc cướp, hoặc phải mất mạng, có những tai hoạn như vậy, nên thọ pháp mặc áo vá xấu xí. Hành giả nghĩ rằng: Tìm một bữa ăn trong một ngày còn nhiều trở ngại, huống gì bữa ăn nhẹ, ăn giữa ngọ, ăn sau ngọ, nếu không tự giảm bớt, thời mất công nữa ngày, không thể nhất tâm hành đạo.

Phật pháp cốt vì tu đạo, không phải vì nuôi thân, như nuôi ngựa nuôi heo, vì thế nên dứt việc thường ăn; thọ pháp ngày ăn một bữa ngọ.

Có người tuy ngày ăn một bữa ngọ, mà tâm tham ăn quá độ, bụng phình hơi thở nghẹt, phế bỏ tu đạo. Thế nên, thọ pháp ăn có tiết độ; tiết độ là lược nói tùy sức ăn được, ba phần chừa lại một phần, thời thân nhẹ nhàng an ổn, dễ tiêu, không có bệnh. Thân không tổn hại, thời việc hành đạo không phế bỏ. Như trong kinh, ngài Xá lợi phất nói: "Nếu ta ăn năm miếng sáu miếng, bổ túc thêm nước, là đủ nuôi thân". Với người Trung Quốc ăn trưa có thể kể mười miếng (?).

Có người tuy ăn có tiết độ, nhưng quá giờ ngọ còn uống nước có xác thời tâm sanh vui đắm, nên tìm nước gạo, nước quả, nước mật v.v... muốn uống mãi không chán, nên không thể nhất tâm tu tập thiện pháp, như ngựa không buộc dây cương, cứ muốn ăn cỏ quanh quẩn, không chịu lên đường, nếu có dây cương thời ý muốn ăn cỏ không còn, đi theo ý người. Vì thế, nên thọ pháp sau giờ ngọ không uống nước có xác.

Quán không, quán vô thường là cửa ban đầu bước vào Phật pháp, hay làm chán lìa ba cõi.

Gò mã thường có tiếng khóc lóc buồn than, thây chết bừa bãi, tận mắt thấy cảnh vô thường. Sau đó hoặc thiêu cháy, bị chim thú ăn, không bao lâu tiêu hết. Nhân quán thây chết mà dễ ngộ được tướng vô thường, tướng không của các pháp. Lại ở gò mả, hoặc thấy thây chết tan rã hôi hám bất tịnh, dễ thành được quán 9 cách (cữu tưởng quán). Đây là cửa ban đầu để lìa tham dục. Vì vậy nên thọ pháp ở giữa gò mả, quán bất tịnh, vô thường xong, việc đắc đạo thành, bỏ gò mả mà đi đến dưới cây, người chưa đắc đạo, tâm không quá chán, thì hãy thủ lấy tướng thây chết, ấy mà ở dưới cây suy nghĩ: Như Phật lúc Đản sanh, lúc thành đạo, lúc Chuyển pháp luân, lúc vào Niết bàn đều ở dưới cây. Hành giả

theo phép tắc của chư Phật thường ở dưới cây. Do các nhân duyên như vậy nên thọ pháp ở dưới cây. Do các nhân duyên như vậy nên thọ pháp ở dưới cây.

Hoặc hành giả quán dưới gốc cây không khác gì nữa cái nhà, che im vui mát. Lại nếu sanh tâm ái trước cho rằng ta ở cây này rất tốt, cây kia không bằng, vì sanh tâm lậu hoặc như vậy, nên đi đến ở chỗ đất trống, suy nghĩ rằng: Ở dưới cây có hai việc dở: 1. Mưa dột ẩm ướt, 2. Phân chim nhớp thân, trùng độc chung đụng, còn chỗ đất trống thời không có việc dở đó. Ở chỗ đất trống thời mặc y thuyết pháp, tùy ý vui thích. Trăng sáng soi khắp, bầu trời trong sáng, tâm dễ nhập vào "Không tam muội". Trong bốn oai nghi của thân, ngồi là tốt nhất, ăn dễ tiêu hóa, hơi thở điều hòa. Người cầu đạo, việc lớn chưa thành, giặc phiền não thường rình tìm chỗ dễ, thuận tiện, vậy không nên nằm yên. Nếu đi, nếu đứng thời tâm động khó thu nhiếp, và cũng không thể đi lâu, đ?ng lâu. Vì thế nên thọ pháp thường ngồi. Nếu khi muốn ngủ, thời hông không chính chiếu.

Hành giả không đắm trước vị ngon, không khinh chúng sanh, tâm bình đẳng thương xót, mà thứ lớp khất thực, không chọn nơi giàu nghèo, nên thọ pháp thứ lớp khất thực.

Hành giả ít muốn biết đủ, áo đủ che thân, không nhiều không ít, nên chỉ có ba y. Người bạch y (hàng mặc trắng tức cư sĩ - N.D) vì cầu vui nên chứa nhiều áo; hoặc có kẻ ngoại đạo tu khổ hạnh trần truồng không biết hổ. Thế nên đệ tử Phật lìa bỏ hai cực đoan ấy, hành xử theo trung đạo.

Chỗ ở chỗ ăn thường dùng hằng ngày nên nhiều việc, còn áo không cần tìm cầu hằng ngày, nên lược nói.

Mười hai hạnh đầu đà ấy là ý Phật muốn khiến đệ tử hành theo đạo, bỏ cái vui thế gian, nên tán thán mười hai hạnh đầu đà. Ý Phật thường lấy hạnh đầu đà làm gốc, vì có nhân duyên chẳng đaàu7841?ng đừng nên mới cho phép làm các việc khác. Như lúc Phật Chuyển động bánh xe pháp, năm Tỳ kheo mới đắc đạo, thưa Phật rằng: Chúng con nên mặc áo gì? Phật dạy: Nên mặc áo vá. Lại khi thọ giới pháp, phải suốt đời mặc áo vá, khất thực, ở dưới cây, dùng thuốc dư để chữa bệnh. Đối với bốn Thánh chủng xưa, trong đó hạnh đầu đà gồm có ba Thánh chủng.

Phật pháp chỉ lấy trí tuệ làm gốc, không vì sợ khổ làm đầu, cách ấy đều giúp đạo, tùy thuận đạo, nên Phật thường tán thán.

(Hết cuốn 68 theo bản Hán)

Cuốn 69

KINH: Lại nữa, Tu bồ đề, người thuyết pháp có lòng tin có căn lành, muốn chép, thọ trì cho đến nhớ nghĩ đúng Bát nhã ba la mật thâm sâu, song người nghe pháp không có lòng tin, phá giới, làm việc ác, không muốn chép, thọ trì cho đến nhớ nghĩ đúng Bát nhã ba la mật thâm sâu; nên biết ấy là Ma sự.

Tu bồ đề, người nghe pháp có lòng tin, có căn lành, mà người thuyết pháp, không có lòng tin, phá giới, làm việc ác, hai bên không hòa hợp; nên biết ấy là Ma sự.

* Lại nữa, Tu bồ đề, người thuyết pháp, có thể bố thí tất cả, tâm không lẫn tiếc, song người nghe pháp tâm lẫn tiếc không thí xả; nên biết ấy là Ma sự. Tu bồ đề, người nghe pháp bố thí được tất cả, tâm không lẫn tiếc, còn người thuyết pháp lẫn pháp không bố thí, hai bên không hòa hợp, không được chép, thọ trì, cho đến nhớ nghĩ đúng Bát nhã ba la mật; nên biết ấy là Ma sự.

* Lại nữa, Tu bồ đề, người nghe pháp muốn cúng dường người thuyết pháp y phục, ẩm thực, đồ nằm, thuốc men, vật cần dùng nuôi sống, song người thuyết pháp không muốn thọ nhận; nên biết ấy là Ma sự. Tu bồ đề, người thuyết pháp muốn cung cấp người nghe pháp y phục, cho đến vật cần dùng để nuôi sống, mà người nghe pháp không muốn thọ nhận, hai bên không hòa hợp, nên không được chép thành, thọ trì cho đến nhớ nghĩ đúng Bát nhã ba la mật; nên biết ấy là Ma sự.

* Lại nữa, Tu bồ đề, người thuyết pháp dễ ngộ, song người nghe pháp ám độn, nên biết ấy là Ma sự. Tu bồ đề, người nghe pháp dễ ngộ, mà người thuyết pháp ám độn, hai bên không hòa hợp, không được chép thành, thọ trì cho đến nhớ nghĩ đúng được Bát nhã ba la mật; nên biết ấy là Ma sự.

* Lại nữa, Tu bồ đề, người thuyết pháp biết nghĩa thứ lớp mười hai bộ kinh, đó là Tu đa la cho đến Ưu ba đề xá, song người nghe pháp không biết nghĩa thứ lớp mười hai bộ kinh, nên biết ấy là Ma sự. Hoặc người nghe pháp biết nghĩa thứ lớp mười hai bộ kinh, mà người thuyết pháp không biết nghĩa thứ lớp mười hai bộ kinh; hai bên không hòa hợp, nên không được chép thành cho đến nhớ nghĩ đúng Bát nhã ba la mật thâm sâu; nên biết ấy là Ma sự.

* Lại nữa, Tu bồ đề, người thuyết pháp thành tựu sáu ba la mật, song người nghe pháp không thành tựu sáu ba la mật, hai bên không hòa hợp, không được chép cho đến nhớ nghĩ đúng Bát nhã ba la mật thâm sâu; nên biết ấy là Ma sự.

Hoặc người nghe pháp có sáu ba la mật, mà người thuyết pháp không có sáu ba la mật, hai bên không hòa hợp, nên không được chép thành cho đến nhớ nghĩ đúng Bát nhã ba la mật thâm sâu; nên biết ấy là Ma sự.

* Lại nữa, Tu bồ đề, người thuyết pháp đối với sáu ba la mật, có sức phương tiện, song người nghe pháp đối với sáu ba la mật không có sức phương tiện, hai bên không hòa hợp, không được chép thành cho đến nhớ nghĩ đúng Bát nhã ba la mật; nên biết ấy là Ma sự. Hoặc người nghe pháp đối với sáu ba la mật có sức phương tiện, mà người thuyết pháp đối với sáu ba la mật không có sức phương tiện, hai bên không hòa hợp, nên không được chép thành cho đến nhớ nghĩ đúng Bát nhã ba la mật; nên biết ấy là Ma sự.

* Lại nữa, Tu bồ đề, người thuyết pháp được Đà la ni, song người nghe pháp không có Đà la ni, hai bên không hòa hợp, không được chép thành cho đến nhớ nghĩ đúng Bát nhã ba la mật thâm sâu; nên biết ấy là Ma sự. Hoặc người nghe pháp được Đà la ni, mà người thuyết pháp không có Đà la ni, hai bên không hòa hợp, nên không được chép thành cho đến nhớ nghĩ đúng Bát nhã ba la mật thâm sâu; nên biết ấy là Ma sự.

* Lại nữa, Tu bồ đề, người thuyết pháp muốn khiến chép thọ trì, đọc tụng cho đến nhớ nghĩ đúng Bát nhã ba la mật; song người nghe pháp không muốn chép, thọ trì, đọc tụng cho đến nhớ nghĩ đúng Bát nhã ba la mật, hai bên không hòa hợp, nên không được chép thành cho đến nhớ nghĩ đúng Bát nhã ba la mật; nên biết ấy là Ma sự. Hoặc người nghe pháp muốn chép, đọc tụng cho đến nhớ nghĩ đúng Bát nhã ba la mật, mà người thuyết pháp không muốn khiến chép Bát nhã ba la mật, cho đến không muốn khiến giảng thuyết, hai bên không hòa hợp, nên không được chép thành cho đến nhớ nghĩ đúng Bát nhã ba la mật thâm sâu; nên biết ấy là Ma sự.

* Lại nữa, Tu bồ đề, người thuyết pháp lìa tham dục, sân nhuế, ngủ nghỉ, giao động, hối hận, nghi ngờ, song người thuyết pháp thì tham dục, sân nhuế, ngủ nghỉ, giao động, hối hận, nghi ngờ; nên biết ấy là Ma sự. Hoặc người nghe pháp lìa tham dục, sân nhuế, ngủ nghỉ, giao động, hối hận, nghi ngờ, mà người thuyết pháp thì tham dục, sân nhuế, ngủ nghỉ, giao động, hối hận, nghi ngờ, hai bên không hòa hợp, nên không được chép thành cho đến nhớ nghĩ đúng Bát nhã ba la mật thâm sâu; nên biết ấy là Ma sự.

* Lại nữa, Tu bồ đề, trong khi chép cho đến nhớ nghĩ đúng Bát nhã ba la mật thâm sâu ấy, hoặc có người đi đến nói việc khổ thống trong ba đường ác, và

khuyên sao người không ở nơi thân này dứt khổ vào Niết bàn, dùng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác ấy làm gì, hai bên không hòa hợp, nên không được chép thành cho đến nhớ nghĩ đúng Bát nhã ba la mật; nên biết ấy là Ma sự.

* Lại nữa, Tu bồ đề, trong khi chép, thọ trì, đọc tụng, thuyết giảng, nhớ nghĩ đúng Bát nhã ba la mật thâm sâu ấy, hoặc có người đi đến tán thán các cõi trời Tứ Thiên vương, trời Ba Mười Ba, trời Dạ ma, trời Đâu suất đà, trời Hóa Lạc, trời Tha Hóa Tự Tại, trời Phạm thiên cho đến trời Phi hữu tưởng Phi vô tưởng; tán thán Sơ thiền cho đến Phi hữu tưởng Phi vô tưởng định, nói rằng: Này thiện nam tử, dầu ở trong cõi Dục hưởng thọ khoái lạc năm dục, ở trong cõi Sắc hưởng thọ cái vui do thiền định phát sanh, ở trong cõi Vô sắc hưởng thọ cái vui tịch diệt, các việc ấy cũng vô thường, khổ, không, vô ngã, là tướng biến đổi, tướng diệt tận, tướng tan rã, tướng ly tán, tướng hoại diệt, sao người không do nơi thân này thủ chứng quả Tu đà hoàn, quả Tư đà hàm, quả A na hàm, quả A la hán, đạo Bích chi Phật? Cần gì chịu đủ thứ khổ trong thế gian sanh tử để cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác làm gì? Hai bên không hòa hợp, nên không được chép thành Bát nhã ba la mật thâm sâu; nên biết ấy là Ma sự.

* Lại nữa, Tu bồ đề, người thuyết pháp, sống một mình không hệ lụy, tự tại vô ngại, song người nghe pháp nuôi dưỡng nhiều người, hai bên không hòa hợp, nên không được chép thành cho đến nhớ nghĩ đúng Bát nhã ba la mật thâm sâu; nên biết ấy là Ma sự. Hoặc người nghe pháp sống một mình không hệ lụy, tự tại vô ngại, mà người thuyết pháp lại nuôi nhiều người, hai bên không hòa hợp, nên không chép thành cho đến nhớ nghĩ đúng Bát nhã ba la mật thâm sâu; nên biết ấy là Ma sự.

* Lại nữa, Tu bồ đề, người thuyết pháp nói như vầy: Ngươi theo được ý ta, ta sẽ cho ngươi Bát nhã ba la mật khiến chép, đọc tụng, thuyết giảng, nhớ nghĩ đúng, nếu không theo ý ta, thời ta không cho ngươi, hai bên không hòa hợp, nên không được chép thành, đọc tụng, thuyết giảng, nhớ nghĩ đúng Bát nhã ba la mật thâm sâu; nên biết ấy Ma sự.

* Lại nữa, Tu bồ đề, người nghe pháp muốn được theo như ý người thuyết pháp, mà người thuyết pháp không chịu, hai bên không hòa hợp, nên không được chép thành cho đến nhớ nghĩ đúng Bát nhã ba la mật thâm sâu; nên biết ấy là Ma sự.

* Lại nữa, Tu bồ đề, người thuyết pháp muốn được tài vật lợi dưỡng, nên đưa cho kinh Bát nhã ba la mật bảo chép, thọ trì cho đến nhớ nghĩ đúng, song người

nghe pháp vì lý do ấy nên không muốn làm theo, hai bên không hòa hợp, nên không được chép cho đến nhớ nghĩ đúng Bát nhã ba la mật thâm sâu; nên biết ấy là Ma sự. Hoặc người nghe pháp vì tài vật lợi dưỡng, nên muốn chép, đọc tụng, thuyết giảng Bát nhã ba la mật thâm sâu; còn người thuyết pháp vì lý do ấy nên không muốn thuyết cho, hai bên không hòa hợp, nên không được chép thành, đọc tụng thuyết giảng Bát nhã ba la mật thâm sâu; nên biết ấy là Ma sự.

* Lại nữa, Tu bồ đề, người thuyết pháp muốn đi đến chỗ nguy hiểm tánh mạng ở phương xa, song người nghe pháp không muốn đi theo, hai bên không hòa hợp, nên không được chép thành cho đến nhớ nghĩ đúng Bát nhã ba la mật thâm sâu; nên biết ấy là Ma sự. Hoặc người nghe pháp muốn đi đến chỗ nguy hiểm tánh mạng ở phương xa, màngười thuyết pháp không muốn đi, hai bên không hòa hợp, nên không được chép thành cho đến nhớ nghĩ đúng Bát nhã ba la mật thâm sâu; nên biết ấy là Ma sự.

* Lại nữa, Tu bồ đề, người thuyết pháp, muốn đi đến chỗ đói khát, gạo hiếm, nước không, ở phương xa, song người nghe pháp không muốn đi theo, hai bên không hòa hợp, nên không được chép thành cho đến nhớ nghĩ đúng Bát nhã ba la mật thâm sâu; nên biết ấy là Ma sự. Hoặc người nghe pháp muốn đi đến chỗ đói khát, gạo hiếm, nước không, ở phương xa, còn người thuyết pháp không muốn đi, hai bên không hòa hợp, nên không được chép thành cho đến nhớ nghĩ đúng Bát nhã ba la mật thâm sâu; nên biết ấy là Ma sự.

* Lại nữa, Tu bồ đề, người thuyết pháp muốn đi đến chỗ giàu vui ở phương xa, người nghe pháp muốn đi theo, người thuyết pháp nói: Này thiện nam tử, ngươi vì lợi dưỡng mà đi theo ta, ngươi hảy khéo tự suy nghĩ, hoặc được hoặc không được, đừng để hối hận về sau. Vì chút ít lý do đó hai bên không hòa hợp, người nghe pháp nghe nói như vậy tâm sanh chán, nghĩ rằng ấy là đối nghịch không muốn cho ta đi theo, bèn ngưng không đi; hai bên không hoà họp, nên không được chép thành cho đến nhớ nghĩ đúng Bát nhã ba la mật thâm sâu; nên biết ấy là Ma sự.

* Lại nữa, Tu bồ đề, người thuyết pháp muốn đi qua chỗ đồng trống, chỗ giặc đáng sợ, chỗ hạng Chiên đà la đáng sợ, chỗ thợ săn, thú dữ, rắn độc đáng sợ, người nghe pháp cũng muốn đi theo, người thuyết pháp nói: Này thiện nam tử, ngươi cần gì đi đếùn đó, trong đó có nhiều điều đáng sợ, giặc cho đến rắn độc đáng sợ, người nghe pháp nghe nói như vậy, biết người kia không muốn cho chép, thọ trì cho đến nhớ nghĩ đúng Bát nhã ba la mật, tâm chán không muốn đi theo. Vì chút ít lý do đó, hai bên không hòa hợp; nên biết ấy là Ma sự.

* Lại nữa, Tu bồ đề, người thuyết pháp có nhiều Đàn việt, thường đến thăm hỏi, vì nhân duyên ấy, nói với người nghe pháp rằng: Ta có nhân duyên, ngươi nên đi nơi khác. Người nghe pháp biết ý kia bèn ngừng, hai bên không hòa hợp, nên không được chép thành cho đến nhớ nghĩ đúng Bát nhã ba la mật thâm sâu; nên biết ấy là Ma sự.

LUẬN: Hỏi: Có người chép, thọ trì, đọc tụng Bát nhã ba la mật, nhưng không tu hành được mà phạm giới, hoặc có việc như vậy, nếu không tin thì tại sao lại đi theo họ thọ pháp?

Đáp: người ấy không tin Bát nhã ba la mật nói về rốt ráo không, song vì cầu danh nên đọc tụng, giảng rộng, giống như đệ tử Phật không tin kinh sách ngoại đạo mà cũng giảng nói cho người khác.

* Lại nữa, không có tâm tin vui sâu xa về Bát nhãnên gọi là không tin, chứ chẳng phải hoàn toàn không tin.

Hỏi: Theo pháp thì đệ tử nên cúng dường thầy, cung phụng các điều có được, vì sao lại nói thầy không thể bố thí được.

Đáp: Đệ tử nghĩ rằng: Thầy có vật ít mà không thí xả đươc, huống gì xả thân, tuy tán thán việc bố thí, đó chỉ là hư dối, thế nên gọi là không hòa hợïp. Đệ tử muốn lấy bốn việc cúng dường thầy, và thầy ít muốn biết đủ nên không nhận, hoặc hổ thẹn giống như buôn bán pháp nên không nhận. Hoặc thầy biết nhiều hiểu nhiều không thiếu thứ gì, có thể cung cấp cho đệ tử song đệ tử lại tự nghĩ rằng: Người ta sẽ cho mình tham cơm áo của thầy nên đến thọ pháp, hoặc tự cho mình đức mỏng không tiêu hóa nổi vật của thầy cho. Tâm ấy tuy tốt, mà không thành Bát nhã, đó cũng là Ma sự.

Thầy độn căn, là thầy tụng kinh, chẳng phải thầy hiểu nghĩa; tụng mười hai bộ kinh, cũng là thầy tụng kinh.

* Lại nữa, vị thầy có sáu ba la mật nghĩ rằng: Đệ tử là người có tội, độn căn, không hành được sáu ba la mật, say đắm việc thế gian, chỉ có danh đệ tử, không có sự thật. Vị thầy ấy không biết rằng đệ tử sau khi nghe Bát nhã được việc lớn, chỉ vì hiện tiền không có sáu ba la mật, mà không chịu giáo hóa. Trái lại đệ tử cũng nghĩ rằng lý nghĩa sáu ba la mật, ta cũng tu hành được, còn thầy chỉ nói miệng không thể tu hành, mà không biết rằng thầy gặp nhân duyên chuyển đổi thân, sẽ thành đại sự; lại không biết rằng thầy có sự lợi ích về đọc tụng, vì thế nên hai bên không hòa hợp.

* Lại nữa, đệ tử tin tưởng đắm trước thiện pháp, còn thầy không đắm pháp, dùng phương tiện hành sáu ba la mật, đệ tử bảo vì thầy không có tâm ưa vui sâu xa sáu ba la mật, vì sao biết? Vì có khi thầy tán thán sáu ba la mật, có khi vì dứt tâm chấp trước của người mà phá tán thán sáu ba la mật. Trái lại, đệ tử có phương tiện (trí tuệ) cũng như vậy.

Hỏi: nếu đệ tử được Đà la ni, mà thầy không được Đà la ni, vì sao làm thầy?

Đáp: Đà la ni có nhiều thứ: Có đệ tử được văn trì Đà la ni (thứ thần chú nghe đâu nhớ đó - N.D) thọ trì đọc tụng, mà không hiểu nghĩa, vị thầy có thể giải thuyết cho. Hoặc đệ tử có được Đà la ni hiểu nghĩa thật tướng các pháp, mà không thể thứ lớp đọc tụng. Hoặc vị thầy đư?c Đà la ni văn trì, mà chưa có tâm đại bi, nên khinh thị đệ tử, không thể dạy đạo.

Hỏi: Đệ tử muốn thọ trì Bát nhã ba la mật, mà thầy không dạy cho, hoặc có việc như vậy, cớ sao thầy muốn dạy pháp cho mà đệ tử không nhận?

Đáp: Như trước đáp, vì đệ tử thấy thầy có lỗi, nên không muốn lãnh thọ pháp! Lại vị thầy muốn giáo hóa người trước mặt làm đệ tử, mà người ấy hoặc vì có tà kiến, các điều ác, nên không chịu thọ giáo.

* Lại nữa, sở hành của hết thảy chúng sanh nếu đồng nhau thời dễ hòa hợp, còn nếu một người lìa năm dục một người không lìa nên khinh nhau, khinh nhau nên không hòa hợp. Tất cả chúng sanh đều như vậy.

* Lại nữa, trong khi chép tụng, nhớ nghĩ đúng Bát nhã ba la mật, một người quở trách ba ác đạo, một người tán thán chư thiên. Việc này như trước đã đáp, tuy không thể phá hoàn toàn thiện hạnh người kia, chỉ phá hoại Đại thừa của người kia mà trao pháp Tiểu thừa.

* Lại nữa, thầy ít muốn biết đủ, không ưa tụ tập đông người, còn đệ tử thì có đông người. Vị thầy nghĩ rằng: Đệ tử tuy tốt có thể độ được, mà nuôi đồ chúng nhiều. Trái lại thầy cứ đắm sâu vào thiện pháp, xa lìa đệ tử, đệ tử sống một mình cũng như vậy.

* Lại nữa, ý người thuyết pháp là nếu đệ tử tu hành theo ý ta, hoặc đi hoặc ở, tùy lúc hỏi han v.v... còn người nghe pháp chỉ muốn cầu cái lợi của giáo pháp, không thể hành xử việc chúng, thế là không hòa hợp. Hoặc có khi người nghe pháp theo ý tới lui hỏi han v.v... mà người thuyết pháp không cho, nghĩ rằng: Cần gì việc ấy, tổn công đức ta; ý người nghe pháp cho đó là khinh thị, không hoan hỷ với nhau được. Thế là không hòa hợp.

* Lại nữa, vị thầy vì lợi dưỡng nên muốn dạy pháp cho, tâm đệ tử thì không kính thầy, tại sao thầy lại muốn bán kinh pháp. Trái lại, đệ tử cũng như vậy, vì tài vật lợi dưỡng nên đọc tụng Bát nhã, chứ chẳng phải tâm thanh tịnh. Thầy biết tâm đệ tử như thế, thời khinh bạc không chịu dạy cho. Thế nên không hòa hợp.

* Lại nữa, vị thầy muốn đi đến phương xa, trải qua đường hiểm nạn, đệ tử vì tiếc thân mạng không đi theo, nghĩ rằng: Ta có thân vậy sau mới cầu pháp. Trái lại đệ tử muốn đi cũng như vậy, muốn đi đến chỗ đói khát, gạo hiếm, nước không, cũng như vậy.

* Lại nữa, vị thầy muốn đi đến chỗ giàu vui, đệ tử không muốn đi theo thầy, mà thầy hoặc hổ thẹn không muốn đem đi, hoặc đệ tử quen thói vui chơi không thể laàu7841?n lội đi xa, hoặc đường sá xa thẳm, hoặc thầy biết rõ nước kia, còn đệ tử không hiểu mà cho thầy khen tốt nước kia, chứ chưa chắc có thật như vậy, hoặc nghĩ rằng: Thầy ham ăn uống nên đi. Do các nhân duyên như vậy, thầy nói với đệ tử như người nghe nói những điều ở nước kia, không hẳn có đủ nhân duyên như vậy, hãy tự suy tính, nếu muốn đi thì đi đừng do tài vật giàu vui mà đi, khi đến nước kia không được vừa ý, chớ thán oán. Thầy lại nói người nghe nước kia giàu vui nên đi chứ không phải vì pháp, nên không cần theo ta. Thầy có lòng tốt ngăn đệ tử, mà không biết đó là nhân duyên phá hoại Bát nhã ba la mật, đệ tử nghe lời ấy, kính sợ thầy nên không đáp được, liền ngưng không đi, nên không hòa hợp.

Hoặc thầy muốn đi đến nước xa, trong đó có đủ thứ cọp beo, giặc, trộm, nói với đệ tử rằng: Chỗ kia có nhiều tai nạn, người không cần đi, đệ tử nghe rồi ngưng không đi, thầy chỉ biết ở kia có nạn sự nên ngăn đệ tử màkhông biết đó là nhân duyên phá hoại Bát nhã ba la mật.

Hỏi: Nếu ở nước xa có nhiều nạn, cớ sao thầy đi một mình?

Đáp: Có người trả lời, vì thầy sanh ra ở nước đó, đã chịu quen ở nước đó, có thể tự phòng hộ được. Có người nói: Ở nước kia có thầy giỏi, có kinh sách, nên không tiếc thân mạng rồi đi, thầy nghĩ rằng thân ta chết một mình thời có thể, chứ cớ sao làm oan uổng đệ tử, vì lẽ đó nên ngăn không để đệ tử đi.

Hoặc thầy có nhiều Đàn việt quen biết, tâm sanh vui đắm, còn đệ tử ít muốn biết đủ, không tham đắm Đàn việt; thầy thường tùy thời hỏi han Đàn việt, còn đệ tử chỉ muốn cầu pháp, không ưa việc ấy. Thầy biết ý, nói rằng: Ta có nhân duyên, không nói pháp cho ngươi được. Đệ tử nghe rồi không vui, thầy quí caí duyên thế tục, không qui pháp thế là không hòa hợp.

KINH: Lại nữa, Tu bồ đề, ác Ma hiện làm thân tướng Tỳ kheo đi đến, dùng phương tiện phá hoại Bát nhã ba la mật, không để cho được chép thành, giữ gìn, đọc tụng, thuyết giảng, nhớ nghĩ đúng.

Tu bồ đề bạch Phật rằng : Bạch đức Thế Tôn, vì nhân duyên gì ác ma hiện làm hình tướngTỳ kheo, dùng phương tiện phá hoại Bát-nhã ba-la-mật, không để cho được chéo thành, giữ gìn, cho đến nhớ nghĩ đúng? Phật dạy: Aùc Ma hiện làm thân tướng Tỳ kheo đi đến phá hoại tâm thiện nam tử thiện nữ nhân, làm cho xa lìa Bát nhã ba la mật, nói rằng: "Như kinh của ta nói tức Bát nhã ba la mật, còn kinh này chẳng phải Bát nhã ba la mật".

Tu bồ đề, trong đây khi các Tỳ jheo phá hoại, có vị Bồ tát chưa được thọ ký liền roi vào nghi hoặc, rơi vào nghi hoac nenân không chép kinh Bát nhã ba la mật thâm sâu; không thọ, không trì cho đến không nhớ nghĩ thành Bát nhã ba la mật, cho đến nhớ nghĩ đúng. Nên biết ấy là Ma sự.

* Lại nữa, Tu bồ đề, ác Ma hiện làm thân tướng Tỳ kheo đi đến chỗ Bồ tát nói rằng: Nếu Bồ tát tu hành Bát nhã nhã ba la mật thì thật tế chỉ chứng được quả Tu đà hoàn, quả Tư đà hàm, quả A na hàm, quả A la hán, được Bích chi Phật đạo. Vì không hòa hợp như thế không được chép thành cho đến nhớ nghĩ đúng Bát nhã ba la mật thâm sâu; nên biết ấy là Ma sự.

* Lại nữa, Tu bồ đềà, trong khi nói Bát nhã ba la mật thâm sâu ấy, có nhiều ma sự khởi lên, làm chướng nạn Bát nhã ba la mật, ấy là ma sự. Bồ tát ma ha tát hãy gíac tri, giác tri rồi xa lìa. Tu bồ đề thưa: Bạch đức Thế Tôn, những gì là ma sự làm chướng nạn, Bồ tát nên phải giác tri, giác tri rồi xa lìa?

Phật dạy: Chính Bát nhã ba la mật tương tợ, là ma sự khởi lên, Thiền ba la mật tương tợ, Giới ba la mật tương tợ, Tấn ba la mật tương tợ, Nhẫn ba la mật tương tợ, Thí ba la mật tương tợ, là ma sự khởi lên, mà Bồ tát nên phải giác tri, giác tri rồi xa lìa.

* Lại nữa, Tu bồ đề, các kinh của hàng Thanh văn, Bích chi Phật, phải hành trì, Bồ tát ma ha tát nên biết đó là ma sự, mà xa lìa nó.

* Lại nữa, Tu bồ đề, nội không cho đến vô pháp hữu pháp không, bốn niệm xứ cho đến tám thánh đạo phần, ba môn giải thoát là không, vô tướng, vô tác, hành trì theo pháp này thì chứng được quả Tu đà hoàn, quả Tư đà hàm, quả A na hàm, quả A la hán, đạo Bích chi Phật. Các kinh như vậy, ác ma giả hiện làm hình tướng Tỳ kheo, khéo léo đem cho Bồ tát. Thế là không hoà hợp, không

được chép thành Bát nhã ba la mật thâm sâu; cho đến nhớ nghĩ đúng, nên biết ấy là Ma sự.

* Lại nữa, Tu bồ đề, ác ma giả hiện làm thân Phật, sắc vàng tỏa sáng một trượng, đi đến chỗ Bồ tát, Bồ tát ấy vì tham đắm, nên bị hao tổn trí Tát bà nhã. Thế là không hòa hợp, không được chép thành Bát nhã ba la mật, cho đến nhớ nghĩ đúng; nên biết ấy là Ma sự.

* Lại nữa, Tu bồ đề, ác ma giả hiện làm thân Phật và Tỳ kheo Tăng, đi đến trước Bồ tát, Bồ tát ấy khởi tâm tham đắm, nghĩ rằng: Ta đời sau cũng sẽ làm Tỳ kheo Tăng, như vậy để thuyết pháp cho người; Bồ tát tham đắm thân ma nên bị hao tổn trí Tát bà nhã, không được chép thành Báøt nhã ba la mật cho đến nhớ nghĩ đúng; nên biết ấy là Ma sự.

Lại nữa, Tu bồ đề, Ác ma hóa làm vô số trăm ngàn vạn ức Bồ tát tu hành Thí ba la mật, Giới ba la mật, Nhẫn ba la mật, Tấn ba la mật, Thiền ba la mật, Bát nhã ba la mật, rồi chỉ bày cho thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy, thiện nam tử thiện nữa nhân ấy thấy rồi tham đắm nên bị hao tổn trí Tát bà nhã, không được chép thành Bát nhã ba la mật cho đến nhớ nghĩ đúng; nên biết ấy là ma sự, tại sao? Vì trong Bát nhã ba la mật thâm sâu, không có sắc, không có thọ, tưởng, hành, thức; cho đến không có Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Tu bồ đề, Bát nhã ba la mật, nếu không có sắc, cho đến không có Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, thời trong ấy không có Phật, không có Thanh văn, không có Bích chi Phật, không có Bồ tát, tại sao. Vì hết thảy pháp tự tánh không vậy.

* Lại nữa, Tu bồ đề, thiện nam tử thiện nữ nhân, khi chép Bát nhã ba la mật thâm sâu, thọ trì, đọc tụng, thuyết giảng, nhớ nghĩ đúng, thường có nhiều chướng nạn nổi lên. Tu bồ đề! Thí như trong cõi Diêm phù đề, những thứ trân bảo, vàng, bạc, lưu ly, xà cừ, mã não, san hô v.v... thường gặp nhiều nạn giặc. Như vậy, Tu bồ đề, thiện nam tử thiện nữ nhân, trong khi chép Bát nhã ba la mật thâm sâu, cho đến nhớ nghĩ đúng, thường gặp nhiều giặc chướng nạn khởi lên.

tu bồ đề bạch Phật rằng: Như vậy, bạch đức Thế Tôn! Trong cõi Diêm phù đề các thứ trân bảo, vàng, bạc, lưu ly, xà cừ, mã não, san hô v.v... thường có nhiều giặc nhiều nạn. Bạch đức Thế Tôn! Thiện nam tử thiện nữ nhân cũng như vậy, trong khi chép thành Bát nhã ba la mật thâm sâu cho đến nhớ nghĩ đúng, thường có nhiều giặc nhiều nạn khởi lên, có nhiều ma sự, tại sao? Ấy vì người

ấy ngu si bị ma sai sử, trong khi thiện nam tử thiện nữ nhân chép Bát nhã ba la mật thâm sâu cho đến nhớ nghĩ đúng, nó phá hoại làm cho xa lìa.

Bạch đức Thế Tôn, người ngu si ấy rất ít trí tuệ, nên khi chép Bát nhã ba la mật cho đến nhớ nghĩ đúng, Ma đến phá hoại làm cho xa lìa. Người ngu si ấy tâm không ưa pháp lớn, cho nên không chép Bát nhã ba la mật, không thọ, không đọc, không tụng, không nhớ nghĩ đúng, không tu hành như nói, ma cũng phá hoại người khác, khiến cho không được chép thành Bát nhã ba la mật thâm sâu, cho đến tu hành như nói.

Phật dạy: Như vậy, như vậy, Tu bồ đề! Thiện nam tử thiện nữ nhân mới phát tâm Đại thừa, bị ma sai sử, không trồng căn lành, không cúng dường chư Phật, không theo thiện tri thức, nên không được chép thành Bát nhã ba la mật cho đến không nhớ nghĩ đúng, nên gây chướng nạn. Thiện nam tử thiện nữ nhân ấy, ít trí ít tuệ, tâm không ưa Đại thừa, thế nên không thể chép kinh Bát nhã ba la mật thâm sâu, cho đến nhớ nghĩ đúng, vì Ma sự khởi lên.

Tu bồ đề, nếu thiện nam tử thiện nữ nhân khi chép được kinh Bát nhã ba la mật thâm sâu, cho đến nhớ nghĩ đúng, thời ma sự không khởi lên, còn có thể đầy đủ Thiền ba la mật cho đến Thí ba la mật; có thể đầy đủ bốn niệm xứ cho đến trí nhất thiết chủng.

Tu bồ đề, nên biết nhờ Phật lực thiện nam tử thiện nữ nhân có thể chép kinh Bát nhã ba la mật thâm sâu cho đến nhớ nghĩ đúng, cũng có thể đầy đủ Thiền ba la mật cho đến Thí ba la mật, nội không cho đến vô pháp hữu pháp không, đầy đủ bốn niệm xứ cho đến tám Thánh đạo phần, đầy đủ Phật lực cho đến trí nhất thiết chủng.

Tu bồ đề, vô lượng vô biên vô số chư Phật trong mười phương hiện tại, cũng hỗ trợ cho thiện nam tử thiện nữ nhân ấy, khiến chép được thành Bát nhã ba la mật thâm sâu; cho đến nhớ nghĩ đúng. Các Bồ tát ở địa vị bất thối trong mười phương, cũng ủng hộ phò trợ cho thiện nam tử thiện nữ nhân ấy, chép Bát nhã ba la mật cho đến nhớ nghĩ đúng.

LUẬN: Ma hiện làm hình tướng Sa môn, có oai đức long trọng, làm cho người ta nghe theo lời nó, thường cầm kinh quyển cùng với đông đủ chúng đệ tử, nói với các Tỳ kheo rằng: Bát nhã ba la mật, như trong kinh của ta nói mới chân thật Phật nói, còn Bát nhã ngươi nghe trước đó, không thật, chẳng phải Phật nói, chê bai trước, mỗi mỗi tự tán thán lời mình nói. Bồ tát độn căn tin thọ lời ấy sanh tàkiến; còn Bồ tát lợi căn nhưng chưa được thọ ký thời sanh nghi, vì sao? Vì

nghĩ rốt ráo "không". vô tướng của Phật nói, trí tuệ khó hiểu, nên không hòa hợp. Có khi ma nói với Bồ tát rằng: "Bát nhã ba la mật, ba cửa giải thoát, nói rộng chỉ là "Không". Ông thường tập theo cái không đó, trong ấy chứng được, không chứng được. Làm sao làm Phật? Cách làm Phật là trước phải tu bố thí, trì giới v.v... tu phước đức về 32 tướng, đến khi ngồi đạo tràng, bấy giờ mới dùng "không". Nghe nói vậy, Bồ tát hoặc tin hoặc nghi, lìa bỏ Bát nhã ba la mật.

Hỏi: Vì sao sáu ba la mật tương tợ, gọi là ma sự?

Đáp: Như đã nói trong đoạn nói về Bát nhã ba la mật tương tợ.

* Lại nữa, đem tâm chấp trước mà tu hành Bát nhã ba la mật, ấy gọi là tương tợ. Trong kinh Thanh văn, Bích chi Phật, không có nói từ bi, không cầu Phật đạo, chỉ muốn tự độ, tuy là việc tốt, nhưng phá đạo Bồ tát, nên gọi là Ma sự.

Hỏi: Nếu Bồ tát thấy thân Phật, thời tín tâm thanh tịnh, tại sao gọi là ma sự?

Đáp: Tất cả phiền não chấp thủ tướng, đều là Ma sự. Tiểu Bồ tát chưa nên thấy Phật thân, ma hiện làm thân Phật rất dẹp, tâm Bồ tát nhiễm đắm, vì cái thân đẹp ấy nên gắng tu đạo, như người chưa lìa dục, thấy hình con gái trời, tâm nhiễm đắm sâu, không thể hưởng được sự dục lạc cõi trời, mê muội mà chết, thế nên Ma được mãn nguyện.

Bồ tát tuy được chút ít tịnh tâm, mà bỏ mất trí tuệ thật tướng, như người tay cầm ngọc báu nặng cân, có người đem chút ít vàng đối phỉnh, liền bỏ ngọc báu có giá trị lớn, mà nhận lấy vật hèn, ấy gọi là *hao tổn*. Ma hiện làm thân Phật, dẫn các Tỳ kheo chỉ cho thấy nhiều vị Bồ tát tu sáu ba la mật cũng như trên. Trong đây Phật nói lý do hết thảy sắc pháp v.v... tự tánh không.

* Lại nữa, chúng hội sanh nghi: "Bát nhã ba la mật là pháp vô thượng, có lợi ích nhiều, tại sao có người ganh ghét'? Vì thế Phật nói thí dụ: Như trong cõi Diêm phù đề vì có vàng bạc, nên có nhiều oán nhiều giặc xuất hiện chớ không vì ngói đá.

Bát nhã ba la mật là diệu bảo trong kho tàng Phật pháp, vi diệu, thậm thâm, kẻ độn căn giải đãi không thể hiểu được, thế nên hủy báng. Ma vì cho rằng Bát nhã ba la mật làm cho nhiều chúng sanh vào Niết bàn nên Ma làm giặc oán. Tu bồ đề, vui mừng được lãnh thọ lời Phật, thuật lại lời Ngài dạy về kẻ hủy báng phá hoại Bát nhã.

Bạch đức Thế Tôn, người cuồng si ấy, bị Ma sai sử, không được tự tại, vì thiếu trí nên không thể thông đạt ý Phật. Người ấy không có tâm lớn, không biết pháp vị trong sạch, chỉ biết ba tướng là tham vị, dâm dục, sân nhuế như súc sanh, làm chướng nạn đối với Bát nhã.

Phật ấn khả lời Tu bồ đề nói, nói với Tu bồ đề rằng: Nếu Bồ tát ma ha tát chép Bát nhã, cho đến nhớ nghĩ đúng, Ma sự chẳng khởi lên, nên biết đó là nhờ sự ủng hộ của Phật lực và chư Phật Bồ tát trong mười phương , mà có thể đầy đủ năm ba la mật cho đến trí nhất thiết chủng, và cũng là do Phật lực trong hiện tại ở mười phương, vì sao? Vì Ma là chúa tể cõi Dục, đầy đủ phước đức trí tuệ thế gian; Ma là căn bản sanh tử thế gian.

Chư thiên cõi Sắc, tuy có tà kiến mà thường vào thiền định, nên tâm nhu nhuyến, không thể có sự phá hoại gì; trong cõi Vô sắc thì vô hình và tâm vi tế, không thể làm gì; còn các trời dưới cõi Dục, không có thế lực nên không thể phá hoại như vậy.

Ma ở cõi Dục do nhân duyên của nghiệp lực đời trước và chỗ ở mà cướp lấy việc làm của người khác.

Chúa giặc gọi là Ma, ấy là tướng Ma vậy. (nghi là chữ Ma pháp, tức cách thức của ma) phá hoại việc tốt.

Bồ tát mới phát tâm, trí tuệ mỏng nên tiếc thân, nếu chư Phật, Bồ tát mười phương không ủng hộ, tá trợ thì không thành được. Thế nên chư Phật, Bồ tát, chư thiên là những vị phá hoại Ma sự, mà Bồ tát ấy hoặc biết hoặc không biết, giống như giặc đi quanh thành, người lớn thủ hộ mà trẻ con không hay biết.

Lược nói Ma sự như vậy, nói rộng thời vô lượng vô biên. Nhưng ý Phật chỉ muốn khiến hành giả thành đại sự Bát nhã, thế cho nên thầy trò nên phải hòa hợp, không nên để ý vào các việc ác.

GIẢI THÍCH: PHẨM PHẬT MẪU THỨ 48.

KINH: Phật bảo Tu bồ đề, thí như người mẹ có hoặc 5 con, 10 con, 20 con, 30 con, 40, con, 50 con, hoặc trăm hoặc ngàn con, khi mẹ mắc bệnh, các người con siêng năng tìm cầu cứu chữa, nghĩ rằng: Chúng ta làm sao làm cho mẹ được an, không có việc hoạn nạn đau khổ, không vui, gió, rét, lạnh, nóng, muỗi nhặng, rắn rết xâm phạm thân mẹ là điều lo lắng của chúng ta. Các người con thường tìm

đồ vui thích, cúng dường mẹ nó, vì sao? Vì mẹ sanh nuôi chúng ta, chỉ bày cho chúng ta các sự nghiệp thế gian.

Như vậy, Tu bồ đề, Phật thường lấy Phật nhãn quán sát hộ niệm Bát nhã ba la mật thâm sâu, vì sao? Vì Bát nhã ba la mật thâm sâu ấy, hay chỉ bày thật tướng thế gian; mười phương hiện tại chư Phật cũng lấy Phật nhãn xem thấy Bát nhã ba la mật thâm sâu ấy, vì sao. Vì Bát nhã ba la mật thâm sâu ấy hay sanh ra chư Phật, hay cho chư Phật nhất thiết trí, hay chỉ bày thật tướng thế gian. Vì thế nên chư Phật thường lấy Phật nhãn xem Bát nhã ba la mật thâm sâu ấy.

Lại vì Bát nhã ba la mật hay sanh ra Thiền ba la mật, cho đếnThí ba la mật; hay sanh nội không cho đến vô pháp hữu pháp không; hay sanh bốn niệm xứ cho đến tám Thánh đạo phần, hay sanh mười lực cho đến trí nhất thiết chủng của Phật; Bát nhã ba la mật hay sanh Tu đà hoàn, Tư đà hàm, A na hàm, A la hán, Bích chi Phật, chư Phật.

Tu bồ đề, chư Phật đã được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nay được, sẽ được, đều do nhân duyên Bát nhã ba la mật thâm sâu nên được.

Tu bồ đề, nếu, thiện nam tử thiện nữ nhân cầu Phật đạo, mà chép kinh Bát nhã ba la mật thâm sâu, cho đến nhớ nghĩ đúng, chư Phật thường lấy Phật nhãn xem thấy người ấy.

Tu bồ đề, thiện nam tử thiện nữ nhân cầu Bồ tát đạo, được mười phương Phật thường thủ hộ, làm cho không thối thất Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Như Thế Tôn nói Bát nhã ba la mật hay sanh ra chư Phật, hay chỉ bày tướng thế gian. Bạch đức Thế Tôn, Bát nhã ba la mật làm sao hay sanh chư Phật, hay chỉ bày thật tướng thế gian? làm sao chư Phật từ Bát nhã ba la mật sanh ra? Làm sao chư Phật nói tướng thế gian?

Phật bảo Tu bồ đề: Từ trong Bát nhã ba la mật ấy sanh ra mười lực cho đến mười tám pháp không chung, trí nhất thiết chủng của chư Phật.

Tu bồ đề, do được các công đức ấy nên gọi là Phật, Bát nhã ba la mật thâm sâu hay sanh chư Phật; chư Phật nói năm uẩn là tướng thế gian.

Tu bồ đề thưa: Bạch đức Thế Tôn, trong Bát nhã ba la mật thâm sâu nói tướng năm uẩn thế nào? Trong Bát nhã ba la mật thâm sâu chỉ bày năm uẩn thế nào?

Tu bồ đề, trong Bát nhã ba la mật không nói, không chỉ bày năm uẩn có phá, có hoại, có sanh có diệt, có nhơ có sạch, có tăng có giảm, có vào có ra, không chỉ

bày qúa khứ, vị lai, hiện tại, vì sao? Vì tướng "không" không có phá không có hoại, tướng "vô tướng" không có phá không có hoại, tướng "vô tác" không có phá không có hoại. Chỉ bày như vậy. Pháp không khởi, pháp không sanh, pháp không có gì của chính nó, pháp tánh, không có tướng phá, không có tướng hoại. Chỉ bày như vậy.

Như vậy, Tu bồ đề, Phật nói trong Bát nhã ba la mật thâm sâu chỉ bày thật tướng thế gian.

* Lại nữa, Tu bồ đề! Chư Phật nhân nói Bát nhã ba la mật thâm sâu mà biết rõ tâm sở hành của vô lượng vô biên vô số chúng sanh.

Tu bồ đề! Trong Bát nhã ba la mật thâm sâu ấy không có chúng sanh, không có danh tự chúng sanh, không sắc không có danh tự sắc; không có thọ, tưởng, hành, thức; không có danh tự thọ, tưởng, hành, thức; không có mắt cho đến không có ý, không có cái biết của mắt cho đến cái biết của ý; không có cái xúc chạm của mắt cho đến cái xúc chạm của ý; cho đến không có trí nhất thiết chủng, không có danh tự trí nhất thiết chủng. Như vậy, Tu bồ đề, là Bát nhã ba la mật thâm sâu chỉ bày thật tướng thế gian.

Tu bồ đề, Bát nhã ba la mật thâm sâu ấy không chỉ bày sắc, không chỉ bày thọ, tưởng, hành, thức; cho đến không chỉ bày trí nhất thiết chủng, vì sao? Tu bồ đề, vì trong Bát nhã ba la mật thâm sâu còn không có Bát nhã ba la mật huống gì có sắc cho đến trí nhất thiết chủng.

* Lại nữa, Tu bồ đề, sở dĩ có danh tự số lượng chúng sanh, hoặc có sắc,hoặc không có sắc, hoặc có tưởng, hoặc không có tưởng, hoặc chẳng phải có tưởng chẳng phải không có tưởng. Hoặc ở thế giới này, hoặc khắp thế giới mười phương, các chúng sanh trong đó hoặc nhiếp tâm, hoặc loạn tâm, chư Phật đều biết đúng như thật nhiếp tâm, loạn tâm ấy.

Tu bồ đề, làm sao Phật biết tướng nhiếp tâm loạn tâm của chúng sanh? Do pháp tướng nên biết.

Dùng pháp tướng gì nên biết?

Tu bồ đề, trong pháp tướng ấy còn không có tướng pháp tướng, huống gì có nhiếp tâm loạn tâm. Tu bồ đề, do pháp tướng ấy, nên Phật biết chúng sanh nhiếp tâm loạn tâm.

* Lại nữa, Tu bồ đề, Phật biết chúng sanh nhiếp tâm loạn tâm, làm sao biết? Vì tướng tận nên biết, vì tướng không nhiễm ô nên biết, vì tướng tịch diệt nên biết, vì tướng đoạn trừ nên biết, vì tướng tịch tịnh nên biết, vì tướng xa lìa nên biết.

Như vậy, Tu bồ đề, Phật nhân nơi Bát nhã ba la mật thâm sâu nên biết chúng sanh nhiếp tâm loạn tâm.

* Lại nữa, Tu bồ đề, Phật nhân nơi Bát nhã ba la mật nên chúng sanh tâm ô nhiễm, như thật biết tâm ô nhiễm; tâm sân hận, tâm ngu si, như thật biết tâm sân hận; tâm ngu si.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn, làm sao Phật biết chúng sanh tâm ô nhiễm, như thật biết tâm ô nhiễm? Tâm sân hận, tâm ngu si, như thật biết tâm sân hận, tâm ngu si?

Phật bảo Tu bồ đề: Tướng như thật của tâm ô nhiễm thời không có tướng tâm ô nhiễm, vì sao? Vì trong tướng như thật, tâm và tâm số pháp (Tâm sở) không thể có được, huống gì có được tâm ô nhiễm, tâm không ô nhiễm!

Tu bồ đề, tướng như thật của tâm sân hận, tâm ngu si, thời không có tướng sân hận, tướng ngu si, vì sao? Vì trong tướng như thật, tâm và tâm số pháp còn không thể có được huống gì có được tâm sân hận tâm không sân hận, tâm ngu si tâm không ngu si.

Như vậy, Tu bồ đề! Phật do Bát nhã Bát nhã ba la mật, nên chúng sanh tâm ô nhiễm, như thật biết tâm ô nhiễm; tâm sân hận, tâm ngu si, như thật biết tâm sân hận tâm ngu si.

* Lại nữa, Tu bồ đề, Phật do Bát nhã ba la mật, nên chúng sanh tâm không ô nhiễm, như thật biết tâm không ô nhiễm; tâm không sân hận, tâm không ngu si, như thật biết tâm không sân hận không ngu si.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn, làm sao chúng sanh tâm không ô nhiễm, như thật biết tâm không ô nhiễm; tâm không sân hận, như thật biết tâm không sân hận; tâm không ngu si, như thật biết tâm không ngu si?

Phật bảo Tu bồ đề: Trong tướng tâm không ô nhiễm ấy, tướng nhiễm ô tướng không ô nhiễm không thể có được, vì sao? Tu bồ đề! Vì hai tâm không cùng có một lần.

Tu bồ đề, Phật do Bát nhã ba la mật, nên chúng sanh tâm không ô nhiễm, như thật biết tâm không ô nhiễm.

Tu bồ đề, trong tướng tâm không sân hận, tâm không ngu si ấy, tâm ngu si, tâm không ngu si không thể có được, vì sao? Vì sao hai tâm không cùng có một lần.

Như vậy, Tu bồ đề, Phật do Bát nhã ba la mật, nên chúng sanh tâm rộng lớn, như thật biết tâm rộng lớn.

* Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn, làm sao Phật do nơi Bát nhã ba la mật, nên chúng sanh ấy có tâm rộng lớn, như thật biết tâm rộng lớn?

Này Tu bồ đề, Phật biết tâm tướng của chúng sanh không rộng không hẹp, không tăng không giảm, không đến không đi; vì tâm tướng lìa, nên tâm ấy không rộng cho đến không đến không đi, vì sao? Vì tâm ấy không có tự tánh, vậy cái gì rộng cái gì hẹp, cho đến không đến không đi cũng như vậy.

Tu bồ đề, Phật do nơi Bát nhã ba la mật, nên chúng sanh có tâm rộng, như thật biết tâm rộng.

* Lại nữa, Tu bồ đề, Phật do Bát nhã ba la mật, nên chúng sanh có tâm lớn, như thật biết tâm lớn.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn, làm sao Phật do Bát nhã ba la mật, nên chúng sanh ấy có tâm lớn, như thật biết tâm lớn?

Phật bảo Tu bồ đề: Phật do Bát nhã ba la mật, không thấy tâm chúng sanh có tướng đến tướng đi, không thấy tâm chúng sanh có tướng sanh, tướng diệt, tướng trụ, tướng khác, vì sao? Vì các tâm ấy không có tự tánh; vậy cái gì đến, cái gì đi, cái gì sanh, diệt, trụ, dị?

Như vậy, Tu bồ đề, Phật do Bát nhã ba la mật nên chúng sanh ấy có tâm lớn, như thật biết tâm lớn.

* Lại nữa, Tu bồ đề, Phật do Bát nhã ba la mật nên chúng sanh có tâm vô lượng, như thật biết tâm vô lượng.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn, làm sao Phật do Bát nhã ba la mật, nên chúng sanh có tâm vô lượng, như thật biết tâm vô lượng?

Phật bảo Tu bồ đề: Phật do Bát nhã ba la mật nên biết tâm chúng sanh ấy, chẳng thấy trụ, chẳng thấy không trụ, vì sao? Vì tướng tâm vô lượng ấy, không có nơi nương dựa, vậy cái gì có chỗ trụ không trụ.

Như vậy, Tu bồ đề, Phật do Bát nhã ba la mật, nên chúng sanh có tâm vô lượng, như thật biết tâm vô lượng.

* Lại nữa, Tu bồ đề, Phật do Bát nhã ba la mật, nên tâm của chúng sanh không thể thấy, Phật như thật biết tâm không thể thấy.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn, làm sao Phật do bát nhã ba la mật, nên tâm của chúng sanh không thể thấy, Phật như thật biết tâm không thể thấy?

Phật bảo Tu bồ đề: Tâm chúng sanh là vô tướng, Phật như thật biết vô tướng, vì tự tướng "không" vậy.

* Lại nữa, Tu bồ đề, Phật biết năm mắt không thể thấy tâm chúng sanh.

Như vậy, Tu bồ đề, Phật do Bát nhã ba la mật, nên tâm của chúng sanh không thể thấy, Phật như thật biết tâm không thể thấy.

LUẬN: Ở trên nói mười phương chư Phật và đại Bồ tát ủng hộ người viết chép đọc tụng cho đến nhớ nghĩ đúng Bát nhã ba la mật, không để Ma tìm được thuận tiện. Thính giả ở trong hội chúng nghe việc ấy, suy nghĩ rằng: Chư Phật chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác tướng tịch diệt, đối với các pháp và chúng sanh không có yêu ghét, vậy cớ sao ủng hộ người viết chép, giữ gìn cho đến nhớ nghĩ đúng? Vì thế nên Phật bảo Tu bồ đề,để nói thí dụ như đứa con vì biết ân thủ hộ mẹ nó. Bát nhã là mẹ của mười phương chư Phật, nếu có ma v.v... chướng nạn, muốn phá hoại Bát nhã ba la mật, chư Phật tuy hành tướng tịch diệt, nhưng vì thương xót chúng sanh, vì biết ân, nên đem tâm từ bi thường niệm, dùng Phật nhãn thường thấy, mà thủ hộ người tu hành Bát nhã, khiến được tăng ích, không mất Phật đạo. Trong đây Phật nói nhân duyên: Các hiền thánh và pháp của hiền thánh đều từ trong Bát nhã sanh ra.

Hỏi: Tu bồ đề hỏi bốn việc, cớ sao Phật đáp thẳng ba việc, mà không nói chư Phật từ trong Bát nhã sanh ra?

Đáp: Bát nhã sanh ra chư Phật, chư Phật từ Bát nhã sanh, nghĩ a không khác.

Có người nói các pháp hòa hợp sanh ra Bát nhã ba la mật, Bát nhã ba la mật sanh ra chư Phật. Có người tu hành Bát nhã ba la mật và các hạnh khác mà được thành Phật. 1. Nói về tác giả, 2. nói về pháp. Hoặc nói cành gãy làm chết người, hoặc nói cây gãy làm chết người, hai việc ấy giống nhau, cho nên không đáp riêng. Hoặc Bát nhã ba la mật sanh ra chư Phật, tức là nói chư Phật từ Bát nhã sanh.

Hỏi: Như các kinh khác nói vì năm uẩn bị phá hoại nên gọi là thế gian, sao trong đây nói Bát nhã ba la mật giải bày năm uẩn, không có tướng phá hoại sanh diệt?

Đáp: Kia là việc Tiểu thừa, đây là pháp Đại thừa. Trong pháp Tiểu thừa phần nhiều nói vô thường, trong pháp Đại thừa phần nhiều nói pháp không. Trong pháp Tiểu thừa trước nói vô thường, sau nói pháp không, trong pháp Đại thừa mở đầu liền nói pháp không. Trong pháp Tiểu thừa nói vô thường làm chúng sanh sợ hãi, Đại thừa thời không như vậy, thế nên không có phá hoại, sanh diệt. Trong đây Phật tự nói nhân duyên: Không, vô tướng, vô tác, trọn không phá hoại. Trong Bát nhã ba la mật chỉ bày tướng thế gian như vậy.

* Lại nữa, năm uẩn gọi là chúng sanh thế gian, có hình sắc dễ biết, còn tâm và tâm số pháp vô hình khó biết, thế nên Phật nói với Tu bồ đề, tâm sở hành của vô lượng vô số chúng sanh Phật đều biết. Trong Bát nhã tuy không có chúng sanh và các pháp sắc cho đến trí nhất thiết chủng, song do lực phương tiện Bát nhã mà biết được tâm sở hành của chúng sanh, vì trong Bát nhã ba la mật rốt ráo không, nên không chỉ bày sắc pháp cho đến trí nhất thiết chủng. Trong đây Phật nói nhân duyên: trong Bát nhã ba la mật còn không có tướng Bát nhã, huống gì có sắc pháp v.v...

* Lại nữa, Bát nhã ba la mật chỉ bày tướng thế gian là tất cả chúng sanh hoặc sắc hoặc vô sắc. Sắc là chúng sanh ở cõi Dục cõi Sắc; Vô sắc là chúng sanh ở cõi Vô sắc, Hữu tưởng là trừ cõi trời Vô tưởng và cõi trời Phi Hữu tưởng Phi Vô tưởng, ngoài ra là hữu tưởng; vô tưởng là chúng sanh ở cõi trời vô tưởng; Phi hữu tưởng phi vô tưởng là chúng sanh ở cõi trời hữu đảnh.

Thế giới ở đây là thế giới ba ngàn đại thiên. Khắp cả mười phương là các vô lượng vô biên thế giới khác. Chúng sanh ba đời trong sáu đường tại các thế giới ấy nhiếp tâm hay loạn tâm, Phật đều biết rõ.

Tu bồ đề hỏi xong, tâm nghi ngờ quái lạ: Chư Phật thường ưa hành pháp "không" tịch tịnh, sao nay biết khắp vô thỉ vô biên chúng sanh nhiếp tâm loạn tâm? tâm Phật chỉ có một làm sao trong một lúc biết hết vô lượng tâm chúng sanh? Vì vậy nên hỏi Phật vì sao biết? Phật đáp: Do trí tuệ biết thật tướng các pháp nên biết chúng sanh nhiếp tâm, loạn tâm.

Tu bồ đề hỏi: Thế nào là thật tướng các pháp? Đáp: Đó là rốt ráo không. Rốt ráo không ấy, tánh rốt ráo không thể có được, huống gì nhiếp tâm loạn tâm.

Hỏi: Trong thật tướng các pháp rốt ráo không, không có phân biệt tâm và tâm số pháp, làm sao Phật biết được tâm ấy?

Đáp: Trong đây Phật tự nói: Tánh các pháp thật tướng cũng không thể có được, lấy trí tuệ ấy biết chúng sanh nhiếp tâm loạn tâm, vì sao? Vì nếu "tánh không' có thể có được, nên mới có nạn vấn, còn "tánh không" không thể có được làm sao nạn vấn, nay Phật đã vượt qua hết thảy pháp do ức tưởng phân biệt hư vọng, an trú nơi thật tướng, nên như thật biết tâm hết thảy chúng sanh, còn tâm chúng sanh vì trú trong pháp hư vọng, nên không thể như thật biết các chúng sanh khác. Trước lược nói biết tâm kẻ khác, sau phân biệt chúng sanh nhiếp tâm loạn tâm, gọi là tâm có ba độc, tâm không có ba độc, tâm rộng lớn vô lượng, không thể thấy ra vào co duỗi v.v...

Tu bồ đề hỏi từng việc, ban đầu đáp do thật tướng các pháp nên biết nhiếp tâm loạn tâm, kế đáp do tận, do không có ô nhiễm, do tịch diệt, đoạn tịch tịnh, ly tướng nên biết.

Tận là tuệ quán vô thường. Bồ tát tu hành tuệ tâm quán vô thuòng ấy, lìa bỏ *ô nhiễm* của thế gian; dùng thế gian đạo ngăn dứt kiết sử, nên gọi là *Diệt;* Dùng vô lậu đạo để dứt, nên gọi là *Đoạn;* đoạn các kiết sử xong, quán Niết bàn *tịch tịnh, lìa tướng*. Do nhân duyên ấy được thật tướng các pháp; do thật tướng các pháp, biết chúng sanh nhiếp tâm loạn tâm, đều là thật tướng.

* Lại nữa, tâm ấy niệm niệm sanh diệt, ở đời vị lai không có nên không thể biết, hiện tại niệm niệm diệt, không có lúc ngừng, nên không thể biết,người phàm phu thủ lấy tướng mà phân biệt, đối với ba đời, ức tưởng vọng thấy, cho là biết được tâm niệm.

Quán theo tận môn tức là rốt ráo không, rốt ráo không nên không đắm trước gì, khi ấy đắc đạo. Biết thật tướng các pháp, đối với các pháp không vọng tưởng phân biệt, thời như thật biết tâm người khác.

Tâm nhiễm ô là hết thảy pháp vào trong pháp tánh đều là thanh tịnh, thế nên nói trong thật tướng của tâm ô nhiễm không có tâm ô nhiễm, vì sao? Vì trong tánh như thật không có tâm, không có tâm số pháp huống gì có tâm ô nhiễm. Tâm sân hận, tâm ngu si cũng như vậy. Trong tướng tâm không có ô nhiễm, trong ấy không có tướng trạng tâm ô nhiễm. Tâm ô nhiễm từ xưa nay không có, nên cũng không có tâm chẳng ô nhiễm, tâm không ô nhiễm là tướng tịch diệt, không có phân biệt gì.

Trong đây Phật tự nói nhân duyên, Tu bồ đề, vì hai tâm không cùng có, theo pháp của chúng sanh, thời tâm tâm thứ lớp sanh, khi tâm không ô nhiễm thời tâm không ô nhiễm, vì sao? Vì tâm ô nhiễm quá khứ đã diệt, vị lai chưa có, hiện tại không có, thời không có tâm ô nhiễm. Tâm ô nhiễm không có nên cũng không có tâm chẳng ô nhiễm, vì pháp đối đãi không có. Thế nên trong thật tướng không ô nhiễm, không có tâm ô nhiễm, tâm chẳng ô nhiễm; không có tâm sân hận, không có tâm ngu si cũng như vậy. Tâm rộng hẹp thêm bớt đều là vì chúng sanh thủ tướng phân biệt. Phật không biết như vậy, vì sao? Vì tâm ấy không sắc không hình, không có trú xứ, niệm niệm diệt, thời không có rộng hẹp thêm bớt sai khác.

Trong đây Phật tự nói nhân duyên: Tánh và tướng của tâm không có, nên rộng hẹp v.v... không thể có được. Nghĩa của rộng, hẹp, thêm, bớt, lớn, nhỏ là như trong đoạn bốn tâm vô lượng đã nói.

Tâm vô lượng là tâm rộng tâm lớn tức là vô lượng. Lại duyên vô lượng chúng sanh nên gọi là vô lượng. Lại duyên pháp Niết bàn vô lượng nên gọi là vô lượng. Lại tâm tướng không thể chấp thủ, nên gọi là vô lượng. Như có mắt có sắc làm nhân duyên nên nhãn thức sanh, thức ấy không ở mắt, không ở sắc, không ở chặng giữa, không ở đây không ở kia, thế nên không có trú xứ. Nếu thật không có trú xứ thời làm sao có thể tạo tác gì, hoặc tốt hoặc xấu, như việc thấy trong mộng, không thể tìm tướng chắc thật nhất định của nó. Tâm cũng như vậy, không có chỗ nương tựa, nên không có tướng nhất định, nên gọi là vô lượng. Rộng và lớn cũng theo nghĩa mà phân biệt như vậy.

Hỏi: Nếu biết tâm không thể thấy, sao Phật nói như thật, biết tâm không thể thấy?

Đáp: Có người tọa thiền, ức tưởng phân biệt, thấy tâm ấy như sợi dây xâu trong hạt ngọc trong sạch, quán sát trong người với bộ xương trắng, thấy tâm thứ lớp nối nhau sanh, có khi thấy tâm ở nơi thân, có khi thấy tâm ở nơi cảnh, như ở vô biên thức xứ, chỉ thấy thức vô lượng vô biên, để phá các chỗ hư vọng như vậy, nên Phật nói như thật biết tâm chúng sanh, tâm chúng sanh tự tướng không, nên nó là tướng vô tướng.

* Lại nữa, Phật lấy năm mắt quán sát thấy tâm ấy không thể có được. Mắt thịt, mắt trời duyên sắc nên không thấy. Mắt tuệ duyên Niết bàn nên không thấy. Mắt pháp của kẻ sơ học, phân biệt biết các pháp lành chẳng lành, có phiền não không phiền não; mắt pháp ấy vào trong thật tướng thời không phân biệt, như

trước nói, hết thảy pháp không có kẻ biết, không có kẻ thấy, thế nên không thể thấy. Mắt Phật quán sát tướng tịch diệt nên không thể thấy. Phật thấy tâm chúng sanh là như thật thấy, chứ không như người phàm phu ức tưởng phân biệt thấy.

* Lại nữa, năm mắt do nhân duyên hòa hợp sanh, đều là pháp bị tạo tác, hư dối không thật. Phật không tin không dùng, thế nên không dùng năm mắt thấy.

(Hết cuốn 69 theo bản hán)

--o0o --

Cuốn 70

KINH: Lại nữa, Tu bồ đề Phật do Bát nhã ba la mật thâm sâu mà như thật biết tâm số của chúng sanh ra khỏi, chìm đắm, co duỗi.

Bạch đức Thế Tôn, làm thế nào Phật do Bát nhã ba la mật thâm sâu mà như thật biết tâm số của chúng sanh ra khỏi, chìm đắm, co duỗi.

Phật dạy: Tâm số của chúng sanh ra khỏi, chìm đắm, co duỗi v.v... đều nương nơi sắc, thọ, tưởng, hành, thức phát sanh. Tu bồ đề, Phật từ nơi đó biết tâm số của chúng sanh ra khỏi, chìm đắm, co duỗi, nghĩa là biết tâm số của chúng sanh chấp "thần ngã và thế gian thường là sự thật, ngoài ra là vọng ngữ" Kiến chấp ấy nương nơi sắc mà có; chấp "thần ngã và thế gian vô thường, là sự thật ngoài ra là vọng ngữ", kiến chấp ấy nương nơi sắc mà có; chấp "thần ngã" và thế gian cũng thường cũng vô thường là sự thật, ngoài ra là vọng ngữ" kiến chấp ấy nương nơi sắc mà có; chấp "thần ngã và thế gian chẳng phải thường chẳng phải vô thường là sự thật, ngoài ra là vọng ngữ" kiến chấp ấy nương nơi sắc mà có.

Chấp "thần ngã và thế gian thường là sự thật, ngoài ra là vọng ngữ" kiến chấp ấy nương nơi thọ mà có; chấp "thần ngã và thế gian vô thường là sự thật, ngoài ra là vọng ngữ:, kiến chấp ấy nương nơi thọ mà có; chấp "thần ngã và thế gian cũng thường cũng vô thường là sự thật, ngoài ra là vọng ngữ, kiến chấp ấy nương nơi thọ mà có; chấp "thần ngã và thế gian chẳng phải thường chẳng phải vô thường là sự thật, ngoài ra là vọng ngữ', kiến chấp ấy nương nơi thọ mà có.

Chấp "thần ngã và thế gian thường là sự thật, ngoài ra là vọng ngữ", kiến chấp ấy nương nơi tưởng mà có; chấp "thần ngã và thế gian vô thường là sự thật, ngoài ra là vọng ngữ", kiến chấp ấy nương nơi tưởng mà có; chấp "thần ngã thế gian cũng thường cũng vô thường là sự thật, ngoài ra là vọng ngữ", kiến chấp ấy nương nơi tưởng mà có; chấp "thần ngã và thế gian chẳng phải thường chẳng phải vô thường là sự thật, ngoài ra là vọng ngữ", kiến chấp ấy nương nơi tưởng mà có.

Chấp "thần ngã và thế gian thường là sự thật, ngoài ra là vọng ngữ", kiến chấp ấy nương nơi hành mà có; chấp "thần ngã và thế gian vô thường là sự thật, ngoài ra là vọng ngữ", kiến chấp ấy nương nơi hành mà có; chấp "thần ngã và thế gian cũng thường cũng vô thường là sự thật, ngoài ra là vọng ngữ", kiến chấp ấy nương nơi hành mà có; chấp "thần ngã và thế gian chẳng phải thường chẳng phải vô thường là sự thật, ngoài ra là vọng ngữ'. kiến chấp ấy nương nơi hành mà có.

Chấp "thần ngã và thế gian thường là sự thật, ngoài ra là vọng ngữ", kiến chấp ấy nương nơi thức mà có; chấp "thần ngã và thế gian vô thường là sự thật, ngoài ra là vọng ngữ", kiến chấp ấy nương nơi thức mà có; chấp "thần ngã cũng thường cũng vô thường là sự thật, ngoài ra là vọng ngữ', kiến chấp ấy nương nơi thức mà có; chấp "thần ngã và thế gian chẳng phải thường chẳng phải vô thường là sự thật, ngoài ra là vọng ngữ", kiến chấp ấy nương nơi thức mà có.

Chấp "thế gian hữu biên là sự thật, ngoài ra là vọng ngữ", kiến chấp ấy nương nơi sắc mà có; chấp "thế gian vô biên là sự thật, ngoài ra là vọng ngữ", kiến chấp ấy nương nơi sắc mà có; chấp "thế gian hữu biên vô biên là sự thật, ngoài ra là vọng ngữ", kiến chấp ấy nương nơi sắc mà có; chấp "thế gian chẳng phải hữu biên chẳng phải vô biên là sự thật, ngoài ra là vọng ngữ", kiến chấp ấy nương nơi sắc mà có. Nương thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy.

Chấp "thần ngã chính là thân", kiến chấp ấy nương nơi sắc mà có; chấp thần ngã khác, thân khác, kiến chấp ấy nương nơi sắc mà có. Nương nơi thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy.

Chấp"sau khi chết còn có như khứ là sự thật, ngoài ra là vọng ngữ", kiến chấp ấy nương nơi sắc mà có; chấp "sau khi chết không còn có như khứ là sự thật, ngoài ra là vọng ngữ", kiến chấp ấy nương nơi sắc mà có; chấp "sau khi chết hoặc có như khứ hoặc không có như khứ, là sự thật, ngoài ra là vọng ngữ", kiến chấp ấy nương nơi ắc mà có; chấp "sau khi chết chẳng phải có như khứ chảng phải không có như khứ là sự thật, ngoài ra là vọng ngữ", kiến chấp ấy nương nơi sắc mà có. Nương nơi thọ, tưởng, hành, thức, cũng như vậy.

Như vậy, Tu bồ đề, Phật do Bát nhã ba la mật thâm sâu mà như thật biết tâm số chúng sanh ra khỏi, chìm đắm, co duỗi.

* Lại nữa, Tu bồ đề, Phật biết tướng săc, biết tướng sắc thế nào? Là như như, như như chẳng hoại, không phân biệt, không có tướng, không có ức tưởng, không có hý luận, không có đắc, tướng sắc cũng như vậy.

Tu bồ đề, Phật biết tướng thọ, tưởng, hành, thức thế nào? Là như như, như như chẳng hoại, không phân biệt, không có tướng, không có ức tưởng, không có hý luận, không có đắc; tướng thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy.

Như vậy, Tu bồ đề, Phật biết tướng như như của chúng sanh và tướng như như của tâm số ra khỏi, chìm đắm, co duỗi. Tướng như của năm uẩn, tướng như của các hành tức là tướng như của hết thảy pháp.

Những gì là tướng như của hết thảy pháp? Đó là sáu Ba la mật tướng như; sáu Ba la mật tướng như tức là ba mươi bảy phẩm tướng như; ba mươi bảy phẩm tướng như tức là "mười tám không" tướng như; "mười tám không" tướng như tức là tám bội xả tướng như; tám bội xả tướng như tức là chín định thứ đệ tướng như; chín định thứ đệ tướng như tức là Phật mười lực tướng như; Phật mười lực tướng như tức là bốn điều không sợ, bốn biện giải vô ngại, đại từ đại bi cho đến mười tám pháp không chung tướng như; mười tám pháp không chung tướng như tức là trí Nhất thiết chủng tướng như; trí Nhất thiết chủng tướng như tức là pháp thiện pháp bất thiện, pháp thế gian pháp xuất thế gian, pháp hữu lậu pháp vô lậu tướng như ; pháp hữu lậu pháp vô lậu tướng như tức là các pháp quá khứ, vị lai, hiện tại tướng như; các pháp quá khứ, vị lai, hiện tại tướng như tức là pháp hữu vi pháp vô vi tướng như; pháp hữu vi pháp vô vi tướng như tức là quả vị Tu đà hoàn tướng như; quả Tu đà hoàn tướng như tức là quả vị Tư đà hàm tướng như; quả vị Tư dà hàm tướng như tức là quả vị A na hàm tướng như; quả vị A na hàm tướng như tức là quả vị A la hán tướng như; quả vị A la hán tướng như tức là đạo Bích chi Phật tướng như; đạo Bích chi Phật tướng như tức là Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề tướng như; Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề tướng như tức là chư Phật tướng như; chư Phật tướng như đều là tướng nhất như, chẳng hai chẳng khác, chẳng tận chẳng hoại, ấy gọi là tướng như của hết thảy các pháp. Phật do Bát nhã ba la mật biết được tướng như ấy. Do nhân duyên ấy nên Bát nhã ba la mật hay sanh ra chư Phật, hay chỉ thị tướng thế gian.

Như vậy, Tu bồ đề, Phật biết hết thảy pháp tướng như, không phải tướng chẳng như, tướng chẳng khác. Vì được tướng như ấy nên Phật gọi là Như lai.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn, tướng như của các pháp ấy, không phải tướng chẳng như, tướng chẳng khác, rất sâu xa. Bạch đức Thế Tôn, chư Phật dùng như ấy mà vì người nói Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Bạch đức Thế Tôn, ai hay tin hiểu điều ấy? Chỉ có Bồ tát đã đến địa vị bất thối và người đầy đủ chánh kiến và A la hán đã hết sạch các lậu hoặc, vì sao ? Vì pháp ấy rất sâu xa.

Tu bồ đề, như ấy tướng không cùng tận nên rất sâu xa.

Tu bồ đề thưa: Pháp gì tướng không cùng tận nên rất sâu xa? Phật dạy: Hết thảy pháp không cùng tận. Như vậy, tu bồ đề, Phật biết được hết thảy pháp ấy rồi mà thuyết pháp cho chúng sanh.

LUẬN: Phật biết hết sở tác sở hành của tất cả chúng sanh, biết sáu mươi hai tà kiến, chín mươi tám kiết sử phiền não, thế nên nói Phật biết tâm tâm số pháp của chúng sanh ra khỏi, chìm đắm, co duỗi. Người tại gia bị các phiền não ái nhiễm nhận chìm, nên gọi là chìm, người xuất gia lìa chín mươi sáu thứ tà kiến gọi là ra khỏi. Lại thường đắm cái vui ở đời gọi là chìm, hoặc biết nó vô thường mà sợ sệt cầu đạo gọi là ra khỏi. Lại lãnh thọ chín mươi sáu tà đạo không thể cầu chánh đạo trở lại chìm vào thế gian, gọi là chìm, co là không lìa khỏi cõi dục, duỗi là lìa khỏi cõi Dục. Lìa không lìa cõi Sắc cũng như vậy. Như ngươì đứng trên ao nước trong, trông thấy cá, có con thường ở trong nước, có con tạm nhảy ra rồi trở lại lặn xuống, có con ra khỏi nhìn bốn phương, có con ra khỏi muốn lội qua gần bờ trở lại lặn xuống. Phật cũng như vậy, lấy Phật nhãn nhìn chúng sanh trong mười phương sáu đường, có kẻ thường đắm năm dục, bị phiền não che tâm, không cầu ra khỏi; có kẻ tâm tốt hay bố thí, trì giới mà vi tà kiến nghi hoặc che tâm nên trở lại chìm đắm; có kẻ ra khỏi năm dục, quán bốn chân lý vi diệu, đạt được noãn pháp, nhưng chưa đạt được thật pháp nên trở lại chìm đắm; có người lìa dục chứng được Sơ thiền cho đến Vô sở hữu xứ định, vì chẳng đặng Niết bàn nên trở lại chìm đắm.

Thế nào là tướng ra khỏi, chìm đắm, co duỗi? Trong đây Phật nói đó là chấp thần ngã và thế gian thường. Thần ngã là người phàm phu ức tưởng phân biệt theo tâm chấp ngã thủ tướng nên chấp có thần ngã. Ngoại đạo nói thần ngã có hai thứ là thường và vô thường. Nếu người chấp thần ngã thường, thì thường tu phước đức, để sau thọ quả báo; hoặc do hành đạo mà thần ngã được giải thoát. Nếu người chấp thần ngã vô thường thì vì danh lợi hiện đời nên có tạo tác. Chấp thường vô thường là có người cho thần ngã có hai thứ: 1. Vi tế thường trú. 2. Hiện có tạo tác. Hiện có tạo tác là thân này khi chết vô thường nhưng thần ngã vi tế là thường. Có người nói thần ngã chẳng phải thường chẳng phải vô thường, thường hay vô thường đều có lỗi. Nếu thần ngã vô thường tức không có tội phước, vì sao? Vì nếu thường thời khổ vui không đổi khác, thí như hư không , mưa không làm ướt, gió nắng không làm khô; nếu vô thường thì khổ vui biến đổi, thí như gió mưa, đối với da trâu thì làm cho hư nát. Vì tâm chấp ngã nên nói chắc có thần ngã, nhưng chẳng phải thường chẳng phải vô thường.

Phật nói bốn thứ tà kiến; đều duyên nơi năm uẩn, chỉ vì nơi năm uẩn lầm chấp là thần ngã.

Thần ngã và thế gian là: Thế gian có ba thứ: 1. thế gian năm uẩn. 2. Thế gian chúng sanh. 3. Thế gian quốc độ. Trong đây nói hai thứ thế gian là thế gian năm

uẩn và thế gian quốc độ; thế gian chúng sanh tức là thần ngã. Đối nơi tướng thế gian cũng có bốn thứ tà kiến.

Hỏi: Thần ngã thì từ xưa lại đây không có, nên chấp là sai, còn thế gian là có, cớ sao lại đồng với tà kiến chấp có thần ngã?

Đáp: Chỉ phá cái chấp tướng thường vô thường đối với thế gian, chứ không phá thế gian, thí như người không có mắt cầm rắn mà cho là anh lạc, còn người có mắt thì cho là rắn, chẳng phải anh lạc. Phật phá cái điên đảo chấp thế gian thường, mà không phá thế gian, vì sao? Vì hiện thấy thế gian vô thường. Nhưng cũng không được nói vô thường vì tội phước chẳng mất; vì quá khứ đã có tạo tác, nói thường hay nói vô thường, cả hai đều lỗi; còn nói chẳng phải vô thường, cũng có lỗi vì đắm trước thế gian.

Thế gian hữu biên là có người tìm nguồn gốc thế gian, không thấy chỗ bắt đầu của nó, không có bắt đầu, thời cũng không có khoảng giữa, khoảng sau. Nếu không bắt đầu, khoảng giữa, khoảng sau thời không có thế gian; thế nên thế gian lý đáng phải có bắt đầu, tức là hữu biên. Người chứng được thiền định nhờ trí biết kiếp trước, thấy được việc trong tám vạn kiếp trước, quá nữa thì không biết; chỉ thấy thức trung ấm bắt đầu của thân này, mà tự suy nghĩ: Thức này không thể không có nhân không có duyên; chắc phải có nhân duyên. Mà trí biết kiếp trước không thể biết, chỉ ức tưởng phân biệt, có một pháp gọi là "thế tánh", chẳng phải năm thức biết được, vì nó quá vi tế. Từ trong "thế tánh" đầu tiên sanh ra "giác", giác tức là "thức trung ấm". Từ giác sanh "ngã", từ ngã sanh "năm thứ vi trần" là sắc, tiếng, mùi, vị xúc. Từ vi trần tiếng sanh "hư không đại", từ vi trần tiếng và xúc sanh ra "phong đại", từ vi trần sắc tiếng và xúc sanh ra "hỏa đại", từ vi trần sắc, tiếng, mùi, vị, xúc sanh "thủy đại", từ vi trần sắc tiếng mùi, vị, xúc sanh "địa đại". Từ không sanh nhĩ căn, từ gió sanh thân căn, từ lửa sanh nhãn căn, từ nước sanh thiệt căn, từ đất sanh tỷ căn, như vậy dần dần từ tế đến thô.

Thế tánh là từ thế tánh đi đến thô, từ thô chuyển đến tế, trở lại thế tánh; thí như trong cục bùn có các tánh cách cái bình cái chậu v.v... Lấy bùn làm bình, phá bình làm chậu, như vậy chuyển biến mãi không mất; thế tánh cũng như vậy. Chuyển biến làm thô, thế tánh là pháp thường, không từ đâu đến, như trong kinh Tăng Khư (Samkya, Số luận) nói rộng thế tánh này.

Lại có người nói: Biên tế bắt đầu của thế gian là vi trần, là cực vi, vi trần là pháp thường hằng không thể phá, không thể đốt, không thể nát, không thể hoại, vì là

rất nhỏ, chỉ đợi nhân duyên của tội phước nên hoà hợp mà có thân; hoặc thân trời hoặc thân địa ngục v.v... vì không có cha mẹ; nhân duyên của tội phước hết thời tan rã.

Có người cho "tự nhiên" là khởi nguyên thế giới, giàu nghèo, sanh hèn, chẳng phải do mong ước, tạo tác mà được.

Có người nói: Chúa Trời là khởi nguyên thế giới, tạo tác tốt xấu hoạ phước, trời đất muôn vật, các pháp ấy khi tiêu diệt, Trời trở lại thu nhiếp lấy. Chấp các nguyên nhân tà vạy như vậy cho là biên tế thế giới.

Có người nói: Khi chúng sanh đời đời chịu vui hết, tự đi đến biên tế, thí như đứng trên núi quăng cuốn chỉ, chỉ hết tự ngừng. Thọ tội thọ phước, đều qui về cùng tận. Tinh tấn hay biếng nhác không khác.

Có người nói: Thế gian quốc độ tám phương đều có bờ mé, chỉ phía trên và dưới không có bờ mé.

Có người nói: Phía dưới đến mười tám địa ngục, phía trên đến cõi trời Hữu Đảnh, trên dưới có bờ mé, còn tám phương không có bờ mé, còn tám phương không có bờ mé. Như vậy các thuyết về thế giới *hữu biên.*

Có người nói: Chúng sanh và thế giới có ngằn mé, như nói thần ngã ở trong thân thể, nhỏ như hạt cải, hoặc như trái táo, hoặc mật tấc, người lớn thì thần ngã lớn, người nhỏ thì thần ngã nhỏ, cho thần ngã la một phần pháp sắc, nên nói thần ngã có biên.

Vô biên là, có người nói: Thần ngã biến khắp hư không, không chỗ nào không có, gặp chỗ có thân thì có cảm giác khổ vui, thế nên gọi thần ngã vô biên.

Có người nói: Quốc độ thế gian vô thỉ, nếu có thỉ thời không có nhân duyên, lúc sau cũng thường thọ thân không cùng tận, thế thời phá hoại Niết bàn. Thế gọi là vô biên.

* Lại nữa, nói thế gian quốc độ, mười phương không có biên tế. Như vậy là các thuyết nói thần ngã thế gian, quốc độ thế gian vô biên.

Hữu biên vô biên là, có người nói: Thần ngã thế gian vô biên, còn quốc độ thế gian hữu biên. Hoặc nói thần ngã thế gian hữu biên còn quốc độ thế gian vô biên, vì như trên nói thần ngã là sắc pháp. Hoặc nói trên dưới hữu biên, tám phương vô biên, Tóm hai pháp trên gọi là hữu biên vô biên.

Thế gian chẳng phải hữu biên chẳng phải vô biên là, có người thấy thế gian hữu biên, có lỗi, vô biên cũng có lỗi, nên chẳng nói hữu biên, chẳng nói vô biên, chấp chẳng phải hữu biên chẳng phải vô biên là thật tánh thế gian.

Thần ngã tức là thân là, có người nói thân này tức là thần ngã, vì sao? Vì phân tích thân này tìm thần ngã không thể có được.

* Lại nữa, thọ khổ vui tốt xấu đều là thân này, thế nên nói thân tức là thần ngã.

Thân khác thần ngã khác là, có người nói thần ngã vi tế, năm thức không thể biết được, cũng không phải hàng phàm phu thấy được, người nhiếp tâm thanh tịnh, được thiền định mới có thể thấy được. Thế nên nói thân khác thần ngã khác.

* Lại nữa, nếu thân tức là thần ngã, thân diệt thần ngã cũng diệt, ấy là tà kiến, còn nói thân khác thần ngã khác, thân diệt thần ngã thường trú, ấy là biên kiến.

Sau khi chết còn có như khứ là:

Hỏi: Trên kia nói thường vô thường v.v... tức đã nói đời sau hoặc có hoặc không, sao nay lại còn phân biệt như khứ thành bốn câu?

Đáp: Trên nói chung hết thảy thế gian thường vô thường, còn việc đời sau có hay không cần phải nói riêng.

Như khứ là, như người đến sanh nơi đây, đi đến đời sau cũng như thế.

Có người nói đời trước không từ đâu đến, diệt cũng chẳng đi đâu.

Có người nói: Thân và thần ngã hòa hợp làm người, sau khi chết thần ngã đi thân không đi, ấy gọi là như khứ chẳng như khứ.

Chẳng phải có như khứ chẳng phải không như khứ là thấy đi không đi đều có lỗi, nên nói chẳng phải đi chẳng phải không đi. Người ấy không thể bỏ cái chấp có thần ngã, nhưng chấp thần ngã chẳng phải đi chẳng phải không đi.

Các phiền não tà kiến như trên, gọi là tướng tâm số ra khỏi, chìm đắm, co duỗi, vì sao? Vì người tà kiến với nhiều đường lối cầu ra khỏi không được, nên muốn ra mà vẫn chìm. Sức tà kiến nhiều khó giải thoát, cho nên nói mười bốn việc tà kiến, là chấp thế gian thường vô thường v.v...

Ngoại đạo tuy mỗi mỗi ức tưởng phân biệt, Phật nói đều duyên nơi năm uẩn, nương tựa năm uẩn không có thần ngã, không thường hằng. Phật biết năm uẩn

trống không, không có tướng trạng, không có tạo tác, không có hý luận. Chỉ biết năm uẩn như như, không như chỗ thấy giả dối điên đảo của hàng phàm phu. Giống như năm uẩn như như, hết thảy pháp như như cũng như vậy, vì sao? Vì hai pháp thâu nhiếp hết thảy pháp, đó là pháp hữu vi và pháp vô vi. Năm uẩn là pháp hữu vi, năm uẩn như như tức là pháp vô vi. Quán sát, trù lượng, tư duy năm uẩn có thể thực hành sáu Ba la mật, thế nên nói năm uẩn như tức là hết thảy pháp như; hết thảy pháp như tức là sáu Ba la mật như. Bồ tát thực hành sáu Ba la mật cầu thật đạo, quán năm uẩn vô thường, không, phát sanh ba mươi bảy phẩm, tám bội xả, chín định thứ đệ, ấy là đạo Thanh văn, khi biết rồi đi thẳng qua, tiếp thực hành mười tám không, mười lực, các Phật pháp, đều do chánh quán sát năm uẩn, năm uẩn như, không phân biệt, nên đều là hết thảy pháp như. Thế nên nói thiện pháp như tức là bất thiện pháp như, bất thiện pháp như tức là thiện pháp như. Pháp thế gian xuất thế gian cũng như vậy. Thế nên hành giả không đươc đắm trước thiện pháp, cho đến Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Tướng Phật như cũng như vậy, đều là tướng nhất như, không hai không khác, vì sao? Vì tìm thật tướng của chư pháp, đi đến rốt ráo không, không còn dị biệt.

Các pháp như như cũng như vậy, Phật do Bát nhã ba la mật mà chứng được, thế nên nói Bát nhã ba la mật hay sanh ra chư Phật, hay chỉ thị tướng thế gian.

Tu bồ đề tán thán là chưa từng có, bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn, lý hết thảy pháp như rất sâu xa, tùy thuận chẳng trái nhau, ba đời mười phương chư Phật như tức là các pháp như, hiểu các pháp như ấy nên vì chúng sanh mỗi mỗi thuyết pháp là thậm thâm như, khó hiểu khó tin, vị Bồ tát ở địa vị bất thối vào pháp vị, được thọ ký mới có thể tin. Người đầy đủ chánh kiến là ba bậc Đạo nhân (Tu đà hoàn, Tư đà hàm, A na hàm) và A la hán sạch hết lậu hoạc không thọ nhận pháp gì nên có thể tin. Hạng người có lòng tin đã gần địa vị bất thối cho nên không nói riêng.

Phật bảo Tu bồ đề: Hết thảy pháp vô tận nên "như " ấy vô tận, "như " vô tận, nên người được Thánh đạo có thể tin, trong pháp vô vi có sai biệt nên có các đạo Tu đà hoàn nghe pháp tự mình chứng được nên có thể tin, còn người phàm phu đắm vào pháp điên đảo hư dối, nên không thể tin.

Phật bảo Tu bồ đề: Chư Phật được "các pháp như " ấy nên gọi là Như Lai, gọi là bậc Nhất thiết trí, hay cứu độ chúng sanh khiến đi đến Niết bàn.

GIẢI THÍCH: PHẨM VẤN TƯỚNG THỨ 49

(Kinh Đại Bát Nhã ghi: Phẩm Thị Tướng thứ 47).

KINH: Bấy giờ Thiên tử cõi Dục, Thiên tử cõi Sắc có trong ba ngàn đại thiên thế giới, từ xa rãi hoa hương, đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, rồi đứng ở một bên, bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn, Bát nhã ba la mật sâu xa được nói đến. Thế nào là tướng Bát nhã ba la mật sâu xa?

Phật bảo các Thiên tử cõi Dục cõi Sắc: này các Thiên tử, tướng không là là tướng Bát nhã ba la mật, không tướng trạng, không tạo tác, không khởi, không sanh, không diệt, không nhơ, không sạch, không có pháp gì, không tướng trạng, tướng hư không không nương tựa, là tướng Bát nhã ba la mật. Này các Thiên tử, các tướng như vậy là tướng Bát nhã ba la mật sâu xa, Phật vì chúng sanh mà dùng pháp thế gian nên nói, chứ không phải theo đệ nhất nghĩa.

Này các Thiên tử, các tướng ấy, tất cả thế gian trời, người, A tu la không thể phá hoại, vì sao? Vì tất cả thế gian trời, người, A tu la cũng là tướng ấy. Này các Thiên tử, tướng không thể phá tướng, tướng không thể biết tướng, tướng không thể biết vô tướng, vô tướng không thể biết tướng. Tướng vô tướng ấy, tướng vô tướng đều không có gì của chính nó, nghĩa là biết, người biết, pháp bị biết, đều không thể có được, vì sao? Này các Thiên tử, vì các tướng ấy chẳng phải sắc làm ra; chẳng phải thọ, tưởng, hành, thức làm ra, chẳng phải Thí ba la mật làm ra; chẳng phải Giới ba la mật, Nhẫn ba la mật, Tấn ba la mật, Thiền ba la mật, Bát nhã ba la mật làm ra; chẳng phải nội không làm ra; chẳng phải ngoại không làm ra; chẳng phải nội ngoại không làm ra; chẳng phải vô pháp không làm ra; chẳng phải hữu pháp không làm ra; chẳng phải vô pháp hữu pháp không làm ra; chẳng phải bốn niệm xứ làm ra; cho đến chẳng phải Nhất thiết trí làm ra.

Này các Thiên tử, các tướng ấy chẳng phải sở hữu của người, của phi nhân, chẳng phải thế gian chẳng phải xuất thế gian, chẳng phải hữu lậu, chẳng phải vô lậu, chẳng phải hữu vi, chẳng phải vô vi.

Phật lại bảo các Thiên tử: Thí như có người hỏi thế nào là tướng hư không, người ấy hỏi có chính đáng không?

Các Thiên tử thưa: Bạch đức thế Tôn, câu hỏi ấy không có chính đáng, vì sao? Bạch đức Thế Tôn, vì hư không , không có tướng trạng để có thể nói, hư không không có tác vi, không sanh khởi.

Phật bảo các Thiên tử: Dù có Phật không có Phật ra đời, tướng tánh vẫn thường trú, Phật chứng được tướng tánh như thật, nên gọi là Như Lai.

Các Thiên tử bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn, Thế Tôn chứng đắc các tướng tánh rất sâu xa, được tướng ấy nên được trí vô ngại. Trú trong thật tướng ấy, lấy Bát nhã ba la mật, tập hợp tự tướng pháp.

Các Thiên Tử thưa: Hiếm có, Bạch đức Thế Tôn, Bát nhã ba la mật sâu xa là chỗ thường sở hành của chư Phật, hành đạo ấy chứng được Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề rồi, thông đạt hết thảy pháp tướng, hoặc sắc tướng; hoặc thọ, tưởng, hành, thức tướng, cho đến Nhất thiết trí tướng.

Phật dạy: Như vậy, như vậy! Các Thiên tử, Tướng não hoại là tướng của sắc, Phật được vô tướng ấy. Cảm giác là tướng của thọ, thủ tướng là tướng của tưởng, khởi lamø là tướng của hành, nhận biết là tướng của thức, Phật được vô tướng ấy. Hay xả bỏ là tướng của Thí, không nhiệt não là tướng của Giới, không biến khác là tướng của Nhẫn, không thể khuất phục là tướng của Tấn, nhiếp tâm là tướng của Thiền, xả lìa là tướng của Bát nhã; Phạt được vô tướng ấy. Tâm không bị nhiễu loạn bức não là tướng của bốn thiền, bốn vô lượng tâm, bốn định vô sắc, Phật được vô tướng ấy.

Xuất thế gian là tướng của ba mươi bảy đạo phẩm, Phật được vô tướng ấy. Khổ là tướng của vô tác giải thoát môn, lìa là tướng của không giải thoát môn, tịch diệt là tướng của vô tướng giải thoát môn, Phật được vô tướng ấy. Thắng là tướng của mười lực, không sợ hãi là tướng của vô sở úy, khắp biết là tướng của trí vô ngại, các người khác không có được là tướng của mười tám pháp không chung, Phật được vô tướng ấy.

Thương nghĩ chúng sanh là tướng của đại từ đại bi, chơn thật là tướng của không sai lầm, không chấp thủ là tướng của thường buông xả, hiện biết rõ ràng là tướng của trí Nhất thiết chủng, Phật được vô tướng ấy.

Như vậy, các Thiên tử, Phật chứng được hết thảy pháp vô tướng, do nhân duyên ấy, nên Phật được gọi là trí vô ngại.

LUẬN: Hỏi: Trên kia nơi nơi đã nói không, vô tướng, vô tác, không khởi, không có gì là tướng của Bát nhã, sao nay các Thiên tử còn hỏi thế nào là tướng Bát nhã?

Đáp: Phật tuy nơi nơi nói Bát nhã ba la mật, hoặc nói không, hoặc nói có, hoặc nói quả báo, hoặc nói tội phước, không nhất định, vì vậy nên nay hỏi thế nào nhất định là tướng Bát nhã.

* Lại nữa, Bát nhã ba la mật ấy như huyễn như hóa, như tuồng có thể nắm được, mà không có tướng nhất định có thể chấp thủ, chỉ chư Phật mới biết đúng đắn cùng khắp tướng ấy, chư thiên tuy có trí lanh lợi, mà không thể liễu tri cho nên hỏi.

* Lại nữa, có người nói: Các Thiên tử ấy có người đến sau, không kịp nghe nên hỏi.

Phật đáp với các Thiên tử: Không là tướng của Bát nhã ba la mật. Tướng không là trong ngoài không v.v... Nếu các pháp không tức là không có các tướng trai gái, dài ngắn, tốt xấu v.v... ấy gọi là tướng không có tướng. Nếu đã không, vô tướng thời không còn sanh tâm mong ước đắm trước thân đời sau, ấy gọi là tướng vô tác.

Ba môn giải thoát là tướng bắt đầu đi vào Bát nhã, ba thừa chung có, chẳng sanh, chẳng diệt, chẳng nhơ chẳng sạch, như hư không không nơi nương tựa v.v... là tướng sâu xa của Bát nhã ba la mật.

Vô tướng ở trong ba môn giải thoát trên kia, là không có tướng trai gái, dài ngắn, tốt xấu v.v... bên ngoài; còn tướng vô tướng dưới là không có tướng hết thảy pháp. "Không" tuy là một, nhưng căn tánh con người có lợi độn, nên vào Bát nhã có sâu cạn, nên nói "Không" có sai biệt, không có hý luận, rằng sanh rằng diệt v.v... như trước nói.

Phật biết các Thiên tử chắc chắn có ý nghĩ rằng: "Nếu Bát nhã ba la mật là không, không có gì, như tướng hư không, thời làm sao có thể nói, nếu nói tức là có tướng" chư Thiên tử vì thấy oai đức Phật lớn quá, không dám nạn hỏi, cho nên Phật tự nói cho họ. Phật thương chúng sanh, theo nghĩa thế đế nên nói các tướng không, chứ không theo đệ Nhất nghĩa đế. Nếu dùng đệ Nhất nghĩa đế thì nên nạn, còn nói theo thế đế thời không nên nạn.

* Lại nữa, tuy nói không, không do có tâm chấp trước thủ tướng, không chỉ pháp hoặc phải hoặc trái, mà do hết thảy pháp đồng một tướng, không phân biệt, thế nên lại nói rõ ràng, nghĩa là không có gì như tướng hư không. Không có pháp nào không nhập vào tướng ấy, thế nên nói hết thảy thế gian không thể phá hoại, vì sao? Vì hết thảy thế gian người, trời, A tu la chính là tướng ấy. Nếu pháp sai

khác trái nhau thời có thể phá hoại, như nước hay diệt lửa, lửa không thể diệt lửa, miệng nói đúng như sự thật mà muốn phá, trọn không phá được, huống gì nói không đúng như thật, thí như người mù đạp vàng ngọc miệng nói không phải vàng ngọc, trọn không thể làm cho nó chẳng phải vàng ngọc.

Trong đây Phật còn nói: Bát nhã ba la mật rốt ráo không, vô tướng, nên tướng không thể phá tướng.

* Lại nữa, có người nói:*Tướng không thể phá tướng* là có pháp phân tán được, còn các pháp hòa hợp, trọn không bị phá, không bị mất, như búa chẻ củi, phân tán ra từng phần, nhưng trọn không bị tiêu mất.

* Lại nữa, các pháp không có tướng nhất định, như cây do rễ, cành, cọng, lá, hợp lại gọi là cây, cây không có tướng nhất định, nên không bị phá. Như vậy gọi là tướng không thể phá tướng.

Hỏi: Các pháp sắc v.v... chẳng phải có tri giác, có thể không biết nhau, còn tâm số pháp là tướng tri giác làm sao không biết?

Đáp: Trong đây nói thật tướng; nên không nói đến cái biết hư vọng của phàm phu, trí tuệ phàm phu ấy vì là pháp hữu vi, nhân duyên hòa hợp sanh, là pháp hư vọng, không thể có cái biết đúng thật, thế nên xả bỏ vào Vô dư niết bàn. Nếu trí tuệ biết thường vô thường cho đến không, tịch diệt v.v... thì như trên đã rộng phá. Diệt không có gì, nếu như vậy làm sao sẽ có biết. Thế nên *Tướng không biết tướng.*

Tướng không thể biết vô tướng là bên trong tuy có trí tuệ, bên ngoài không không có pháp để có thể biết, bên ngoài không có cảnh duyên thì làm sao trí tuệ phát sanh? thế nên nói tướng không thể biết vô tướng, thí như dao bén không thể cắt hư không.

Vô tướng không thể biết tướng là có người nói: Bên trong trí tuệ không có định tướng, bên ngoài pháp sở duyên có định tướng, tâm theo duyên phát sanh, thế nên nói vô tướng không nên biết tướng, thí như không có dao, tuy có vật mà không có dao cắt.

Tướng ấy, vô tướng ấy, tướng vô tướng đều không thể có được là tướng không vào tướng, vì sao? Vì trước đã có tướng. Tướng không vào vô tướng, vì sao? Vì tướng không có chỗ vào; lìa tướng vô tướng ấy, lại không có chỗ có thể vào.

* Lại nữa, vì tướng và sở tướng không nhất định, nhơn sở tướng nên có tướng, vì sao? Vì nếu trước có tướng, mà không có sở tướng thời không có tướng, vì không có sở nhân; nếu trước có sở tướng mà không có tướng, thời làm sao có sở tướng, vì không có sở nhân đối đãi (tướng như cứng, sở tướng như đất, có tướng (cứng) mới có sở tướng (đất) có sở tướng m?i có tướng; nếu không có tướng thì không có sở tướng, không có sở tướng thì không có tướng - N.D).

* Lại nữa, tướng vì sở tướng bất định, nên tướng có khi làm sở tướng, sở tướng có khi có là tướng. Vì tướng bất định không thật, nên sở tướng cũng không có; nếu sở tướng bất định không thật, nên tướng cũng không có. Thế nên nói tướng ấy, vô tướng ấy, tướng vô tướng ấy đều không thể có được.

Như trước nói các tướng "Không" v.v... là thật, vì sao? Vì tướng ấy chẳng phải năm uẩn làm, chẳng phải sáu Ba la mật cho đến chẳng phải trí Nhất thiết chủng làm, tướng ấy vì là vô vi không có pháp có thể làm, cũng không có người hay phi nhân có thể làm. người là Bồ tát, chư Phật v.v... phi nhân là chư thiên v.v... Tướng ấy vì rốt ráo không, nên chẳng phải hữu lậu chẳng phải vô lậu, chẳng phải thế gian, chẳng phải xuất thế gian.

Trên tuy nói tướng vô vi, chỉ vì phá hữu vi nên nói là vô vi, vô vi cũng không có định tướng. Trong đây Phâït muốn làm cho việc ấy rõ ràng nên nói thí dụ. Người nghe nghĩ rằng: Nếu không có Phật thì chẳng nghe được tướng ấy, Phật là tối thượng đối với chúng sanh, vậy nên tác thành tướng ấy. Thế nên Phật nói với chư Thiên, dầu có Phật không Phật, tướng ấy thường trú. Phật biết được tướng ấy, nên gọi là Phật.

Bấy giờ, chư Thiên hoan hỷ bạch Phật rằng: Bạch đức thế Tôn, các tướng ấy rất sâu xa, tuy không thể thủ tướng mà có thể tu hành, có thể cho người ta quả báo vô thượng, vì Phật được tướng ấy, nên đối với các pháp được trí vô ngại, nếu phân biệt các pháp có định tướng, thì trí có ngại.

Bạch đức Thế Tôn, an trú trong thật tướng các pháp ấy, thời thông đạt vô ngại, có thể nói các tướng riêng của mỗi mỗi pháp, đó là não hoại là tướng sắc, cho đến liễu tri hiện tiền là tướng của trí Nhất thiết chủng.

Phật khen ý ấy, phân biệt các tướng cho họ, cái biết của phàm phu, mỗi tướng khác nhau, còn Phật biết đều là tướng không, tướng không tức là vô tướng, Phật được vô tướng ấy. Được cái biết ấy không thể so sánh, biết cùng khắp nên gọi là được. Các pháp ấy nay đổi gọi là Bát nhã ba la mật.

KINH: Bấy giờ, Phật bảo Tu bồ đề, Bát nhã ba la mật là mẹ chư phật, Bát nhã ba la mật hay chỉ bày tướng thế gian, thế nên Phật nương tựa pháp ấy mà trú. Cúng dường, cung kính, tôn trọng, tán thán pháp ấy. Pháp ấy là gì? Đó là Bát nhã ba la mật. Chư Phật nương tựa Bát nhã ba la mật mà trú, cung kính, cúng dường, tôn trọng, tán thán Bát nhã ba la mật ấy, vì sao? Vì Bát nhã ba la mật xuất sanh chư Phật.

Phật biết làm người, nếu có người hỏi một cách chánh đáng ai biết làm người, thì đáp một cách chánh đáng là không ai hơn Phật, vì sao? Tu bồ đề, vì Phật biết làm người. Xe pháp mà Phật cỡi đi đến và đạo mà Phật từ đó đi đến, chứng được Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Xe ấy, đạo ấy Phật trở lại cung kính, cúng dường, tôn trọng, tán thán, thọ trì thủ hộ. Tu bồ đề, ấy gọi là Phật biết làm người.

* Lại nữa, Tu bồ đề, Phật biết tất cả pháp không có tướng tạo tác, vì không có tác giả; tất cả pháp không sanh khởi, vì hình trạng không thể có được.

Tu bồ đề, Phật do Bát nhã ba la mật biết tất cả pháp không có tướng tạo tác, cũng do nhân duyên ấy nên Phật biết làm người.

* Lại nữa, Tu bồ đề, Phật do Bát nhã ba la mật biết được tất cả pháp chẳng sanh, vì không có sở đắc. Do nhân duyên ấy nên Bát nhã ba la mật hay sanh chư Phật, hay chỉ bày tướng thế gian.

Tu bồ đề thưa: Bạch đức Thế Tôn, nếu tất cả pháp không kẻ biết, không kẻ thấy, làm sao Bát nhã ba la mật hay sanh chư Phật, hay chỉ bày tướng thế gian?

Phật bảo Tu bồ đề: Như vậy, như vậy! Tất cả pháp thật không có kẻ biét, không có kẻ thấy. Tại sao không có kẻ biết, không có kẻ thấy? Vì tất cả pháp "không", hư dối, không kiên cố, thế nên tất cả pháp không có kẻ biết, không có kẻ thấy.

* Lại nữa, Tu bồ đề, tại sao tất cả pháp không có kẻ biết, không có kẻ thấy? Vì tất cả pháp không có nương tựa, không bị ràng buộc. Vì thế nên tất cả pháp không có kẻ biết không có kẻ thấy.

Như vậy, Tu bồ đề, Bát nhã ba la mật hay sanh chư Phật, hay chỉ bày tướng thế gian. Vì không thấy có tướng sắc nên chỉ bày tướng thế gian; không thấy tướng thọ, tưởng, hành, thức, nên chỉ bày tướng thế gian, cho đến không thấy tướng Nhất thiết chủng, nên chỉ bày tướng thế gian. Như vậy, Tu bồ đề, Bát nhã ba la mật hay sanh chư Phật, hay chỉ bày tướng thế gian.

Tu bồ đề thưa: Bạch đức Thế Tôn, vì sao không thấy tướng sắc nên Bát nhã ba la mật chỉ bày tướng thế gian; không thấy tướng thọ, tưởng, hành, thức, cho đến không thấy tướng trí Nhất thiết chủng, nên chỉ bày tướng thế gian?

Phật bảo Tu bồ đề: Nếu không duyên sắc sanh thức, ấy gọi là không thấy tướng sắc nên chỉ bày; không duyên thọ, tưởng, hành, thức, sanh thức cho đến không duyên trí Nhất thiết chủng sanh thức, ấy gọi là không thấy tướng trí Nhất thiết chủng nên chỉ bày. Như vậy, Tu bồ đề, Bát nhã ba la mật sâu xa ấy hay sanh chư Phật, hay chỉ bày tướng thế gian.

* Lại nữa, Tu bồ đề, làm sao Bát nhã ba la mật hay sanh chư Phật, hay chỉ bày tướng thế gian? Tu bồ đề, Bát nhã ba la mật chỉ bày thế gian không? Chỉ bày thế gian không, thế nào? Là chỉ bày thế gian năm uẩn không, chỉ bày thế gian mười hai nhập không, chỉ bày thế gian mười tám giới không, chỉ bày thế gian mười hai nhân duyên không, chỉ bày thế gian ngã kiến làm căn bản cho sáu mươi hai kiến không, chỉ bày thế gian mười thiện đạo không, chỉ bày thế gian bốn thiền, bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc không; chỉ bày thế gian ba mươi bảy phẩm trợ đạo không; chỉ bày thế gian sáu Ba la mật không, chỉ bày thế gian nội không không, chỉ bày thế gian ngoại không không, chỉ bày thế gian nội ngoại không không, chỉ bày thế gian vô pháp không không, chỉ bày thế gian hữu pháp không không, chỉ bày thế gian vô pháp hữu pháp không không, chỉ bày thế gian hữu vi tánh không, chỉ bày thế gian vô vi tánh không, chỉ bày thế gian Phật mười lực không, chỉ bày thế gian mười tám pháp không chung không, cho đến chỉ bày thế gian trí Nhất thiết chủng không. Như vậy, Tu bồ đề, Bát nhã ba la mật hay sanh chư Phật, hay chỉ bày tướng thế gian.

* Lại nữa, Tu bồ đề, Phật do Bát nhã ba la mật chỉ bày thế gian không, biết thế gian không, giác thế gian không, tư duy thế gian không, phân biệt thế gian không. Như vậy, Tu bồ đề, Bát nhã ba la mật hay sanh chư Phật, hay chỉ bày tướng thế gian.

* Lại nữa, Tu bồ đề, Bát nhã ba la mật chỉ bày thế gian Phật không, chỉ bày thế gian Phật không thế nào? Là chỉ thế gian năm uẩn không, cho đến chỉ bày thế gian trí Nhất thiết chủng không. Như vậy, Tu bồ đề, Bát nhã ba la mật hay sanh chư Phật, hay chỉ bày tướng thế gian.

* Lại nữa, Tu bồ đề, Bát nhã ba la mật chỉ bày thế gian Phật không thể nghĩ bàn, chỉ bày thế gian không thể nghĩ bàn thế nào? Là chỉ bày thế gian năm uẩn không thể nghĩ bàn, cho đến chỉ bày thế gian trí Nhất thiết chủng không thể nghĩ bàn.

* Lại nữa, Tu bồ đề, Bát nhã ba la mật chỉ bày thế gian Phật lìa.Chỉ bày thế gian lìa thế nào? Là chỉ bày thế gian năm uẩn lìa, cho đến chỉ bày thế gian nhất thiết chủng lìa. Như vậy, Tu bồ đề, Bát nhã ba la mật chỉ bày thế gian Phật lìa.

* Lại nữa, Tu bồ đề, Bát nhã ba la mật chỉ bày thế gian Phật tịch diệt. Chỉ bày thế gian tịch diệt thế nào? Là chỉ bày thế gian năm uẩn tịch diệt, cho đến chỉ bày thế gian trí Nhất thiết chủng tịch diệt.

* Lại nữa, Tu bồ đề, Bát nhã ba la mật chỉ bày thế gian rốt ráo không. Chỉ bày thế gian rốt ráo không thế nào? Là chỉ bày thế gian năm uẩn rốt ráo không, cho đến chỉ bày thế gian trí Nhất thiết chủng rốt ráo không.

* Lại nữa, Tu bồ đề, Bát nhã ba la mật chỉ bày thế gian Phật tánh không. Chỉ bày thế gian tánh không là thế nào? Là chỉ bày thế gian năm uẩn tánh không, cho đến chỉ bày thế gian trí Nhất thiết chủng không.

* Lại nữa, Tu bồ đề, Bát nhã ba la mật chỉ bày thế gian Phật vô pháp không. Chỉ bày thế gian vô pháp không thế nào? Là chỉ bày thế gian năm uẩn vô pháp không, cho đến chỉ bày thế gian trí Nhất thiết chủng không.

* Lại nữa, Tu bồ đề, Bát nhã ba la mật chỉ bày thế gian Phật vô pháp hữu pháp không. Chỉ bày thế gian vô pháp hữu pháp không thế nào? Là chỉ bày thế gian năm uẩn vô pháp hữu pháp không, cho đến chỉ bày thế gian trí Nhất thiết chủng không.

* Lại nữa, Tu bồ đề, Bát nhã ba la mật chỉ bày thế gian Phật độc không. Chỉ bày thế gian độc không thế nào? là chỉ bày thế gian năm uẩn độc không, cho đến chỉ bày thế gian trí Nhất thiết chủng không. Như vậy, Tu bồ đề, Bát nhã ba la mậthay sanh chư Phật, hay chỉ bày tướng thế gian. Tu bồ đề, Bát nhã ba la mật thâm sâu ấy chỉ bày tướng thế gian đó là tướng chẳng sanh đời này, đời sau, vì cớ sao? Vì các pháp không cần dùng tướng sanh đời này đời sau.

LUẬN: Bát nhã ba la mật là mẹ chư Phật, vì nhân duyên ấy chư Phật nương tựa Bát nhã ba la mật mà trú. trong Kinh khác nói: Phật nương tựa pháp, lấy pháp làm thầy. Trong đây Phật bảo Tu bồ đề: "Pháp ấy chính là Bát nhã ba la mật" Trong tất cả các pháp bất thiện, không gì hơn tà kiến, vì tà kiến nên không biết ân; tự nhiên ta phải là người biết ân, Bát nhã là tối thượng trong các thiện pháp thế gian, hay làm cho đời này có danh tiếng tốt, đời sau có quả báo thượng diệu, thế nên, Phật tự nói: Ta là đệ nhất trong hạng người biết ân, báo ân. Ta còn biết cái ân của bố thí, trì giới huống gì Bát nhã ba la mật.

* Lại nữa, các Thiên tử nghĩ rằng: Bát nhã ba la mật rốt ráo không, không có tướng nhất định, nên hoặc có người không ham, không qúy, thế nên Phật nói Ta là bậc tôn qúy trong ba cõi còn cúng dường Bát nhã ba la mật, huống gì người khác. Lại có người sanh nghi, Phật đối với hết thảy thế gian, không vướng mắc như hư không, cớ gì lại ham Bát nhã ba la mật ấy và tôn trọng, tán thán tợ như tham đắm. Thế nên Phật nói: Ta không có tâm tham, chỉ phân biệt cho biết các pháp tốt xấu, phải dùng sức nhiều hay ít. Biết Bát nhã ba la mật ấy, có công năng dứt hết thảy lý luận, mở ba thừa đạo, diệt sạch các khổ; có vô lượng, vô biên công đức như vậy, nên tán thán, tôn trọng, cúng dường. Ví như người đi trên đường an ổn, tránh khỏi các hoạn nạn, thường nghĩ chỉ cho người khác biết con đường ấy.

Phật biết làm người là biết người khác có ơn với mình. Có chỗ khác nói Phật không biết làm người sợ người ta nghi, nên nói Phật biết tất cả pháp không có tướng tạo tác, biết tất cả pháp không có tướng tạo tác, nên nói không làm người, chớ chẳng vì không biết ân, nên gọi là không biết làm người. Nói biết làm người, không biết làm người, không có lỗi. Bấy giờ Tu bồ đề dùng nghĩa rốt ráo "không" vấn nạn: Bạch đức Thế Tôn, nếu vì hết thảy pháp rốt ráp không, nên không có người biết, người làm, làm sao Bát nhã ba la mật hay sanh chư Phật, hay chỉ bày thế gian (*Quốc độ - N.D*) chư Phật? Phật chấp thuận câu hỏi ấy, và tự nói nhân duyên: Hết thảy pháp "không", hư dối không kiên cố. Ý Tu bồ đề: Tướng hết thảy các pháp ám độn, không thấy, không biết, làm sao riêng Bát nhã ba la mật có thể thấy, có thể biết? Ý Phật: Hết thảy pháp chẳng phải chỉ không biết, không thấy vì hết thảy pháp không, không kiên cố, không kẻ biết, không kẻ thấy, cũng không thể thủ đắc, nên không nên vấn nạn.

* Lại nữa, vì hết thảy pháp không nơi nương tựa, không bị ràng buộc nên không có kẻ biết, không có kẻ thấy. Nhiều mặt phá các pháp làm cho không, hoặc phá thường, tu hành vô thường mà vào không, hoặc phá thật mà vào không, hoặc vì rốt ráo hết tận nên vào không, hoặc vì hết thảy pháp xa lìa nên vào không. Vào không như vậy nay vì hết thảy pháp không có trú xứ, không có nương tựa, không có ràng buộc; vì không nương tựa nên cũng không sanh diệt, thế nên tức là không. Không ràng buộc là thật tướng hết thảy pháp không bị ràng buộc hay ra khỏi ba cõi, vì cớ sao? Vì ba cõi hư dối, dùng hết thảy pháp, không kẻ biết, không kẻ thấy; như vậy mà chỉ bày thế gian. Bát nhã không thấy các pháp sắc v.v... nên chỉ bày thế gian. Các pháp sắc v.v... không nương tựa, không bị ràng buộc, hư dối, nên không thấy. Trong đây Phật tự nói nhân duyên của không thấy

đó là không sanh thức duyên sắc, cho đến không sanh thức duyên trí Nhất thiết chủng, ấy gọi là không thấy sắc pháp v.v...

Hỏi: Thức có thể không sanh, chứ sắc làm sao không sanh?

Đáp: Tướng não hoại là sắc, nhơn thức nên mới phân biệt biết, không thức thời cũng không có tướng não hoại.

* Lại nữa, hết thảy pháp do nhân duyên hòa hợp nên có tướng sanh, không có tự tánh. Như có các duyên thân, thức, xúc hòa hợp nên biết tướng cứng của đất, tướng cứng ấy không lìa thân và thức mà có được. Thế nên các pháp đều do hòa hợp sanh, không có tự tánh.

Bát nhã ba la mật chỉ bày thế gin không, là thế gian gọi là năm uẩn, cho đến trí Nhất thiết chủng. Khi Bồ tát tu hành Bát nhã ba la mật, quán pháp ấy hoặc lớn, hoặc nhỏ, hoặc trong, hoặc ngoài, không có pháp nào chẳng "không", ấy gọi là Bát nhã ba la mật chỉ bày thế gian không.

Phật chỉ bày thế gian không, là vì hoặc có người nghi Phật ưa đắm pháp nên mới nói trong Bát nhã ba la mật chỉ bày tướng thế gian không, chứ chẳng phải là thật tướng thường có của các pháp ấy. Thế nên Phật nói: Ta chẳng phải ưa đắm pháp nên nói: "Phật biết tướng các pháp so lường gốc ngọn, suy nghĩ, phân biệt, không có pháp gì ra ngoài không. Ta chẳng phải chỉ tán tụng nghe theo người khác nói, mà ta do nội tâm giác tri tư duy phân biệt nên nói chỉ bày tướng thế gian "không". Một đoạn nói chỉ bày tướng thế gian không này là như trên đã rộng nói, xa lìa 62 chấp kiến, nay chỉ nói năm uẩn cho đến trí Nhất thiết chủng. Khi ấy chúng hội cho rằng Bát nhã ba la mật là rốt ráo không, tâm tưởng đắm lấy thế nên Phật nói bất khả tư nghì. Bất khả tư nghì là rốt ráo không, cũng không thể thủ đắc. Rốt ráo không hoặc gọi là lìa, hoặc gọi là tịch diệt.

Lìa tức là phân tán, các pháp lâu về sau không còn sót lạivà tự lìa tánh nó. Biết rốt ráo không rồi, không có tâm số pháp, không có ngữ ngôn, nên gọi là tịch diệt. Nghĩa rốt ráo không v.v... như trước đã nói.

Hỏi: Thế nào là độc không?

Đáp: Mười tám "Không" đều là nhân duyên đối đãi, như nội không là nhân pháp ở bên trong (*trong thân - N.D)* nên gọi là nội không, nếu không có pháp bên trong thời không có nội không; mười tám "Không" đều như vậy. Độc không này, không có nhân duyên, không có đối đãi nên gọi là độc không.

* Lại nữa, độc không là như hư không, như như, pháp tánh, thực tế, Niết bàn.

Chỉ bày thế gian, chẳng phải tướng đời nay, chẳng phải tướng đời sau là có các ngoại đạo chỉ nói đời nay, không nói đời sau. Người ấy tà kiến, rơi vào đoạn diệt; có người nói đời nay, đời sau rằng thần ngã (*thần hồn - N.D*) đời nay nhập vào đời sau, người ấy tà kiến rơi vào chấp thường. Bát nhã ba la mật lìa hai bên đoạn thường mà nói trung đạo, tuy không mà chẳng chấp trước không, chỉ vì người nên nói có tội, có phước, tuy nói tội phước mà không sanh tà kiến chấp thường cũng đối với "Không" không bị chướng ngại. Trong đây Phật tự nói nhân duyên: Rốt ráo không, vì sao có chấp kiến đời nay đời sau, hoặc đoạn, hoặc thường.

KINH: Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn, Bát nhã ba la mật ấy vì đại sự nên sanh khởi. Bạch đức Thế Tôn, Bát nhã ba la mật ấy, vì bất khả tư nghì sự nên sanh khởi. Bạch đức Thế Tôn, Bát nhã ba la mật ấy vì bất khả xứng sự nên sanh khởi, Bạch đức Thế Tôn, Bát nhã ba la mật ấy vì vô lượng sự nên sanh khởi. Bạch đức Thế Tôn, Bát nhã ba la mật ấy vì vô đẳng đẳng sự nên sanh khởi.

Phật dạy: Như vậy, như vậy! Tu bồ đề, Bát nhã ba la mật vì đại sự nên sanh khởi. Vì bất tư nghì sự nên sanh khởi. Vì bất khả xứng sự nên sanh khởi. Vì vô lượng sự nên sanh khởi. Vì vô đẳng đẳng sự nên sanh khởi.

Tu bồ đề, thế nào Bát nhã ba la mật vì đại sự nên sanh khởi? Này Tu bồ đề, đại sự của chư Phật là cứu độ hết thảy chúng sanh, không bỏ hết thảy chúng sanh.

Tu bồ đề, thế nào là Bát nhã ba la mật vì bất tư nghì sự nên sanh khởi? Này Tu bồ đề, Bất tư nghì là pháp của Phật, pháp của Như Lai, pháp của người Tự nhiên, pháp của người Nhất thiết trí. Vì vậy nên chư Phật Bát nhã ba la mật vì bất tư nghì sự nên sanh khởi.

Tu bồ đề, thế nào Bát nhã ba la mật vì bất khả xứng sự nên sanh khởi? Này Tu bồ đề, trong hết thảy chúng sanh, không ai có thể suy nghĩ, cân lường Phật pháp, Như Lai pháp, pháp của người Tự nhiên, pháp của người Nhất thiết trí nên Bát nhã ba la mật vì bất khả xứng sự nên sanh khởi.

Tu bồ đề, thế nào Bát nhã ba la mật vì vô lượng sự nên sanh khởi? Này Tu bồ đề, trong hết thảy chúng sanh, không ai có thể lường hết Phật pháp, Như Lai pháp, pháp của người Tự nhiên, pháp của người Nhất thiết trí. Thế nên Bát nhã ba la mật vì vô lượng sự nên sanh khởi.

Tu bồ đề, thế nào Bát nhã ba la mật vì vô đẳng đẳng sự nên sanh khởi? Này Tu bồ đề, trong hết thảy chúng sanh không ai có thể ngang bằng với Phật, huống gì quá hơn. Thế nên Bát nhã ba la mật vì vô đẳng đẳng sự nên sanh khởi. Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn, chỉ có Phật pháp, Như Lai pháp, pháp của người Tự nhiên, pháp của người Nhất thiết trí, không thể nghĩ bàn, không thể cân, không thể lường, vô đẳng đẳng sự sanh khởi ư?

Phật bảo Tu bồ đề: Như vậy, như vậy! Phật pháp, Như Lai pháp, pháp người Tự nhiên, pháp người Nhất thiết trí là không thể nghĩ bàn, không thể cân, không có lường, không chi ngang bằng. Sắc cũng không thể nghĩ bàn, không thể cân, không thể lường, không thể ngang bằng; thọ, tưởng, hành, thức cũng không thể nghĩ bàn, không thể cân, không thể lường, không chi ngang bằng; cho đến trí Nhất thiết chủng, pháp tánh, pháp tướng không thể nghĩ bàn, không thể cân, không thể lường, không chi ngang bằng. Trong đó tâm tâm số pháp bặt dứt, không thể có được.

Lại nữa, Tu bồ đề, sắc không thể nghĩ bàn là cũng không thể có được, cho đến sắc không chi ngang bằng là cũng không thể có được; thọ, tưởng, hành, thức cho đến trí Nhất thiết chủng không chi ngang bằng là cũng không thể có được.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Nhân duyên gì sắc không thể nghĩ bàn ... cho đến không có chi bằng là cũng không thể có được? Thọ, tưởng, hành, thức cho đến trí Nhất thiết chủng không có chi bằng là cũng không thể có được?

Phật bảo Tu bồ đề: Vì không thể lường về sắc, cũng không thể lường về thọ, tưởng, hành, thức cho đến không thể lường về trí Nhất thiết chủng.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn, vì nhân duyên gì không thể lường về sắc, cho đến không thể lường về trí Nhất thiết chủng?

Phật bảo Tu bồ đề: Vì sắc không thể nghĩ bàn, cho đến vì sắc không chi sánh bằng nên không thể lường cho đến vì trí Nhất thiết chủng không thể nghĩ bàn, vì trí Nhất thiết chủng không chi sánh bằng nên không thể lường.

Tu bồ đề, ý ông nghĩ sao, không thể nghĩ bàn cho đến không chi sánh bằng liệu có thể có được chăng? Sắc, thọ, tưởng, hành thức cho đến trí Nhất thiết chủng liệu có thể có được chăng?

Tu bồ đề thưa: Bạch đức Thế Tôn, không thể có được.

Này Tu bồ đề, vì thế nên hết thảy pháp không thể nghĩ bàn, cho đến không chi sánh bằng. Như vậy, Tu bồ đề, pháp của chư Phật không thể nghĩ bàn, không thể cân, không thể lường, không chi ngang bằng. Tu bồ đề, ấy gọi là pháp chư Phật không thể nghĩ bàn, cho đến không chi ngang bằng.

Tu bồ đề, Pháp chư Phật không thể nghĩ bàn, vì vượt quá tướng nghĩ bàn; không thể cân vì vượt quá cân lường; không thể lường vì vượt quá sự lường; không chi ngang bằng vì vượt quá ngang bằng.

Tu bồ đề, vì nhân duyên ấy, hết thảy pháp cũng là tướng không thể nghĩ bàn, cho đến không chi ngang bằng.

Tu bồ đề, gọi không thể nghĩ bàn là nghĩa không thể nghĩ bàn; gọi không thể cân, là nghĩa không thể cân; gọi không lường là nghĩ không thể lường, gọi không chi ngang bằng là nghĩa không thể ngang bằng.

Tu bồ đề, ấy là pháp chư Phật không thể nghĩ bàn cho đến không chi ngang bằng. Không thể nghĩ bàn như hư không, không thể nghĩ bàn, không thể cân như hư không không thể cân, không có suy lường như hư không có thể lường, không chi ngang bằng như hư không không chi ngang bằng. Tu bồ đề, ấy cũng gọi pháp chư Phật không thể nghĩ bàn, cho đến không chi ngang bằng. Phật pháp vô lượng như vậy, hết thảy thế gian, người, trời, A tu la không ai có thể nghĩ bàn, trù lượng.

Trong khi nói phẩm các Phật pháp không thể nghĩ bàn, không thể cân không có lường, không chi ngang bằng. 500 Tỳ kheo vì không lãng thọ hết thảy pháp nên các lậu sạch hết, tâm giải thoát được A la hán. 20 Tỳ kheo ni cũng không chấp thủ hết thảy pháp nên sạch hết các lậu được A la hán. 6 vạn Ưu bà tắc, 3 vạn Ưu bà di đối với các pháp xa lìa trần cấu, đối với các pháp con mắt pháp sanh khởi, 20 Bồ tát ma ha tát được vô sanh pháp nhẫn sẽ được thọ ký trong hiền kiếp này.

LUẬN: Tu bồ đề thâm hiểu tướng Bát nhã đối với các pháp không đắm, không ngại, tâm sanh hoan hỷ. Bạch Phật rằng: "Bạch đức Thế Tôn, Bát nhã ba la mật vì đại sự nên sanh khởi v.v... *Đại sự* là phá hết thảy đại khổ não cho chúng sanh, đem cho chúng sanh đại pháp vô thượng của Phật nên gọi là *đại sự*. Nghĩa là không thể nghĩ bàn như trước đã nói, *không thể cân* là chỉ trí tuệ, thực tướng Bát nhã quyết định, rất sâu, rất nặng. Trí tuệ mỏng nhẹ nên không thể cân, lại vì Bát nhã nhiều trí tuệ ít nên không thể cân. Lại chỗ lợi ích Bát nhã rất rộng, khi chưa thành có thể cho quả báo thế gian, khi thành rồi cho quả báo đại pháp. Lại biết

rốt ráo cùng tận gọi là cân, Bát nhã ba la mật không thể cân biết, hoặc thường, hoặc vô thường, hoặc thật, hoặc hư, hoặc có, hoặc không, như vậy là những nghĩa không thể cân. *Vô lượng sự* là có người nói Cân tức là lường, có người nói chấp thủ tướng tức là lường, Bát nhã ba la mật không thể thủ tướng nên gọi là vô lường. Lại Bồ tát lấy bốn tâm vô lượng, tu hành Bát nhã nên gọi là vô lượng. Lại lượng là trí tuệ. Trí tuệ phàm phu, trí tuệ Nhị thừa, trí tuệ Bồ tát, không ai có thể lường được biên giới của Bát nhã nên gọi là vô lượng. *Vô đẳng đẳng* (không chi ngang bằng) là vô đẳng chỉ Niết bàn, hết thảy pháp hữu vi không có chi bằng Niết bàn. Niết bàn có 3: Niết bàn Thanh văn; Niết bàn Bích chi Phật; Niết bàn của Phật Bát nhã đưa đến Đ?i thừa Niết bàn nên gọi là Bát nhã vô đẳng đẳng.

* Lại nữa, hết thảy chúng sanh, không thể ngang bằng Phật nên Phật là vô đẳng; Bát nhã ba la mật lợi ích chúng sanh, tương tợ như Phật nên gọi là vô đẳng đẳng.

* Lại nữa, pháp chư Phật là vi diệu bậc nhất, không thể ngang bằng, không thể sánh kịp, không thể so sánh; Bát nhã ba la mật hay làm cho chúng sanh có được tâm ấy nên gọi là vô đẳng đẳng.

* Lại nữa, vô đẳng là thực tướng các pháp, các quán, các hành không thể sánh kịp vì thật tướng không có hý luận, không thể phá hoại được nên gọi là vô đẳng; Bồ tát được vô đẳng ấy vì hay khởi tâm từ bi đối v?i chúng sanh nên gọi là vô đẳng đẳng. Tu bồ đề thuộc hàng Thanh văn không có Nhất thiết trí mà có thể nói Bát nhã không thể nghĩ bàn ấy. Phật chấp thuận lời đó. Phật tự nói năm việc: Chúng sanh vô lượng vô biên nhiều hơn vi trần trong mười phương hằng hà sa thế giới, chư Phật dùng mười trí lực, muốn cứu vớt hết nên gọi là đại sự. Lại có Bồ tát tu lâu ngày được vô sanh pháp nhẫn, vì không bỏ chúng sanh nên không vào Vô dư Niết bàn.

* Lại nữa, lúc Bồ tát ấy thành Phật đạo, vì chúng sanh nên chịu năm việc: 1. Là chịu các lao khổ; 2. Là chịu bỏ cái vui tịch tịnh; 3. Là chịu cộng sự với người ác; 4. Là chịu tiếp đối cùng người; 5. là chịu vào đại chúng hội. Phật thâm đắc cái vui ly dục mà vì chúng sanh nên cam chịu năm việc lao khổ, giống như hưởng thọ công đức, ấy là đại sự. *Không thể nghĩ bàn* là chỉ cho Phật pháp, Như Lai pháp, pháp người Tự nhiên, pháp người Nhất thiết trí. Phật pháp là, Phật gọi là giác đối với hết thảy vô minh, mê ngủ bắùt đầu tỉnh giác gọi là giác. Như Lai là giống như chư Phật quá khứ, tu hành sáu Ba la mật được như tướng của các pháp, đi đến Phật đạo. Nay Phật cũng con đường như vậy đi đến, như chư Phật

quá khứ đi đến nên gọi là Như Lai. *Pháp người Tự nhiên* là hàng Thanh văn cũng có "giác" cũng có "như", nhưng nghe từ người khác ấy là pháp đệ tử, nên nói Phật là người tự nhiên, không nghe từ người khác. *Pháp người Nhất thiết trí* là Bích chi Phật cũng tự nhiên đắc quả, không nghe từ người khác nhưng không có Nhất thiết trí. Bốn thứ pháp ấy, không có ai có thể suy nghĩ, cân lường nên gọi là không thể nghĩ bàn, không thể cân, không thể lường. Lại không có pháp gì tương tợ pháp ấy nên gọi là vô đẳng đẳng.

Tui bồ đề sợ hàng Bồ tát tân học chấp đắm bốn pháp ấy nên bạch Phật rằng: Chỉ có bốn pháp ấy không thể nghĩ bàn, không có chi ngang bằng chăng?

Phật đáp: Các pháp sắc v.v... cũng không thể nghĩ bàn, không thể cân, không thể lường, vô đẳng đẳng. Trong đây Phật tự nói nhân duyên vì các pháp sắc v.v... không thể có được.

Như vậy, Tu bồ đề, các Phật pháp không thể nghĩ bàn, không thể nghĩ bàn như việc nói trên. Luận giả trước giải rộng, trong đây Phật nói lược, không thể nghĩ bàn là vượt qua tướng nghĩ bàn, vượt qua tướng đẳng đẳng. Về ý nghĩa, pháp Niết bàn không thể nghĩ bàn, về danh tự vì thuộc Thế đế nên có thể nghĩ bàn. Như hư không, không thể nghĩ bàn là như phẩm trước nói, tướng hư không không thể nghĩ bàn, thế nên nói không thể nghĩ bàn cho đến vô đảng đẳng như hư không, vì hư không không thể lấy chi ví dụ nên gọi là vô đẳng đẳng. Tướng Bát nhã ba la mật tức là tướng Phật pháp; không thể nghĩ bàn, không thể cân, không thể lường, vô đẳng đẳng tức là tướng Phật pháp. Phật pháp ấy, hết thảy thế gian người, trời, A tu la, không ai có thể nghĩ bàn, cân lường được. Trong sáu đường mà trong đây chỉ nói ba đường là chúng sanh trong ba đường thiện còn không thể cân lường, huống chi chúng sanh trong ba đường ác.

Hỏi: Trong khi nói phẩm này, cớ gì số Tỳ kheo ni, Bồ tát đắc đạo ít?

Đáp: Trong đây phần nhiều tán thán pháp chư Phật là không thể nghĩ bàn, không thể cân, không thể lường, không chi ngang bằng. Người nghe đa số tăng thêm tín căn nên kẻ bạch y đắc đạo nhiều, người nữ tuy có lòng tin nhiều mà trí tuệâ ít nên đắc đạo cũng ít. Kẻ áo trắng tham đắm thế sự, trí tuệ cạn mỏng, căn tánh ám độn, không thể sạch hết lậu hoặc. Các Tỳ kheo các căn tín và tuệ bằng nhau, nhất tâm cầu đạo nên người sạch hết lậu hoặc nhiều. Tỳ kheo ni vì trí tuệ ít nên chỉ có 20 người sạch hết lậu hoặc, tuy nhiều người được đạo quả ban đầu số vượt hơn kẻ áo trắng, nhưng vì không sạch hết lậu hoặc, không khác kẻ áo trắng thì trong đây không nói. Vào vô sanh pháp nhẫn thậm thâm khó được vào

nên ít người; lại vì người đối với pháp này gieo trồng nhân duyên ít. Sẽ được thọ ký trong hiền kiếp là hoặc có người nói: Trong hiền kiếp ngàn đức Phật trừ bốn đức Phật, sẽ thọ ký cho. Hoặc có người nói, đức Phật Thích ca Văn thọ ký cho, trong hiền kiếp làm Phật ở các thế giới khác.

(Hết cuốn 70 của bản Hán)

--o0o --